

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

#### 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

- Tên gói thầu: May sắm đồng phục cho CBCNV-NLĐ năm 2026.
- Tên dự toán: May sắm đồng phục cho CBCNV-NLĐ Công ty Vận chuyển và Kho vận Bưu điện năm 2026.
- Thời gian thực hiện: 90 ngày.
- Số lượng, chủng loại đồng phục và địa điểm thực hiện lấy số đo, bàn giao đồng phục, cụ thể như sau:

| STT       | Nhóm chức danh                                                                        | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa điểm                                           |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|----------------------------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Văn phòng Công ty</b>                                                              |             |            | Số 1 Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội. |
| <b>A</b>  | <b>Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ</b>                        |             |            |                                                    |
| 1         | Áo vest (nam)                                                                         | cái         | 6          |                                                    |
| 2         | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                                | cái         | 5          |                                                    |
| 3         | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                                | cái         | 15         |                                                    |
| 4         | Quần âu (Nam)                                                                         | cái         | 20         |                                                    |
| 5         | Áo vest (nữ)                                                                          | cái         | 7          |                                                    |
| 6         | Áo sơ mi cộc tay (Nữ)                                                                 | cái         | 17         |                                                    |
| 7         | Áo sơ mi dài tay (Nữ)                                                                 | cái         | 21         |                                                    |
| 8         | Quần âu (Nữ)                                                                          | cái         | 18         |                                                    |
| 9         | Jupe (Nữ)                                                                             | cái         | 17         |                                                    |
| <b>B</b>  | <b>Nhóm chức danh bảo vệ, tạp vụ</b>                                                  |             |            |                                                    |
| 1         | Áo phông cộc tay (Nữ)                                                                 | cái         | 2          |                                                    |
| 2         | Áo phông dài tay (Nữ)                                                                 | cái         | 2          |                                                    |
| 3         | Quần bảo hộ (Nữ)                                                                      | cái         | 4          |                                                    |
| <b>II</b> | <b>Trung tâm Vận chuyển và Kho vận miền Bắc</b>                                       |             |            | Thôn Bảo Tháp, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội.    |
| <b>A</b>  | <b>Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ</b>                        |             |            |                                                    |
| 1         | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                                | cái         | 3          |                                                    |
| 2         | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                                | cái         | 16         |                                                    |
| 3         | Quần âu (Nam)                                                                         | cái         | 19         |                                                    |
| 4         | Áo sơ mi cộc tay (Nữ)                                                                 | cái         | 2          |                                                    |
| 5         | Áo sơ mi dài tay (Nữ)                                                                 | cái         | 5          |                                                    |
| 6         | Quần âu (Nữ)                                                                          | cái         | 6          |                                                    |
| 7         | Jupe (Nữ)                                                                             | cái         | 1          |                                                    |
| <b>B</b>  | <b>Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô</b> |             |            |                                                    |
| 1         | Áo bảo hộ cộc tay (Nam)                                                               | cái         | 20         |                                                    |
| 2         | Áo bảo hộ dài tay (Nam)                                                               | cái         | 99         |                                                    |
| 3         | Áo phông cộc tay (Nam)                                                                | cái         | 178        |                                                    |
| 4         | Áo phông dài tay (Nam)                                                                | cái         | 11         |                                                    |
| 5         | Quần bảo hộ (Nam)                                                                     | cái         | 300        |                                                    |
| 6         | Áo bảo hộ cộc tay (Nữ)                                                                | cái         | 68         |                                                    |
| 7         | Áo bảo hộ dài tay (Nữ)                                                                | cái         | 31         |                                                    |
| 8         | Áo phông cộc tay (Nữ)                                                                 | cái         | 89         |                                                    |
| 9         | Áo phông dài tay (Nữ)                                                                 | cái         | 4          |                                                    |



| STT | Nhóm chức danh                                                                 | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa điểm                                                                                |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
| 10  | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 192        |                                                                                         |
| C   | Nhóm chức danh công nhân lái xe, công nhân vận chuyển                          |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo phông cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 480        |                                                                                         |
| 2   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 480        |                                                                                         |
| 3   | Áo khoác                                                                       | cái         | 240        |                                                                                         |
| D   | Nhóm chức danh bảo vệ, tạp vụ                                                  |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo phông cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 10         |                                                                                         |
| 2   | Áo phông dài tay (Nam)                                                         | cái         | 2          |                                                                                         |
| 3   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 12         |                                                                                         |
| III | Trung tâm Vận chuyển và Kho vận miền Trung                                     |             |            |                                                                                         |
| A   | Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ                        |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 5          |                                                                                         |
| 2   | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                         | cái         | 9          |                                                                                         |
| 3   | Quần âu (Nam)                                                                  | cái         | 14         |                                                                                         |
| 4   | Áo sơ mi cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 4          |                                                                                         |
| 5   | Áo sơ mi dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 1          |                                                                                         |
| 6   | Quần âu (Nữ)                                                                   | cái         | 3          |                                                                                         |
| 7   | Jupe (Nữ)                                                                      | cái         | 2          |                                                                                         |
| B   | Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo bảo hộ cộc tay (Nam)                                                        | cái         | 57         |                                                                                         |
| 2   | Áo bảo hộ dài tay (Nam)                                                        | cái         | 21         |                                                                                         |
| 3   | Áo phông cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 99         |                                                                                         |
| 4   | Áo phông dài tay (Nam)                                                         | cái         | 15         |                                                                                         |
| 5   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 192        |                                                                                         |
| 6   | Áo phông cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 21         |                                                                                         |
| 7   | Áo phông dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 5          |                                                                                         |
| 8   | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 26         |                                                                                         |
| C   | Nhóm chức danh công nhân lái xe, công nhân vận chuyển                          |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo phông cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 139        |                                                                                         |
| 2   | Áo phông dài tay (Nam)                                                         | cái         | 70         |                                                                                         |
| 3   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 208        |                                                                                         |
| 4   | Áo khoác                                                                       | cái         | 104        |                                                                                         |
| IV  | Trung tâm Vận chuyển và Kho vận miền Nam                                       |             |            | Lô D8C, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. |
| A   | Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ                        |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 5          |                                                                                         |
| 2   | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                         | cái         | 11         |                                                                                         |
| 3   | Quần âu (Nam)                                                                  | cái         | 16         |                                                                                         |
| 4   | Áo sơ mi cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 1          |                                                                                         |
| 5   | Áo sơ mi dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 6          |                                                                                         |
| 6   | Quần âu (Nữ)                                                                   | cái         | 5          |                                                                                         |
| 7   | Jupe (Nữ)                                                                      | cái         | 2          |                                                                                         |
| B   | Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô |             |            |                                                                                         |
| 1   | Áo bảo hộ cộc tay (Nam)                                                        | cái         | 48         |                                                                                         |
| 2   | Áo bảo hộ dài tay (Nam)                                                        | cái         | 10         |                                                                                         |
| 3   | Áo phông cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 254        |                                                                                         |



| STT | Nhóm chức danh                                                                 | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa điểm                                                                                                              |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4   | Áo phong dài tay (Nam)                                                         | cái         | 6          |                                                                                                                       |
| 5   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 314        |                                                                                                                       |
| 6   | Áo bảo hộ cộc tay (Nữ)                                                         | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 7   | Áo bảo hộ dài tay (Nữ)                                                         | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 8   | Áo phong cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 124        |                                                                                                                       |
| 9   | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 128        |                                                                                                                       |
| C   | Nhóm chức danh công nhân lái xe, công nhân vận chuyển                          |             |            |                                                                                                                       |
| 1   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 149        |                                                                                                                       |
| 2   | Áo phong dài tay (Nam)                                                         | cái         | 215        |                                                                                                                       |
| 3   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 364        |                                                                                                                       |
| 4   | Áo khoác                                                                       | cái         | 182        |                                                                                                                       |
| V   | Trung tâm Vận chuyển và Kho vận Bắc Trung bộ                                   |             |            | Lô 13, lô 14 và lô 15,<br>số 8 đường số 1 KCN<br>VSIP Nghệ An, xã<br>Hưng Tây, huyện<br>Hưng Nguyên, tỉnh<br>Nghệ An. |
| A   | Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ                        |             |            |                                                                                                                       |
| 1   | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 1          |                                                                                                                       |
| 2   | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                         | cái         | 1          |                                                                                                                       |
| 3   | Quần âu (Nam)                                                                  | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 4   | Áo sơ mi cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 3          |                                                                                                                       |
| 5   | Quần âu (Nữ)                                                                   | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 6   | Jupe (Nữ)                                                                      | cái         | 1          |                                                                                                                       |
| B   | Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô |             |            |                                                                                                                       |
| 1   | Áo bảo hộ cộc tay (Nam)                                                        | cái         | 12         |                                                                                                                       |
| 2   | Áo bảo hộ dài tay (Nam)                                                        | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 3   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 19         |                                                                                                                       |
| 4   | Áo phong dài tay (Nam)                                                         | cái         | 3          |                                                                                                                       |
| 5   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 36         |                                                                                                                       |
| 6   | Áo bảo hộ cộc tay (Nữ)                                                         | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 7   | Áo bảo hộ dài tay (Nữ)                                                         | cái         | 13         |                                                                                                                       |
| 8   | Áo phong cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 12         |                                                                                                                       |
| 9   | Áo phong dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 3          |                                                                                                                       |
| 10  | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 30         |                                                                                                                       |
| C   | Nhóm chức danh công nhân lái xe, công nhân vận chuyển                          |             |            |                                                                                                                       |
| 1   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 2   | Áo phong dài tay (Nam)                                                         | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 3   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 4          |                                                                                                                       |
| 4   | Áo khoác                                                                       | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| VI  | Trung tâm Vận chuyển và Kho vận Tây Nam bộ                                     |             |            | Lô 3A đường Lý<br>Thái Tổ, khu dân cư<br>Hưng Phú 1, phường<br>Hưng Phú, quận Cái<br>Răng, thành phố Cần<br>Thơ.      |
| A   | Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ                        |             |            |                                                                                                                       |
| 1   | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 2   | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                         | cái         | 3          |                                                                                                                       |
| 3   | Quần âu (Nam)                                                                  | cái         | 5          |                                                                                                                       |
| 4   | Áo sơ mi dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 4          |                                                                                                                       |
| 5   | Quần âu (Nữ)                                                                   | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| 6   | Jupe (Nữ)                                                                      | cái         | 2          |                                                                                                                       |
| B   | Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô |             |            |                                                                                                                       |
| 1   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 148        |                                                                                                                       |

*[Chữ ký]* <sup>3</sup>



| STT | Nhóm chức danh                                                                 | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa điểm                                                 |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|----------------------------------------------------------|
| 2   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 148        |                                                          |
| 3   | Áo phong cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 16         |                                                          |
| 4   | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 16         |                                                          |
| C   | Nhóm chức danh công nhân lái xe, công nhân vận chuyển                          |             |            |                                                          |
| 1   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 76         |                                                          |
| 2   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 76         |                                                          |
| 3   | Áo khoác                                                                       | cái         | 38         |                                                          |
| D   | Nhóm chức danh bảo vệ, tạp vụ                                                  |             |            |                                                          |
| 1   | Áo phong dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 4          |                                                          |
| 2   | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 4          |                                                          |
| VII | Trung tâm Vận chuyển và Kho vận Nam Trung bộ                                   |             |            | Thôn Ngọc Thạch 2,<br>xã Tuy Phước Tây,<br>tỉnh Gia Lai. |
| A   | Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ                        |             |            |                                                          |
| 1   | Áo sơ mi cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 3          |                                                          |
| 2   | Áo sơ mi dài tay (Nam)                                                         | cái         | 1          |                                                          |
| 3   | Quần âu (Nam)                                                                  | cái         | 4          |                                                          |
| 4   | Áo sơ mi cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 1          |                                                          |
| 5   | Jupe (Nữ)                                                                      | cái         | 1          |                                                          |
| B   | Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô |             |            |                                                          |
| 1   | Áo bảo hộ cộc tay (Nam)                                                        | cái         | 5          |                                                          |
| 2   | Áo bảo hộ dài tay (Nam)                                                        | cái         | 2          |                                                          |
| 3   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 49         |                                                          |
| 4   | Áo phong dài tay (Nam)                                                         | cái         | 6          |                                                          |
| 5   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 62         |                                                          |
| 6   | Áo phong cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 8          |                                                          |
| 7   | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 8          |                                                          |
| C   | Nhóm chức danh bảo vệ, tạp vụ                                                  |             |            |                                                          |
| 1   | Áo phong cộc tay (Nam)                                                         | cái         | 4          |                                                          |
| 2   | Áo phong dài tay (Nam)                                                         | cái         | 2          |                                                          |
| 3   | Quần bảo hộ (Nam)                                                              | cái         | 6          |                                                          |
| 4   | Áo phong cộc tay (Nữ)                                                          | cái         | 1          |                                                          |
| 5   | Áo phong dài tay (Nữ)                                                          | cái         | 1          |                                                          |
| 6   | Quần bảo hộ (Nữ)                                                               | cái         | 2          |                                                          |

## 2. Yêu cầu về mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải (cấu trúc vải)

2.1. Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu mang tính kỹ thuật thuần túy: Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải (cấu trúc vải) cho từng chủng loại hàng hóa và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Nhà thầu căn cứ yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn để làm cơ sở lập E-HSDT.

2.2. Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của hàng hóa gồm các Phụ lục mẫu, Catalogue của Chủ đầu tư đính kèm theo E-HSMT.

Yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (mô tả cấu trúc vải, mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải) cụ thể cho từng chủng loại hàng hóa được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây:



| STT                                                             | Tên, chủng loại hàng hóa | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Thời gian bảo hành hàng hóa |
|-----------------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                 |                          | Mô tả cấu trúc vải (Mô tả thành phần tương đương)                                | Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                             |
| I Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ (nam) |                          |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             |
| 1                                                               | Áo veston                | Thành phần tương đương<br>48-100% Wool<br>0-49% Polyester<br>0-3% Spandex        | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo veston: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo sơ mi nam ngắn tay/dài tay, quần tây, áo veston, cavat vàng (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.3. Áo veston – Áo veston nam (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo vest, quần âu, jupe nam/nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                            | 06 tháng                    |
| 2                                                               | Áo sơ mi dài tay         | Thành phần tương đương 48-75% Tencel (Rayon)<br>25-49% Polyester<br>0-3% Spandex | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo sơ mi ngắn tay: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo sơ mi nam ngắn tay, quần tây (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>- Áo sơ mi dài tay: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo sơ mi nam dài tay, quần tây, cavat vàng (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.1. Áo sơ mi lãnh đạo, quản lý văn phòng – Sơ mi nam ngắn tay và sơ mi nam dài tay (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo sơ mi nam nữ (mẫu kèm theo E-HSMT) | 06 tháng                    |
| 3                                                               | Áo sơ mi ngắn tay        |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             |
| 4                                                               | Quần âu                  | Thành phần tương đương<br>48-100% Wool<br>0-49% Polyester<br>0-3% Spandex        | 1. Mẫu thiết kế: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo sơ mi nam ngắn tay, quần tây (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.5. Quần âu – Quần âu nam (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo vest, quần âu, jupe nam/nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                                                                               | 06 tháng                    |
| II Nhóm chức danh quản lý, văn phòng, chuyên môn nghiệp vụ (nữ) |                          |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             |
| 1                                                               | Áo veston                | Thành phần tương đương<br>48-100% Wool<br>0-49% Polyester<br>0-3% Spandex        | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo veston: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo sơ mi nữ ngắn tay/dài tay, quần tây, áo veston, khăn vàng (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.3. Áo veston – Áo veston nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng – Áo vest, quần âu, jupe nam/nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                               | 06 tháng                    |
| 2                                                               | Áo sơ mi dài tay         | Thành phần tương đương 48-75% Tencel (Rayon)<br>25-49% Polyester<br>0-3% Spandex | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo sơ mi dài tay: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo sơ mi nữ dài tay, quần tây (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>- Áo sơ mi ngắn tay: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo sơ mi nữ ngắn tay, jupe (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.1. Áo sơ mi Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo sơ mi nữ dài tay và áo sơ mi nữ ngắn tay (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                       | 06 tháng                    |
| 3                                                               | Áo sơ mi ngắn tay        |                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                             |



| STT                                                                                             | Tên, chủng loại hàng hóa    | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian bảo hành hàng hóa |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                                                 |                             | Mô tả cấu trúc vải (Mô tả thành phần tương đương)                                                                                                                                                                                                                                                                | Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                             |
|                                                                                                 |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo sơ mi nam, nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                             |
| 4                                                                                               | Jupe                        | Thành phần tương đương<br>48-100% Wool<br>0-49% Polyester<br>0-3% Spandex                                                                                                                                                                                                                                        | 1. Mẫu thiết kế: 1.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo sơ mi nữ ngắn tay, jupe (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: Jupe: 2.4. Jupe nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo vest, quần âu, jupe nam/nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                                                                                                 | 06 tháng                    |
| 5                                                                                               | Quần âu                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1. Mẫu thiết kế: 1.1. Lãnh đạo quản lý văn phòng - Áo sơ mi nữ dài tay, quần tây (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.5. Quần âu - Quần âu nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.1. Lãnh đạo, quản lý văn phòng - Áo vest, quần âu, jupe nam/nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                                                                                        | 06 tháng                    |
| <b>III Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô (nam)</b> |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |
| 1                                                                                               | Áo bảo hộ lao động dài tay  | - Thành phần: ( $\pm 3$ ): 66% Polyester, 15% Bông, 19% Visco.<br>- Khối lượng: ( $\pm 5$ ): 149g/m <sup>2</sup> .<br>- Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc (sợi/10cm): 246, Ngang (sợi/10cm): 262.<br>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 45/2, Ngang (Ne) 45/2, thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ) | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo bảo hộ lao động dài tay: 1.3. Khai thác - Áo bảo hộ lao động nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>- Áo bảo hộ lao động ngắn tay: 1.3. Khai thác - và áo bảo hộ lao động nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.9. Áo bảo hộ lao động - Áo bảo hộ lao động dài tay và áo bảo hộ lao động ngắn tay (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>3. Mẫu vải: 3.9 Áo bảo hộ lao động khai thác (mẫu kèm theo E-HSMT). | 06 tháng                    |
| 2                                                                                               | Áo bảo hộ lao động ngắn tay |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |
| 3                                                                                               | Áo phong dài tay            | - Thành phần: ( $\pm 3$ ): 34% Polyester, 66% Bông.<br>- Khối lượng: ( $\pm 5$ ): 203g/m <sup>2</sup> .<br>- Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Hàng vòng (sợi/10cm): 196, Cột vòng (sợi/10cm): 136.<br>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 32/1, Ngang (Den) 80, thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 6$ )    | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo phong dài tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>- Áo phong ngắn tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.8. Áo phong bưu tá dài tay, áo phong bưu tá ngắn tay.<br>3. Mẫu vải: 3.6. Bưu tá, lái xe (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                               | 06 tháng                    |
| 4                                                                                               | Áo phong ngắn tay           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |



| STT                                                                                           | Tên, chủng loại hàng hóa    | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Thời gian bảo hành hàng hóa |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                                               |                             | Mô tả cấu trúc vải (Mô tả thành phần tương đương)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                             |
| 5                                                                                             | Quần bảo hộ lao động        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 42% Polyester, 58% Bông.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 204g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Dọc (sợi/10cm): 444, Ngang (sợi/10cm): 210.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 20/1, Ngang (Ne) 20/1, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 3</math>)</li> </ul>            | 1. Mẫu thiết kế: 1.3 Khai thác - Áo bảo hộ lao động nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.10. Quần bảo hộ lao động - Quần bảo hộ lao động nam (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.10. Quần bảo hộ lao động nam (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                                                                                         | 06 tháng                    |
| <b>IV Nhóm chức danh công nhân khai thác, công nhân bốc xếp, công nhân sửa chữa ô tô (nữ)</b> |                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |
| 1                                                                                             | Áo bảo hộ lao động dài tay  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 66% Polyester, 15% Bông, 19% Visco.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 149g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Dọc (sợi/10cm): 246, Ngang (sợi/10cm): 262.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 45/2, Ngang (Ne) 45/2, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 3</math>)</li> </ul> | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo bảo hộ lao động dài tay: 1.3. Khai thác - Áo bảo hộ lao động nữ dài tay, quần áo bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>- Áo bảo hộ lao động ngắn tay: 1.3. Khai thác - Áo bảo hộ lao động nữ ngắn tay, quần áo bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.9. Áo bảo hộ lao động - Áo bảo hộ lao động dài tay và áo bảo hộ lao động ngắn tay (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.9 Áo bảo hộ lao động khai thác (mẫu kèm theo E-HSMT). | 06 tháng                    |
| 2                                                                                             | Áo bảo hộ lao động ngắn tay |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |
| 3                                                                                             | Áo phong dài tay            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 34% Polyester, 66% Bông.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 203g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Hàng vòng (sợi/10cm): 196, Cột vòng (sợi/10cm): 136.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 32/1, Ngang (Den) 80, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 6</math>)</li> </ul>    | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo phong dài tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nữ dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>- Áo phong ngắn tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nữ ngắn tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.8. Áo phong bưu tá dài tay, áo phong bưu tá ngắn tay.<br>3. Mẫu vải: 3.6. Bưu tá, lái xe (mẫu kèm theo E-HSMT).                                                              | 06 tháng                    |
| 4                                                                                             | Áo phong ngắn tay           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                             |



| STT                                                            | Tên, chủng loại hàng hóa | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Thời gian bảo hành hàng hóa |
|----------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                                                |                          | Mô tả cấu trúc vải (Mô tả thành phần tương đương)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                             |
| 5                                                              | Quần bảo hộ lao động     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 74% Polyester, 24% Visco, 2% Spandex.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 238g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Dọc (sợi/10cm): 464, Ngang (sợi/10cm): 298.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 38/2, Ngang (Den) 170, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 3</math>)</li> </ul> | 1. Mẫu thiết kế: 1.3 Khai thác - Áo bảo hộ lao động nữ dài tay, quần áo bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.10. Quần bảo hộ lao động - Quần bảo hộ lao động nữ (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>3. Mẫu vải: 3.10. Quần bảo hộ lao động nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                            | 06 tháng                    |
| <b>V Nhóm chức danh công nhân lái xe, công nhân vận chuyển</b> |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| 1                                                              | Áo phong dài tay         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 34% Polyester, 66% Bông.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 203g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Hàng vòng (sợi/10cm): 196, Cột vòng (sợi/10cm): 136.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 32/1, Ngang (Den) 80, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 6</math>)</li> </ul>      | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo phong dài tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>- Áo phong ngắn tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.8. Áo phong bưu tá dài tay, áo phong bưu tá ngắn tay.<br>3. Mẫu vải: 3.6. Bưu tá, Lái xe (mẫu kèm theo E-HSMT). | 06 tháng                    |
| 2                                                              | Áo phong ngắn tay        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
| 3                                                              | Quần bảo hộ lao động     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 42% Polyester, 58% Bông.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 204g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Dọc (sợi/10cm): 444, Ngang (sợi/10cm): 210.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 20/1, Ngang (Ne) 20/1, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 3</math>)</li> </ul>              | 1. Mẫu thiết kế: 1.4. Bưu tá, Lái xe, Nhân viên phát xã - Áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.10. Quần bảo hộ lao động - quần bảo hộ lao động nam (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>3. Mẫu vải: 3.10. quần bảo hộ lao động nam (mẫu kèm theo E-HSMT).                                                                                                                            | 06 tháng                    |



| STT                                           | Tên, chủng loại hàng hóa | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Thời gian bảo hành hàng hóa |
|-----------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                               |                          | Mô tả cấu trúc vải (Mô tả thành phần tương đương)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                             |
| 4                                             | Áo khoác mỏng (hai lớp)  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: 100% Polyester.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 127g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Dọc (sợi/10cm): 641, Ngang (sợi/10cm): 407.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Den): 77, Ngang (sợi filament tạo kiểu Den): 76, Ngang (sợi filament Den): 83, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 3</math>)</li> </ul> | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mẫu thiết kế: 1.7. Áo khoác - Áo khoác nam, nữ; quần bảo hộ lao động, găng tay (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> <li>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.10. Áo khoác mỏng (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> <li>3. Mẫu vải: 3.10. Áo khoác mỏng/áo khoác trần bông (mẫu kèm theo E-HSMT)</li> </ol>                                                                                                                                                                                                                               | 06 tháng                    |
| <b>VI Nhóm chức danh bảo vệ, tạp vụ (nam)</b> |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                             |
| 1                                             | Áo phong dài tay         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 34% Polyester, 66% Bông.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 203g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Hàng vòng (sợi/10cm): 196, Cột vòng (sợi/10cm): 136.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne): 32/1, Ngang (Den) 80, thay đổi kích thước sau giặt (<math>\leq 6</math>)</li> </ul>             | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mẫu thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Áo phong dài tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> <li>- Áo phong ngắn tay: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> </ul> </li> <li>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.8. Áo phong bưu tá dài tay, áo phong bưu tá ngắn tay.</li> <li>3. Mẫu vải: 3.6. Bưu tá, Lái xe (mẫu kèm theo E-HSMT)</li> </ol> | 06 tháng                    |
| 2                                             | Áo phong ngắn tay        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                             |
| 3                                             | Quần bảo hộ              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần: (<math>\pm 3</math>): 42% Polyester, 58% Bông.</li> <li>- Khối lượng: (<math>\pm 5</math>): 204g/m<sup>2</sup>.</li> <li>- Mật độ sợi (<math>\pm 5</math>): Dọc (sợi/10cm): 444, Ngang (sợi/10cm): 210.</li> <li>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: (<math>\pm 3</math>): Dọc (Ne):</li> </ul>                                                                                               | <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Mẫu thiết kế: 1.4. Bưu tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> <li>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.10. Quần bảo hộ lao động - quần bảo hộ lao động nam (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> <li>3. Mẫu vải: 3.10. Quần bảo hộ lao động nam (mẫu kèm theo E-HSMT).</li> </ol>                                                                                                                                                                                 | 06 tháng                    |



| STT                                           | Tên, chủng loại hàng hóa | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời gian bảo hành hàng hóa |
|-----------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
|                                               |                          | Mô tả cấu trúc vải (Mô tả thành phần tương đương)                                                                                                                                                                                                                                                     | Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                             |
|                                               |                          | 20/1, Ngang (Ne)<br>20/1, thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ )                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                             |
| <b>VII Nhóm chức danh bảo vệ, tạp vụ (nữ)</b> |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                             |
| 1                                             | Áo phong dài tay         | - Thành phần: ( $\pm 3$ ): 34% Polyester, 66% Bông.<br>- Khối lượng: ( $\pm 5$ ): 203g/m2.<br>- Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Hàng vòng (sợi/10cm): 196, Cột vòng (sợi/10cm): 136.<br>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 32/1, Ngang (Den) 80, thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 6$ )      | 1. Mẫu thiết kế:<br>- Áo phong dài tay: 1.4. Buru tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nữ dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT).<br>- Áo phong ngắn tay: 1.4. Buru tá, lái xe, nhân viên phát xã - Áo phong nữ ngắn tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.8. Áo phong buru tá dài tay, áo phong buru tá ngắn tay.<br>3. Mẫu vải: 3.6. Buru tá, lái xe (mẫu kèm theo E-HSMT) | 06 tháng                    |
| 2                                             | Áo phong ngắn tay        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                             |
| 3                                             | Quần bảo hộ              | - Thành phần: ( $\pm 3$ ): 74% Polyester, 24% Visco, 2% Spandex.<br>- Khối lượng: ( $\pm 5$ ): 238g/m2.<br>- Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc (sợi/10cm): 464, Ngang (sợi/10cm): 298.<br>- Độ nhỏ sợi tách từ vải: ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 38/2, Ngang (Den) 170, thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ) | 1. Mẫu thiết kế: 1.4. Buru tá, lái xe, Nhân viên phát xã - Áo phong nữ dài tay, quần bảo hộ lao động (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>2. Tiêu chuẩn kỹ thuật may: 2.10. Quần bảo hộ lao động - Quần bảo hộ lao động nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)<br>3. Mẫu vải: 3.10. Quần bảo hộ lao động nữ (mẫu kèm theo E-HSMT)                                                                                                                                  |                             |

### Ghi chú:

- Nếu chỉ có mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may đối với áo dài tay cùng chức danh hoặc tiêu chuẩn chức danh tương đương thì mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may đối với áo ngắn tay được áp dụng như mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may áo dài tay trong E-HSMT nhưng may thành áo ngắn tay và ngược lại.

- Chủ đầu tư cung cấp các mẫu màu sắc vải đồng phục kể từ ngày đăng thông báo mời thầu, tại địa chỉ:

**Phòng Tổng hợp - Công ty Vận chuyển và Kho vận Buru điện**



Địa chỉ: Số 01 Chu Văn An, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (024) 32232178 (số máy lẻ: 5).

### 3. Các yêu cầu khác về kỹ thuật

- Cam kết nếu trúng thầu may đo hàng hóa cho từng nhóm chức danh tuân thủ các mẫu thiết kế, yêu cầu kỹ thuật và mẫu vải quy định trong E-HSMT.

- Cam kết nếu trúng thầu thực hiện lấy số đo hàng hóa trực tiếp cho người lao động theo từng chức danh, tại các địa điểm yêu cầu cụ thể trong E-HSMT.

- Cam kết hàng hóa được bảo hành 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa và phát hành phiếu bảo hành cho tất cả hàng hoá cung cấp cho gói thầu (*bảo hành về cấu trúc vải, đường chỉ may, sai sót về kỹ thuật may hoặc đồng phục bàn giao không phù hợp với số đo thực tế của người nhận*).

- Nộp bản scan phiếu báo kết quả thử nghiệm mẫu vải cho từng mẫu vải đáp ứng yêu cầu của E-HSMT do cơ quan có chức năng thử nghiệm theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện và xác nhận kết quả bằng tiếng Việt.

- Cam kết nếu nhà thầu được mời vào thương thảo hoàn thiện hợp đồng sẽ cung cấp đầy đủ cho bên mời thầu bản gốc hoặc bản công chứng phiếu báo kết quả thử nghiệm từng mẫu vải và mẫu vải thực tế với kích thước 1m x 1m cho từng mẫu vải (để chứng minh cấu trúc, thành phần và màu sắc cho từng mẫu vải) theo yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu chứng minh có chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đại lý uỷ quyền tại các Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh để có khả năng sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ của Nhà thầu như: Thực hiện lấy số đo đồng phục cho từng CBCNV- NLĐ theo chức danh; thực hiện bàn giao hàng hoá và dịch vụ bảo hành hàng hoá kịp thời trong thời hạn bảo hành của Nhà thầu. Nhà thầu cam kết bằng văn bản kèm theo bản scan các tài liệu liên quan để chứng minh nhà thầu có chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đại lý uỷ quyền tại các Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh nộp kèm theo E-HSDT.

### 4. Mẫu thiết kế, tiêu chuẩn kỹ thuật may và mẫu vải

E-HSMT này gồm có các mẫu thiết kế, mẫu tiêu chuẩn kỹ thuật và mẫu vải kèm theo dưới đây:

| Danh mục bản vẽ      |                                                                                                  |                        |
|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| Bản vẽ số            | Tên bản vẽ                                                                                       | Mục đích sử dụng       |
| PHẦN 1: MẪU THIẾT KẾ |                                                                                                  |                        |
| Mẫu 1.1              | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nữ ngắn tay/dài tay, jupe, quần tây, áo veston, khăn vàng) | Mẫu thiết kế đồng phục |
| Mẫu 1.1              | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nữ dài tay, quần tây)                                      |                        |
| Mẫu 1.1              | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nữ ngắn tay, jupe)                                         |                        |
| Mẫu 1.1              | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nam ngắn tay/dài tay, quần tây, áo veston, cavat vàng)     |                        |
| Mẫu 1.1              | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nam ngắn tay quần tây.                                     |                        |
| Mẫu 1.1              | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nam dài tay, quần tây, cavat vàng)                         |                        |



| Danh mục bản vẽ                 |                                                                                   |                                                               |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Bản vẽ số                       | Tên bản vẽ                                                                        | Mục đích sử dụng                                              |
| Mẫu 1.3                         | Khai thác (áo bảo hộ lao động nam dài tay, quần bảo hộ lao động).                 |                                                               |
| Mẫu 1.3                         | Khai thác (áo bảo hộ lao động nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động).                |                                                               |
| Mẫu 1.3                         | Khai thác (áo bảo hộ lao động nữ dài tay, quần bảo hộ lao động).                  |                                                               |
| Mẫu 1.3                         | Khai thác (áo bảo hộ lao động nữ ngắn tay, quần bảo hộ lao động).                 |                                                               |
| Mẫu 1.4                         | Buru tá, Lái xe, Nhân viên phát xã (áo phong nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động). |                                                               |
| Mẫu 1.4                         | Buru tá, Lái xe, Nhân viên phát xã (áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động).  |                                                               |
| Mẫu 1.4                         | Buru tá, Lái xe, Nhân viên phát xã (áo phong nữ ngắn tay, quần bảo hộ lao động).  |                                                               |
| Mẫu 1.4                         | Buru tá, Lái xe, Nhân viên phát xã (áo phong nữ dài tay, quần bảo hộ lao động).   |                                                               |
| Mẫu 1.7                         | Áo khoác (áo khoác nam, quần bảo hộ lao động, găng tay)                           |                                                               |
| Mẫu 1.7                         | Áo khoác (áo khoác nữ, quần bảo hộ lao động, găng tay)                            |                                                               |
| PHẦN 2: MẪU TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT |                                                                                   |                                                               |
| Mẫu 2.1                         | Áo sơ mi Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nữ ngắn tay/dài tay)               |                                                               |
| Mẫu 2.1                         | Áo sơ mi Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nam ngắn tay/dài tay)              |                                                               |
| Mẫu 2.4                         | Jupe (Jupe nữ)                                                                    |                                                               |
| Mẫu 2.5                         | Quần âu (quần âu nam/nữ)                                                          |                                                               |
| Mẫu 2.8                         | Áo phong buru tá (áo phong dài tay/ngắn tay)                                      |                                                               |
| Mẫu 2.9                         | Áo bảo hộ lao động (Áo bảo hộ lao động ngắn tay/dài tay)                          |                                                               |
| Mẫu 2.10                        | Quần bảo hộ lao động (quần bảo hộ lao động nam/nữ)                                |                                                               |
| Mẫu 2.10                        | Áo khoác mỏng                                                                     |                                                               |
| PHẦN 3: MẪU VẢI                 |                                                                                   |                                                               |
| Mẫu 3.1                         | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo sơ mi nam, nữ)                                    | Mẫu màu sắc (mẫu) vải và nhận diện thương hiệu của chủ đầu tư |
| Mẫu 3.1                         | Lãnh đạo, quản lý văn phòng (áo vest, quần âu, jupe nam/nữ)                       |                                                               |
| Mẫu 3.6                         | Buru tá, Lái xe                                                                   |                                                               |
| Mẫu 3.9                         | Áo bảo hộ lao động khai thác                                                      |                                                               |
| Mẫu 3.10                        | Quần bảo hộ lao động nam/nữ                                                       |                                                               |
| Mẫu 3.10                        | Áo khoác mỏng                                                                     |                                                               |

## 5. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa trúng thầu để bảo đảm rằng hàng hóa đáp ứng đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy cách, kết cấu nguyên liệu chính (cấu trúc vải) và mẫu thiết kế theo quy định của hợp đồng và E-HSMT.

- Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành:

+ Việc kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa sẽ được thực hiện tại thời điểm giao hàng, tại từng địa chỉ cụ thể được nêu tại Chương VII của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ cử cán bộ kỹ thuật trực tiếp kiểm tra, nghiệm thu hàng hóa và có quyền mời cơ quan giám định



chuyên môn hoặc chuyên gia tham gia vào ban nghiệm thu để hỗ trợ đánh giá chất lượng.

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, quy cách, kết cấu nguyên liệu chính hoặc không đúng với mẫu thiết kế đã thỏa thuận trong hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối tiếp nhận. Khi đó, Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc thực hiện các điều chỉnh cần thiết nhằm bảo đảm hàng hóa phù hợp với các yêu cầu kỹ thuật đã cam kết.

+ Nếu Nhà thầu không có khả năng thực hiện việc thay thế hoặc điều chỉnh, Chủ đầu tư có quyền chủ động tổ chức việc thay thế hoặc điều chỉnh khi xét thấy cần thiết. Mọi rủi ro và chi phí phát sinh liên quan sẽ do Nhà thầu chịu hoàn toàn.

+ Việc kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không làm miễn trừ trách nhiệm bảo hành hoặc các nghĩa vụ khác của Nhà thầu theo hợp đồng.





# PHẦN 1

---

## CÁC MẪU THIẾT KẾ

Mẫu thiết kế đồng phục chia làm 2 hạng mục:

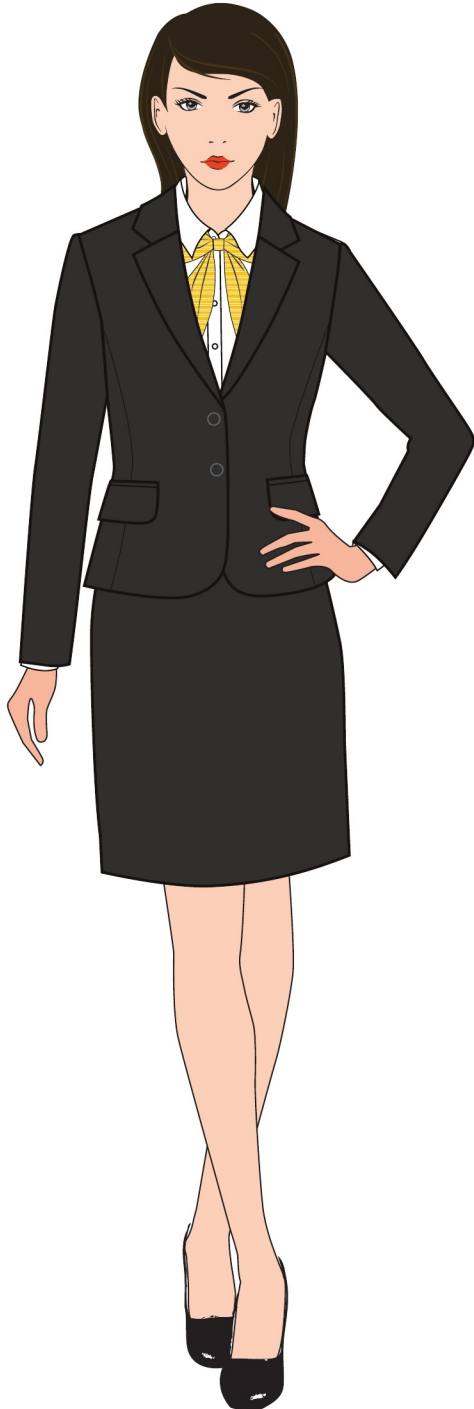
- + Mẫu đồng phục bắt buộc là mẫu đồng phục được quy định cụ thể cho từng chức danh mặc trong quá trình làm việc, hội thảo, hội nghị.
- + Mẫu đồng phục không bắt buộc là mẫu đồng phục có thể sử dụng linh hoạt làm quà tặng, mặc trong các buổi sinh hoạt không mang tính chất bắt buộc. Mẫu đồng phục này không được mặc thay thế mẫu đồng phục chính đã được quy định cho từng chức danh.



## 1.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nữ ngắn tay/dài tay, jupe, quần tây, áo veston, khăn vàng

### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Áo cổ 2 ve nhọn, cài 2  
khuy, vạt bầu



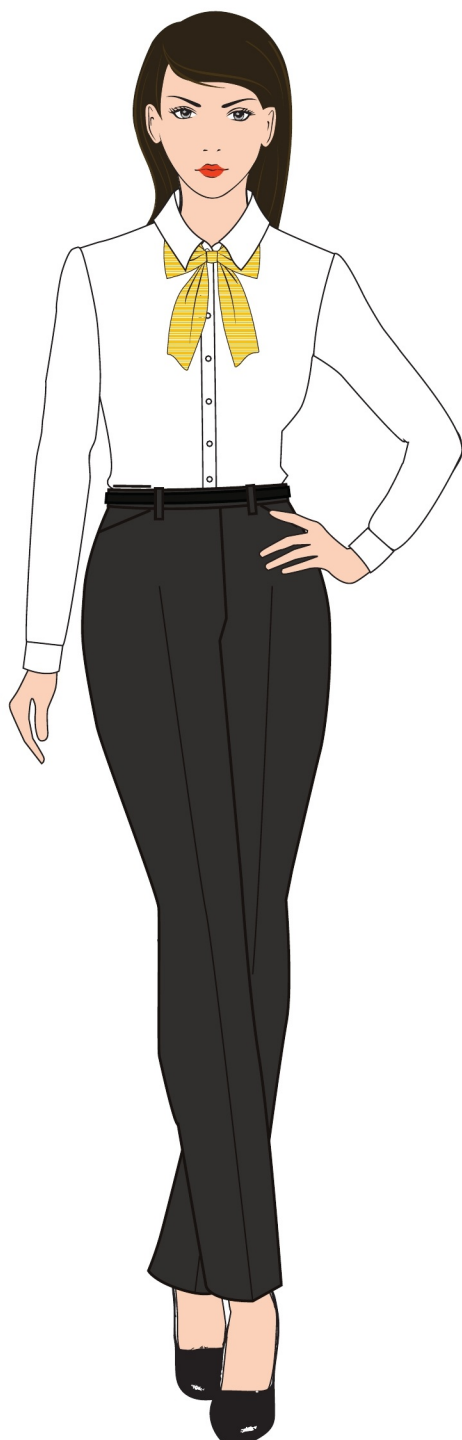
Thân sau áo vest



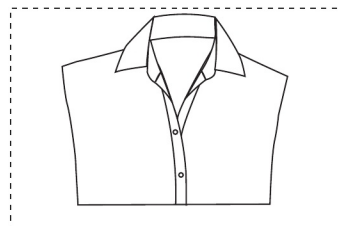
## 1.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nữ dài tay, quần tây

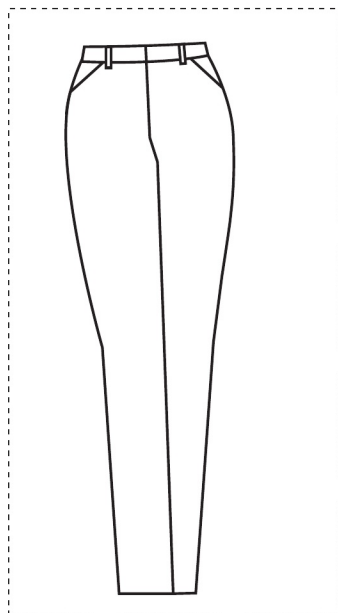
MẪU THIẾT KẾ



CHI TIẾT MẪU



Sơ mi cổ đức



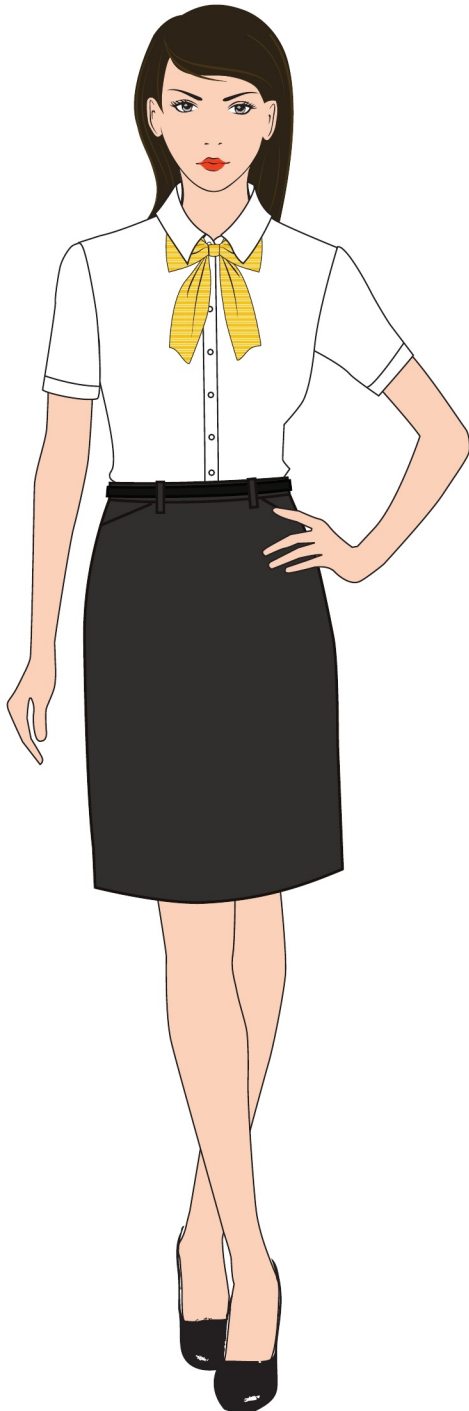
Quần không ly, may 2 túi chéo, có con đĩa cài thắt lưng



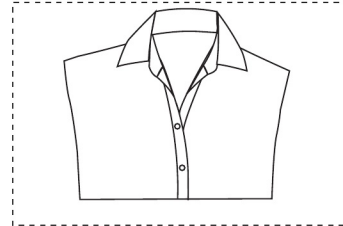
## 1.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nữ ngắn tay, jupe

MẪU THIẾT KẾ



CHI TIẾT MẪU



Sơ mi cổ đúc



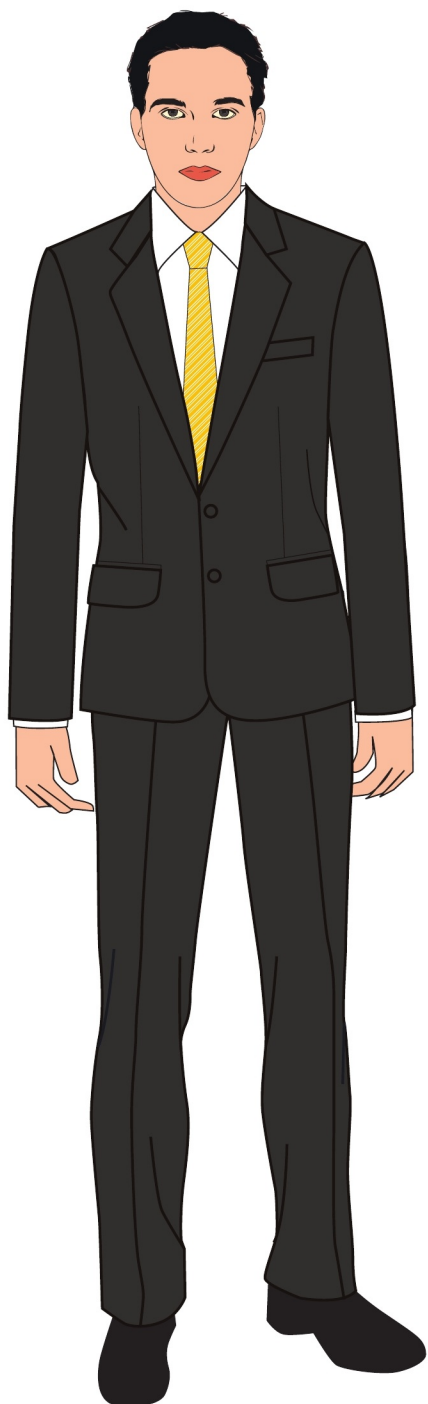
Chân jupe dáng thẳng, 2  
túi chéo thân trước, thân  
sau xẻ giữa



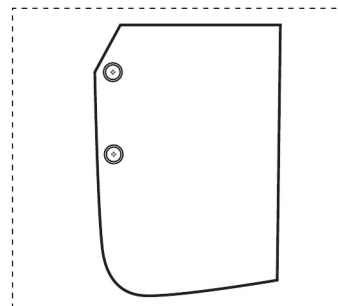
## 1.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nam ngắn tay/dài tay, quần tây, áo veston, cavat vàng

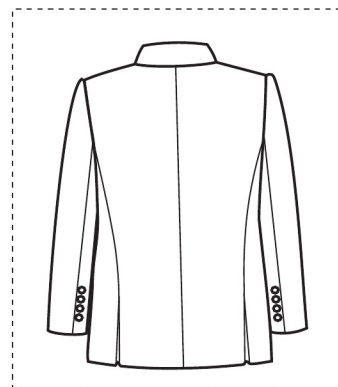
### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Nẹp áo 2 khuy, vạt  
bầu



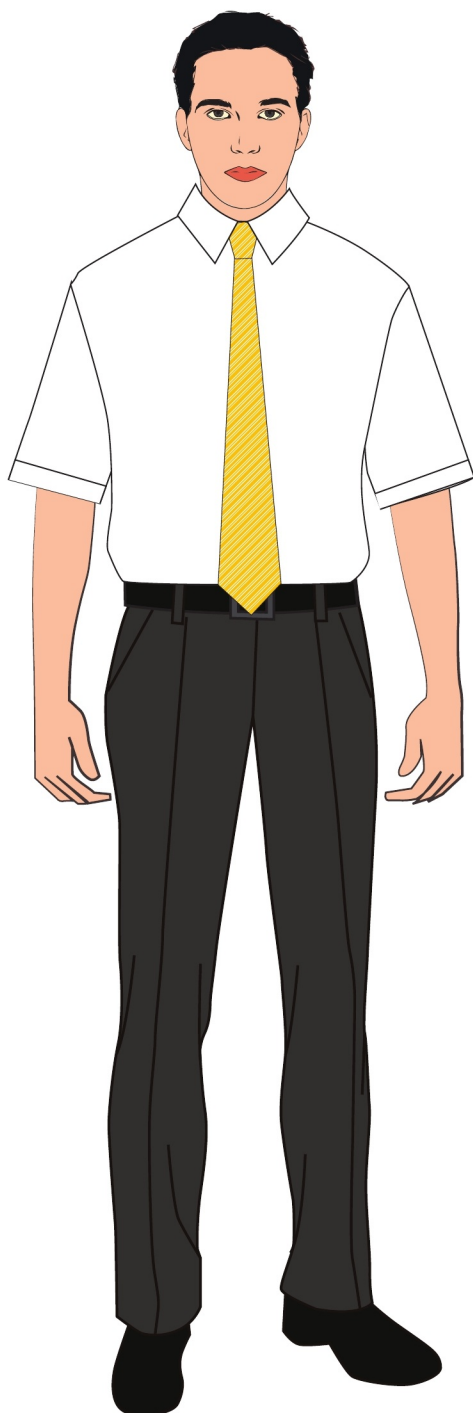
Thân sau xẻ 2 bên



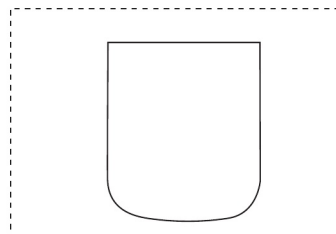
## 1.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nam ngắn tay, quần tây

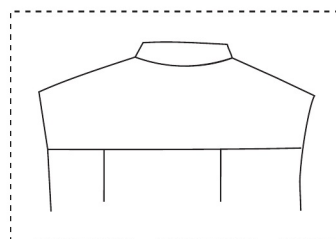
MẪU THIẾT KẾ



CHI TIẾT MẪU



Ngực áo có túi



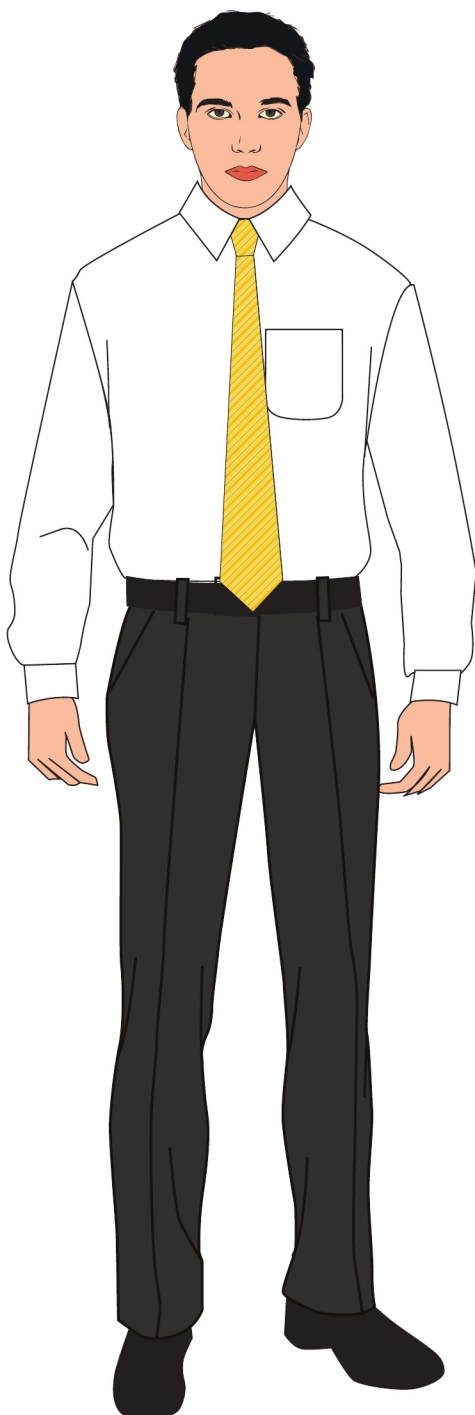
Cầu vai thân sau xếp 2 ly



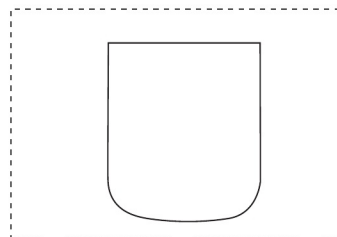
## 1.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nam dài tay, quần tây, cavat vàng

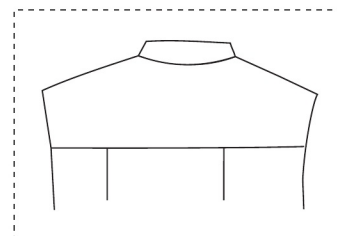
### MẪU THIẾT KẾ



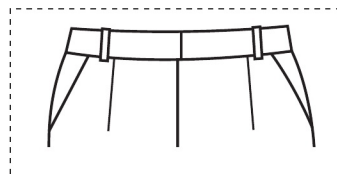
### CHI TIẾT MẪU



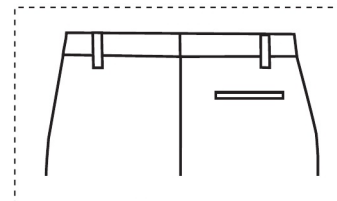
Ngực áo có túi



Cầu vai thân sau xếp 2 ly



Quần thân trước may 2 túi chéo, xếp 1;2 ly theo yêu cầu

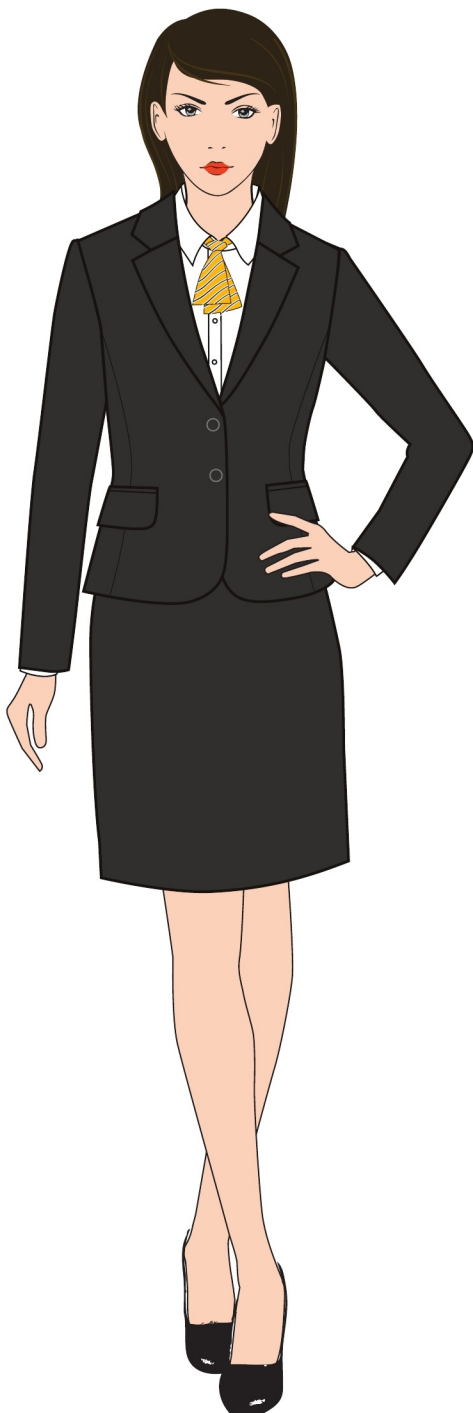


Thân sau quần bố 1 túi cơ

## 1.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN ĐDVHX

Áo sơ mi nữ ngắn tay/dài tay, jupe/quần tây, nơ cavat

### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Áo cổ 2 ve nhọn, cài 2  
khuy, vạt bầu



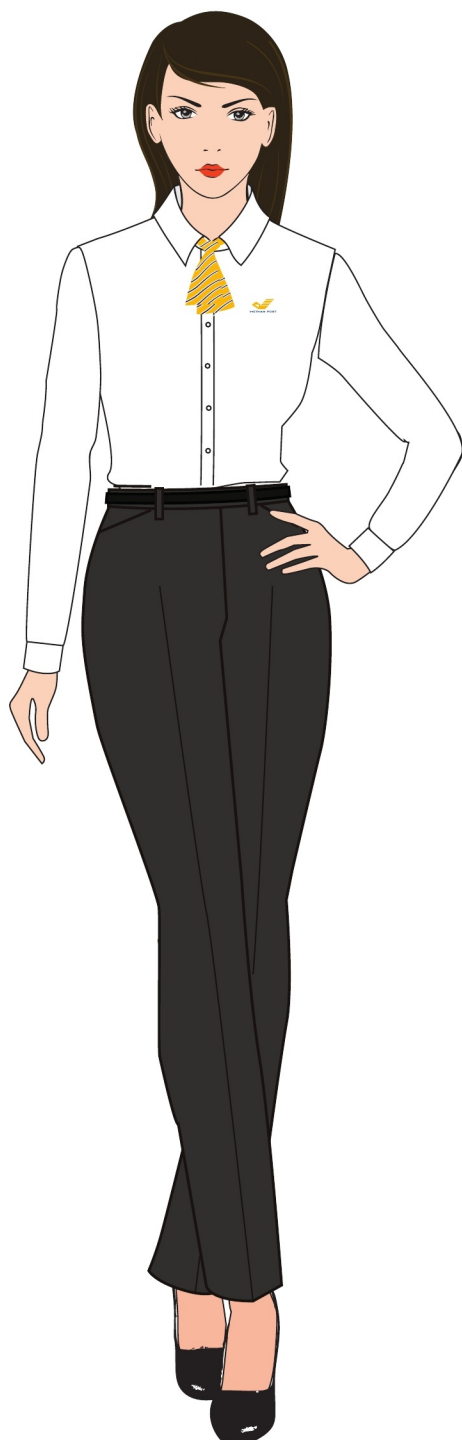
Thân sau áo vest



## 1.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo sơ mi nữ dài tay, quần tây, nơ cavat

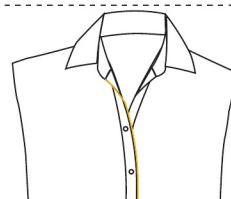
### MẪU THIẾT KẾ



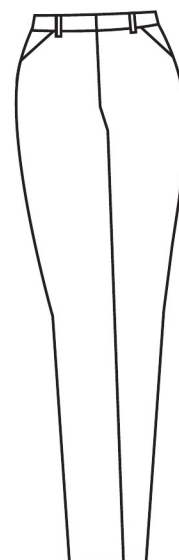
### CHI TIẾT MẪU



Ngực áo thêu logo VietNam Post màu vàng xanh bằng chỉ sợi bóng



Sơ mi cổ đực, nẹp áo lé màu vàng thương hiệu

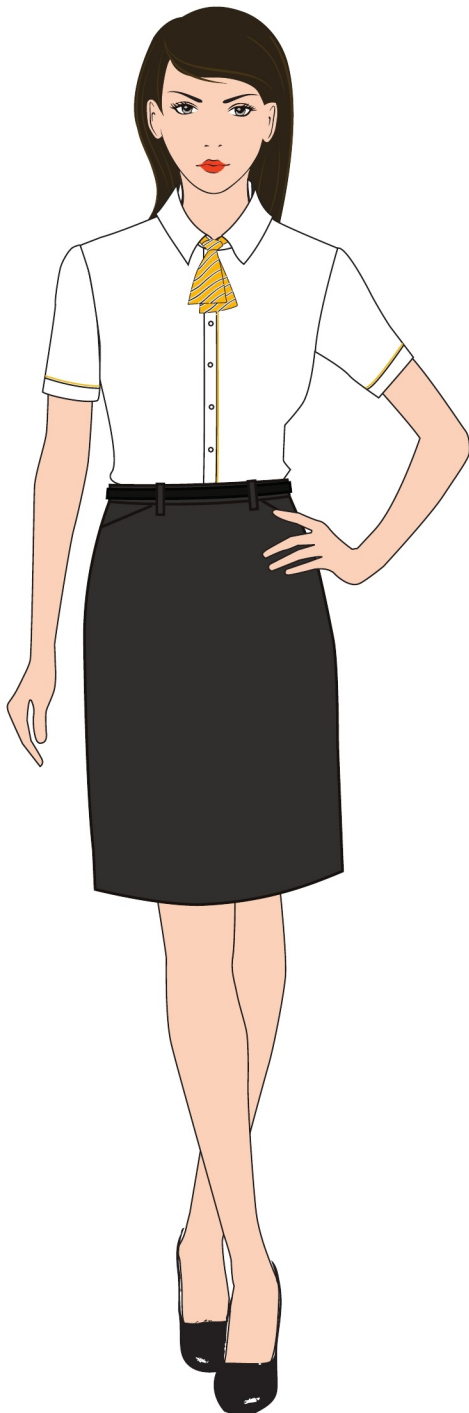


Quần không ly, may 2 túi chéo, có con đĩa cài thắt lưng

## 1.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN ĐCVHX

Áo sơ mi nữ ngắn tay, jupe, nơ cavat

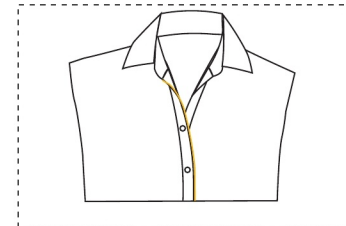
### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Ngực áo thêu logo VietNam Post



Sơ mi cổ đực, nẹp áo, nẹp tay lẻ màu vàng thương hiệu



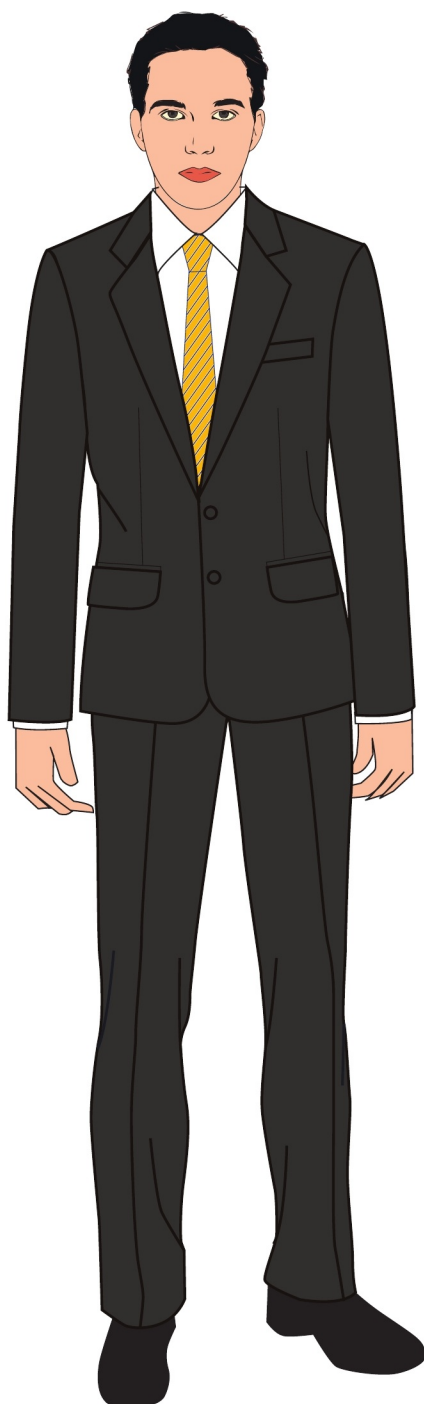
Chân jupe dáng thẳng, 2 túi chéo thân trước, thân sau xẻ giữa



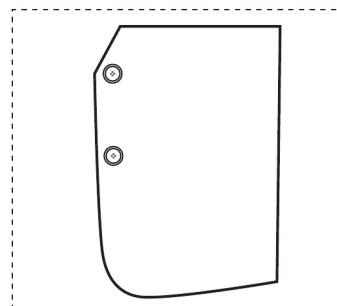
## 1.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo sơ mi nam ngắn tay/dài tay, quần tây, cavat

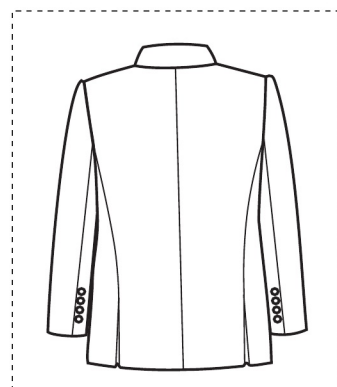
### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Nẹp áo 2 khuy, vạt  
bầu

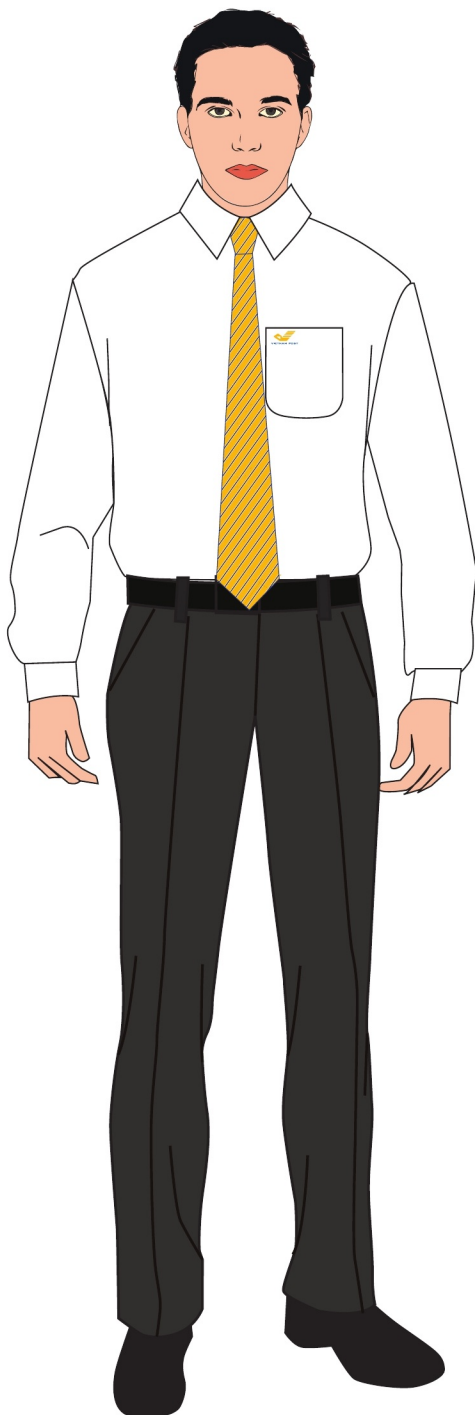


Thân sau xẻ 2 bên

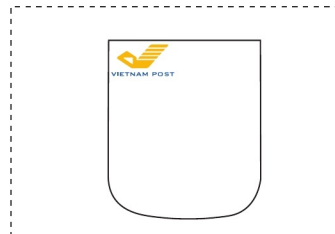
## 1.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN ĐDVHX

Áo sơ mi nam dài tay, quần tây, cavat

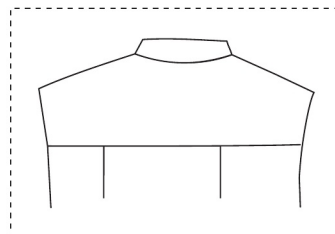
### MẪU THIẾT KẾ



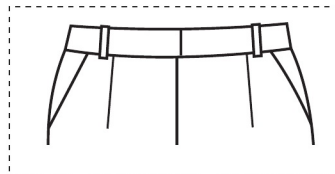
### CHI TIẾT MẪU



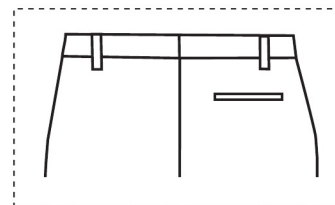
Túi áo thêu logo VietNam Post, nẹp áo lê màu vàng thương hiệu



Cầu vai thân sau xếp 2 ly



Quần thân trước may 2 túi chéo, xếp 1;2 ly theo yêu cầu



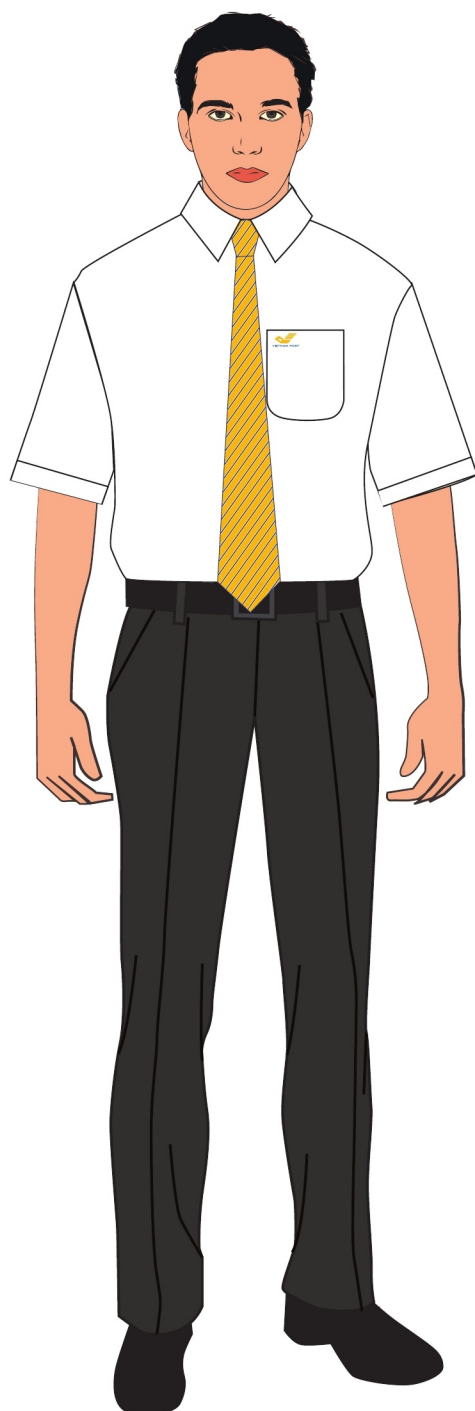
Thân sau quần bổ 1 túi cơi



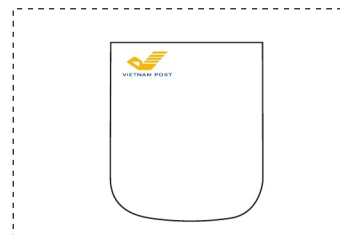
## 1.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo sơ mi nam ngắn tay, quần tây

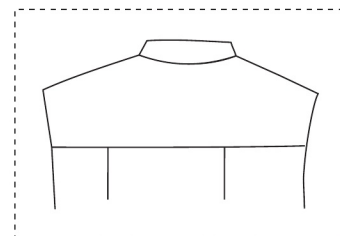
### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Túi áo thêu logo VietNam Post, nẹp áo lê màu vàng thương hiệu



Cầu vai thân sau xếp 2 ly

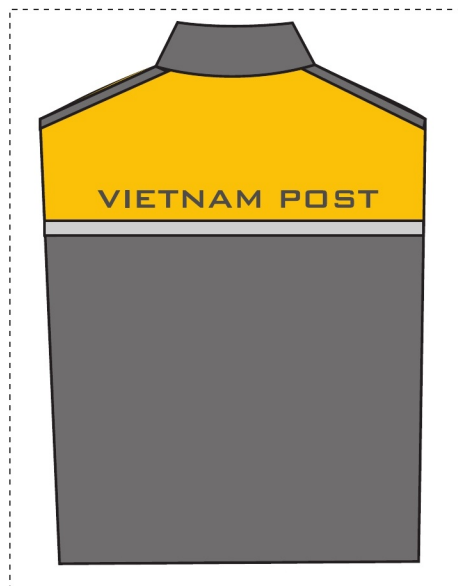
### 1.3. KHAI THÁC

Áo bảo hộ lao động nam dài tay, quần bảo hộ lao động

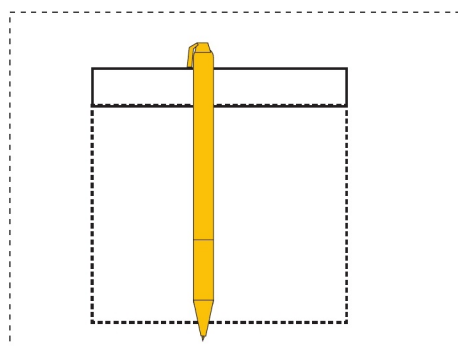
#### MẪU THIẾT KẾ



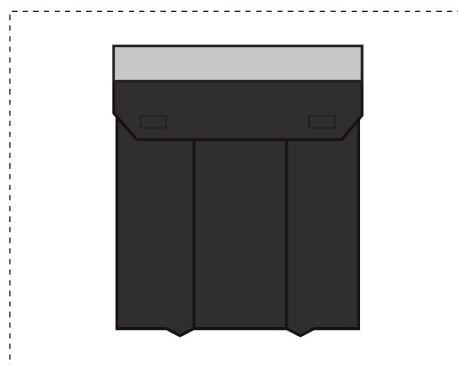
#### CHI TIẾT MẪU



Cầu vai thân sau phối màu vàng, dây phản quang màu ghi nhạt hơn màu vải chính bản 2cm và in logo màu ghi



Miệng túi chìm dưới dây phản quang



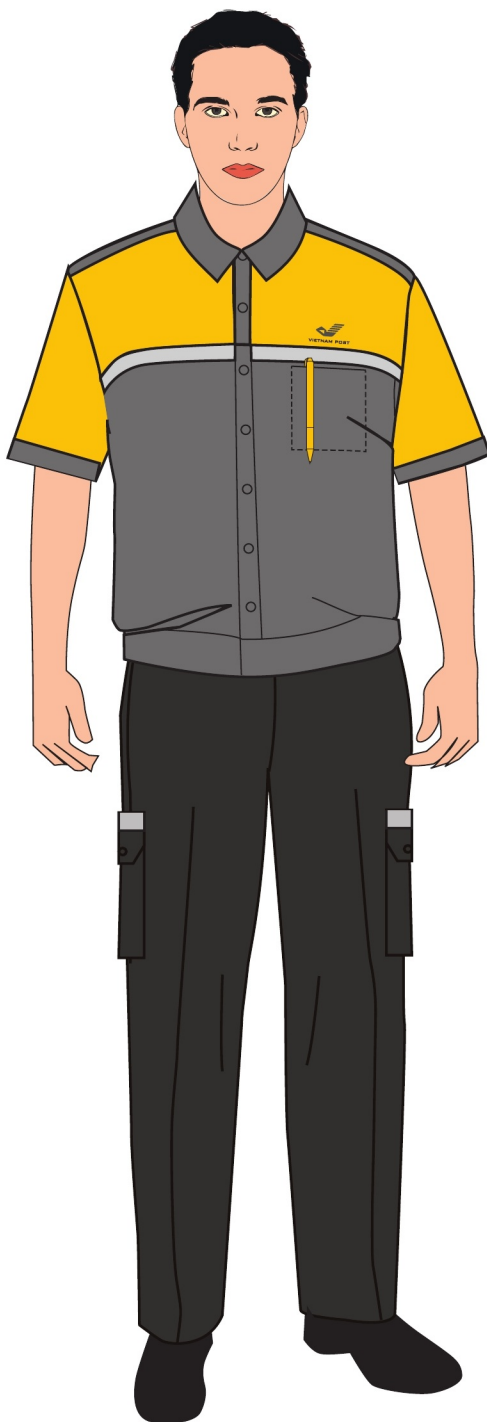
Túi hộp có 2 xếp ly, nắp gắn phản quang và nhám dính



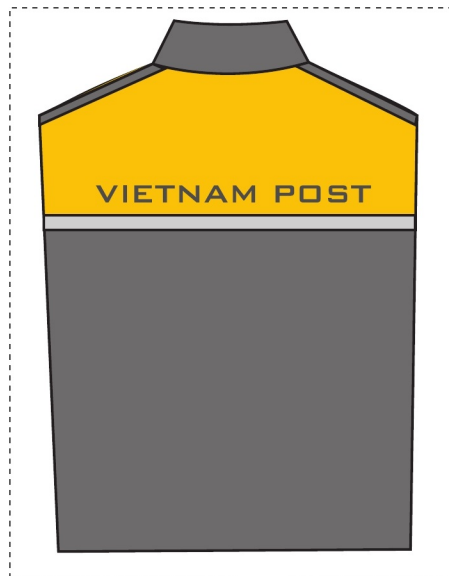
### 1.3. KHAI THÁC

Áo bảo hộ lao động nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động

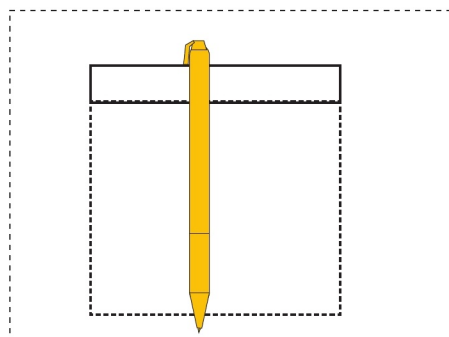
MẪU THIẾT KẾ



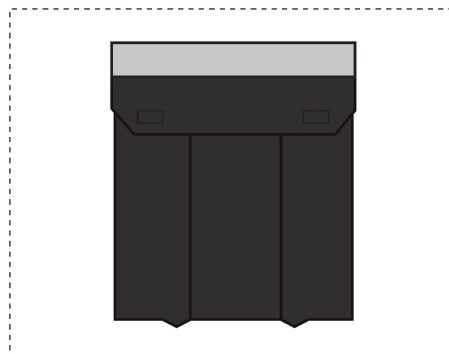
CHI TIẾT MẪU



Cầu vai thân sau phối màu vàng, dây phản quang màu ghi nhạt hơn màu vải chính bản 2cm và in logo màu ghi



Miệng túi chìm dưới dây phản quang

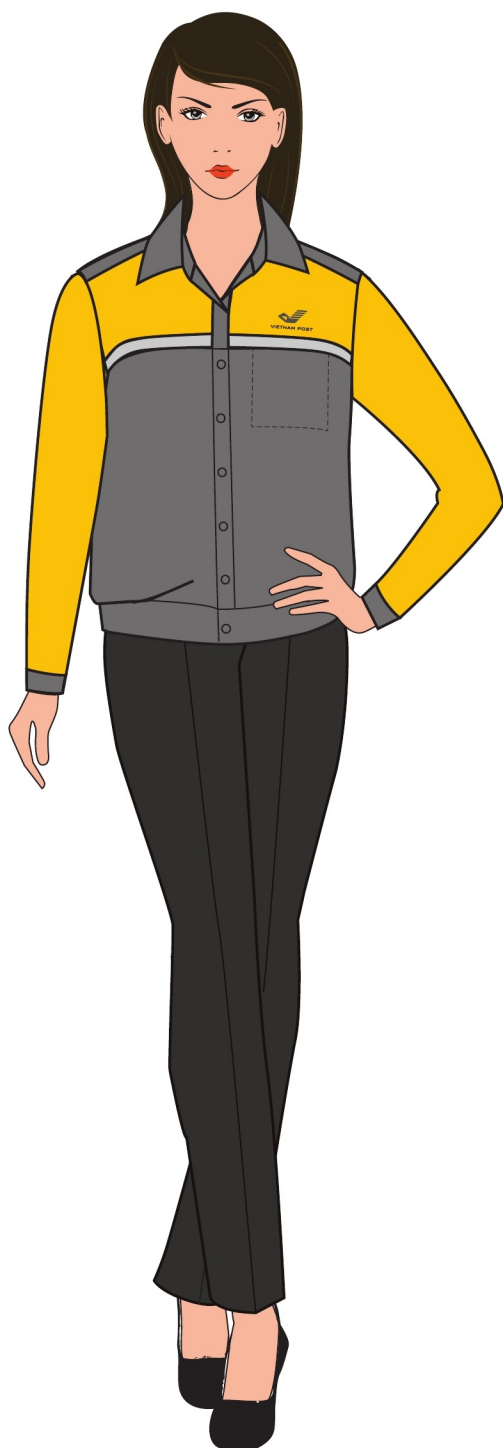


Túi hộp có 2 xếp ly, nắp gắn phản quang và nhám dính

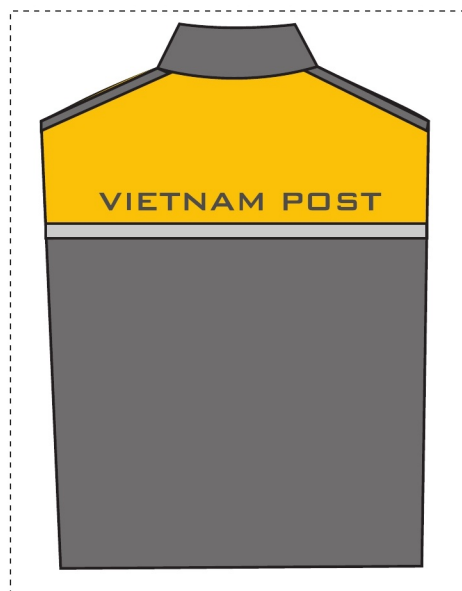
### 1.3. KHAI THÁC

Áo bảo hộ lao động nữ dài tay, quần áo bảo hộ lao động

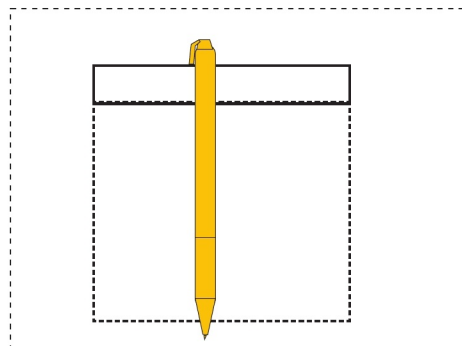
#### MẪU THIẾT KẾ



#### CHI TIẾT MẪU



Cầu vai thân sau phối màu vàng, dây phản quang màu ghi nhạt hơn màu vải chính bản 2cm và in logo màu ghi



Miệng túi chìm dưới dây phản quang



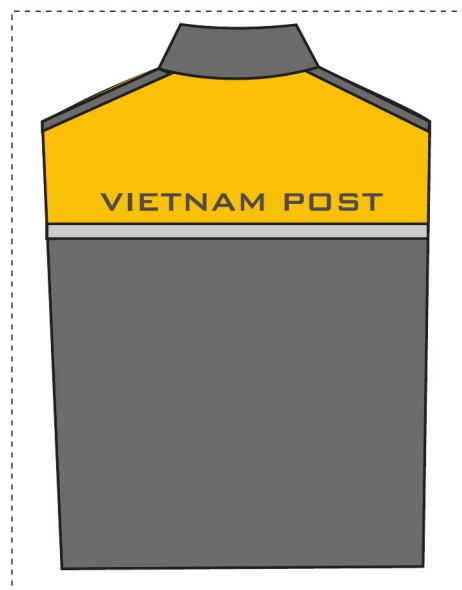
### 1.3. KHAI THÁC

Áo bảo hộ lao động nữ ngắn tay, quần áo bảo hộ lao động

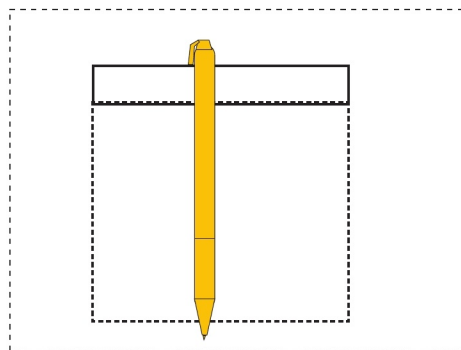
#### MẪU THIẾT KẾ



#### CHI TIẾT MẪU



Cầu vai thân sau phối màu vàng, dây phản quang màu ghi nhạt hơn màu vải chính bản 2cm và in logo màu ghi



Miếng túi chìm dưới dây phản quang

1.4. BƯU TÁ, LÁI XE, NHÂN VIÊN PHÁT XÃ  
Áo phông nam ngắn tay, quần bảo hộ lao động

MẪU THIẾT KẾ

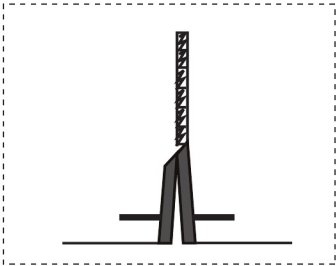
CHI TIẾT MẪU



Logo in âm bản màu ghi và đen



Gấu xẻ 5cm. Vắt sổ 2 kim 4 chỉ theo dấu bấm, in chữ VIETNAM POST màu ghi



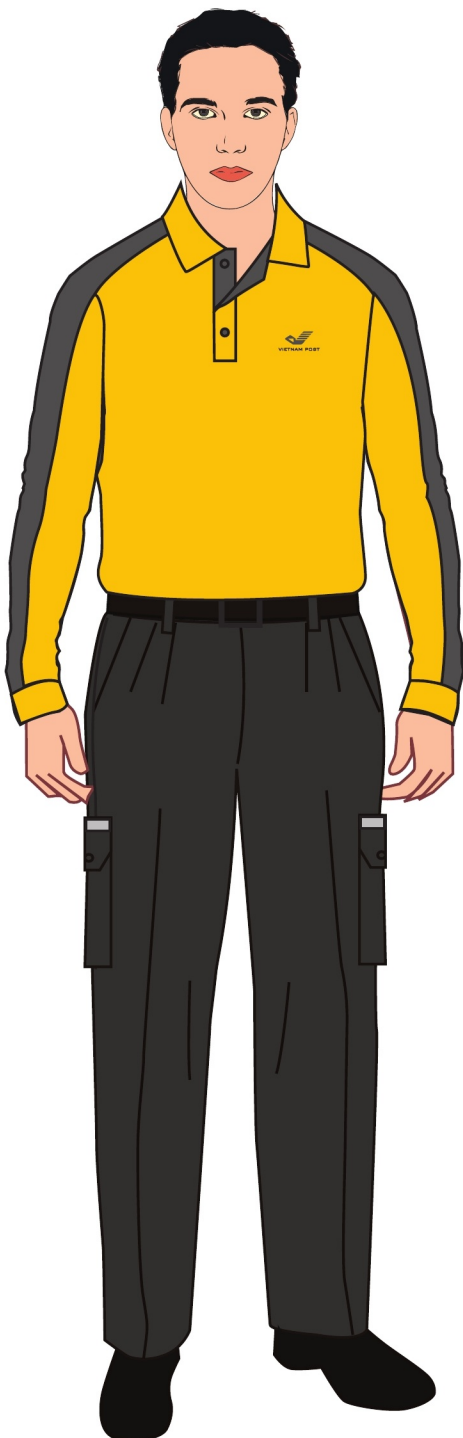
Xẻ gấu đắp bằng dây dệt, dây dệt gấu và cổ in chữ VietNam Post



## 1.4. BƯU TÁ, LÁI XE, NHÂN VIÊN PHÁT XÃ

Áo phong nam dài tay, quần bảo hộ lao động

### MẪU THIẾT KẾ



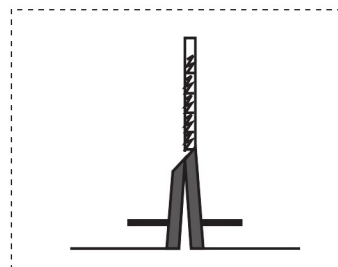
### CHI TIẾT MẪU



Logo in âm bản màu ghi và đen



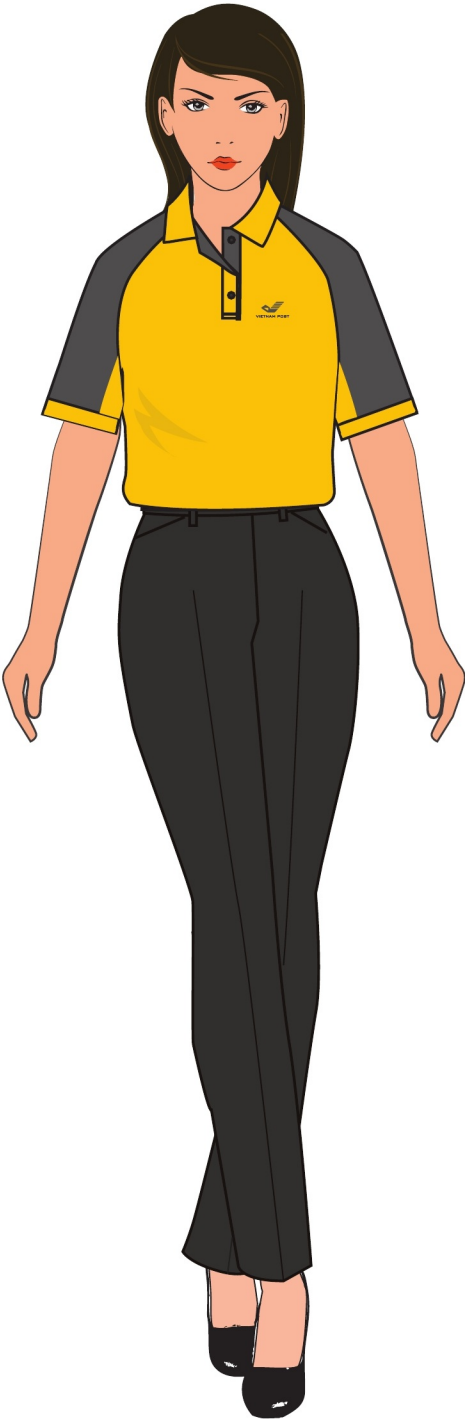
Gấu xẻ 5cm. Vắt sổ 2 kim 4 chỉ theo dấu bấm, in chữ VIETNAM POST màu ghi



Xẻ gấu đáp bằng dây dệt, dây dệt gấu và cổ in chữ VietNam Post

1.4. BƯU TÁ, LÁI XE, NHÂN VIÊN PHÁT XÃ  
Áo phong nữ ngắn tay, quần bảo hộ lao động

MẪU THIẾT KẾ



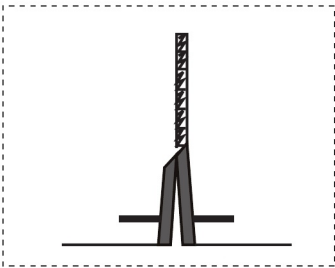
CHI TIẾT MẪU



Logo in âm bản màu ghi và đen



Gấu xẻ 5cm. Vắt sổ 2 kim 4 chỉ theo dấu  
bấm, in chữ VIETNAM POST màu ghi



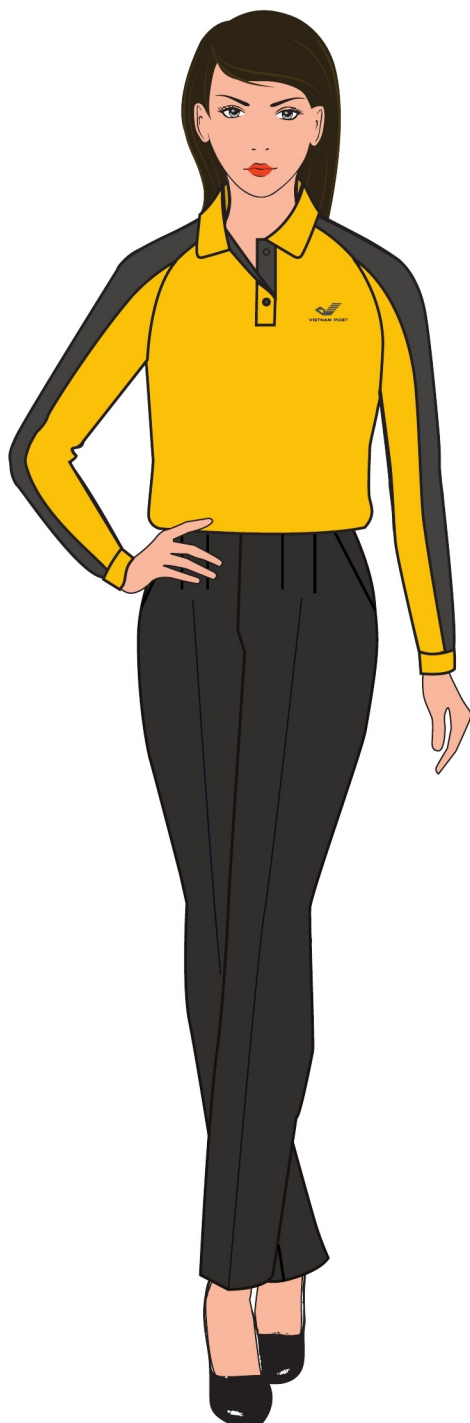
Xẻ gấu đắp bằng dây dệt,  
dây dệt gấu và cổ in chữ VietNam Post



## 1.4. BƯU TÁ, LÁI XE, NHÂN VIÊN PHÁT XÃ

Áo phong nữ dài tay, quần bảo hộ lao động

### MẪU THIẾT KẾ



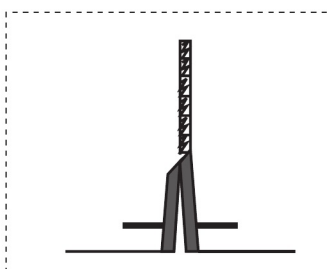
### CHI TIẾT MẪU



Logo in âm bản màu ghi và đen



Gấu xẻ 5cm. Vắt sổ 2 kim 4 chỉ theo dấu bấm, in chữ VIETNAM POST màu ghi



Xẻ gấu đắp bằng dây dệt, dây dệt gấu và cổ in chữ VietNam Post

## 1.7. ÁO KHOÁC

Áo khoác nam, quần bảo hộ lao động, găng tay

### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Sau lưng in chữ Vietnam post màu âm bản màu ghi, ngực áo in logo âm bản (màu ghi và màu đen)



Ngực áo may túi cơ kéo khóa, đầu khóa kéo gắn dây in chữ Vietnam post.

Mẫu áo khoác dáng suông, bo tay có nhám dính điều chỉnh rộng chặt

Túi chéo ở hông, trong cơ túi có khóa màu vàng

Cổ áo, túi chéo ở hông, bo tay màu ghi đậm

Ngực áo và tay lé màu trắng, trong lé có kẹp lõi

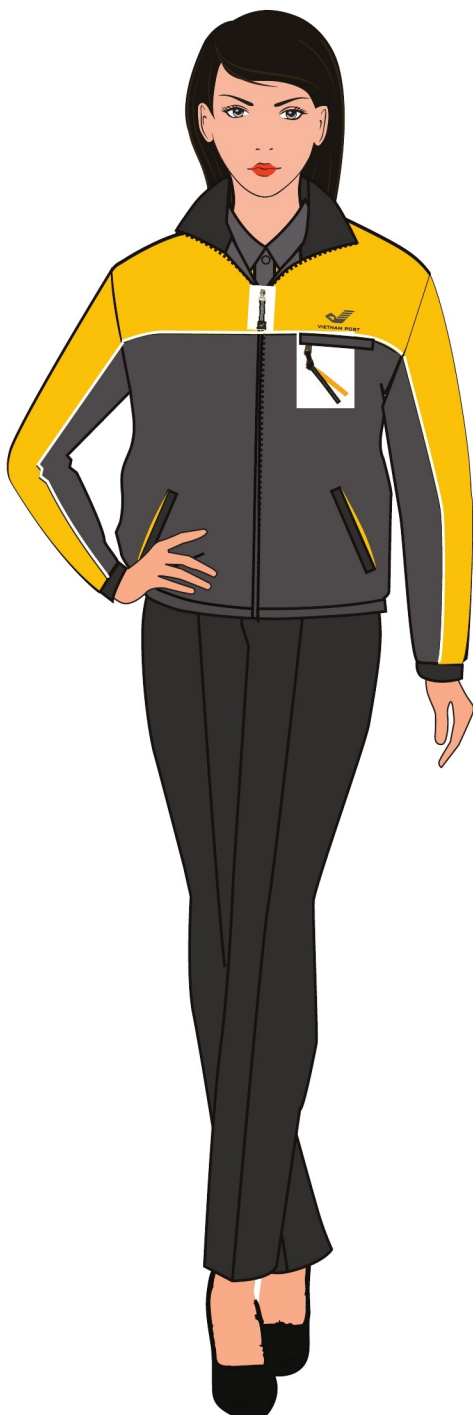
Áo 2 lớp và áo 3 lớp trần bông



## 1.7. ÁO KHOÁC

Áo khoác nữ, quần bảo hộ lao động, găng tay

### MẪU THIẾT KẾ



### CHI TIẾT MẪU



Sau lưng in chữ Vietnam post màu âm bản màu ghi, ngực áo in logo âm bản (màu ghi và màu đen)



Ngực áo may túi cơ kéo khóa, đầu khóa kéo gắn dây in chữ Vietnam post.

Mẫu áo khoác dáng suông, bo tay có nhám dính điều chỉnh rộng chặt

Túi chéo ở hông, trong cơ túi có khóa màu vàng

Cổ áo, túi chéo ở hông, bo tay màu ghi đậm

Ngực áo và tay lé màu trắng, trong lé có kẹp lõi

Áo 2 lớp và áo 3 lớp trần bông

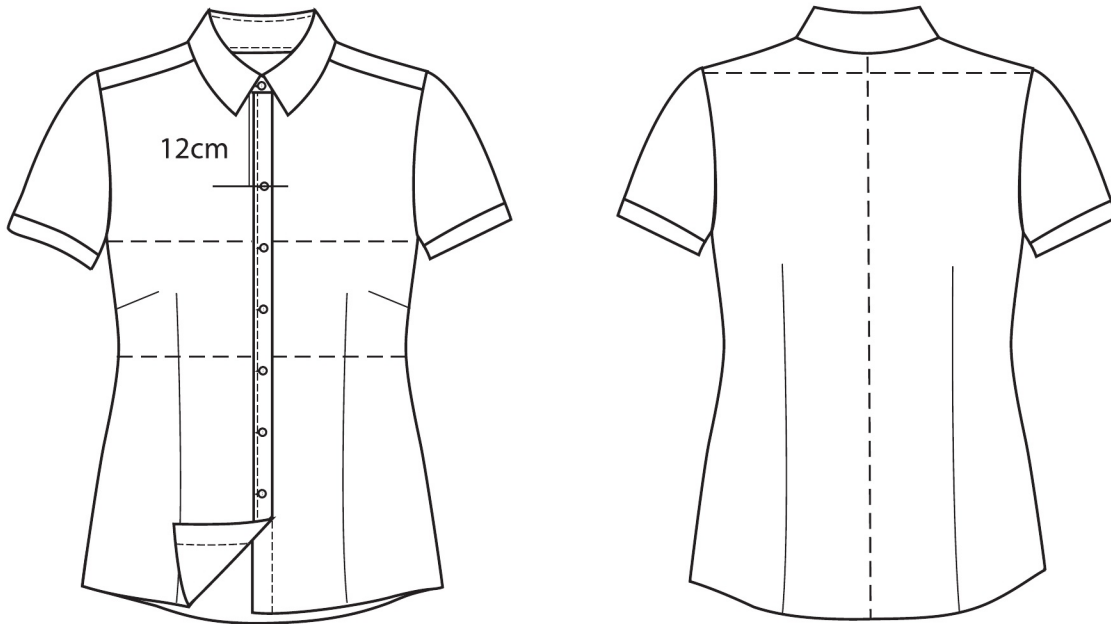
## PHẦN 2

---

# TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

### Áo sơ mi nữ ngắn tay



#### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Mật độ chỉ điều 5 mũi/1 cm, chỉ điều tiếp màu vải chính
- Không nối các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thừa khuy thường, dài khuy tương ứng với nút.
- Đính nút chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nẹp khuy: to bản 2.5 cm,
  - + Nẹp khuy thân trước phải (x6), chân cổ (x1).
- Nẹp nút rời: to bản 2.5cm, điều 2 cạnh 0.1cm, co kéo.
  - + Nút: nẹp thân trước trái (x6), chân cổ (x1), MS (x2), dự trữ (x1)
- Vòng nách, vai con: vắt sổ chập 5 chỉ.
- Rã cúp thân trước, thân sau, ngực may theo dấu mẫu ráp
- Ủi rã cúp thân trước & thân sau lật về phía sườn, ly ngực lật về phía vai
- Dùng máy may 1 kim may vai con, đường sườn, lai áo.
- Đường sườn áo + sườn tay: may 1 kim, vắt sổ chập 3 chỉ.

#### **\*\* Lưu ý: Đường may sườn áo, sườn tay 1.5 cm**

- Đường sườn áo, sườn tay, vai con ủi lật về thân sau, vòng nách ủi lật về thân.
- Lai áo gấp 2 lần điều to bản 0.4 cm.

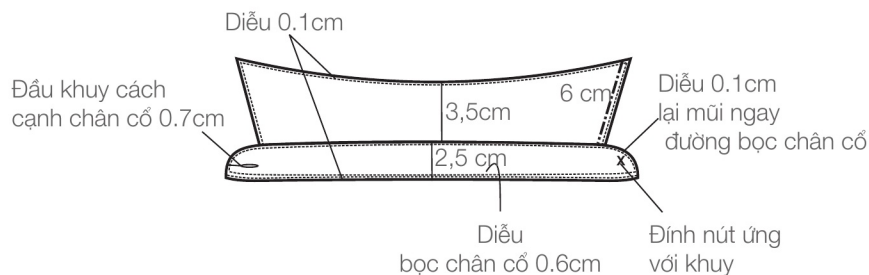
#### **\*\* Mẫu thêu logo: Vị trí thêu theo định vị ráp.**



## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

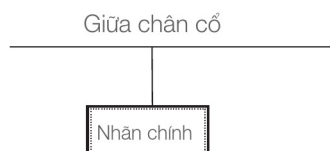
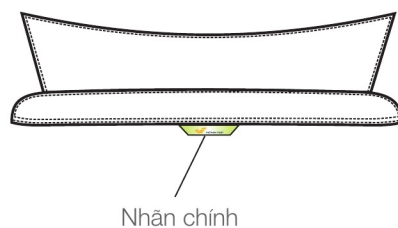
### Áo sơ mi nữ ngắn tay

#### \*CỔ ÁO

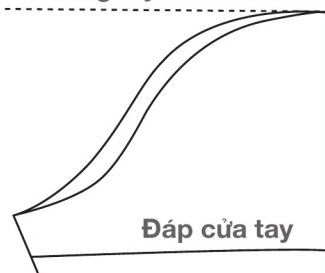


#### \*\*VỊ TRÍ GẮN NHÃN :

- Nhãn chính : Nằm giữa to bản chân cổ, may 4 cạnh không xuyên lớp chính (chỉ tiếp màu nhãn).
- Nhãn tên: Gấp đôi gắn dưới chân cổ.
- Nhãn sử dụng: gắn ở sườn trái khi mặc, cách lai TP 10cm

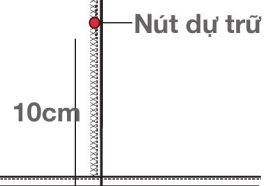


#### Mang tay



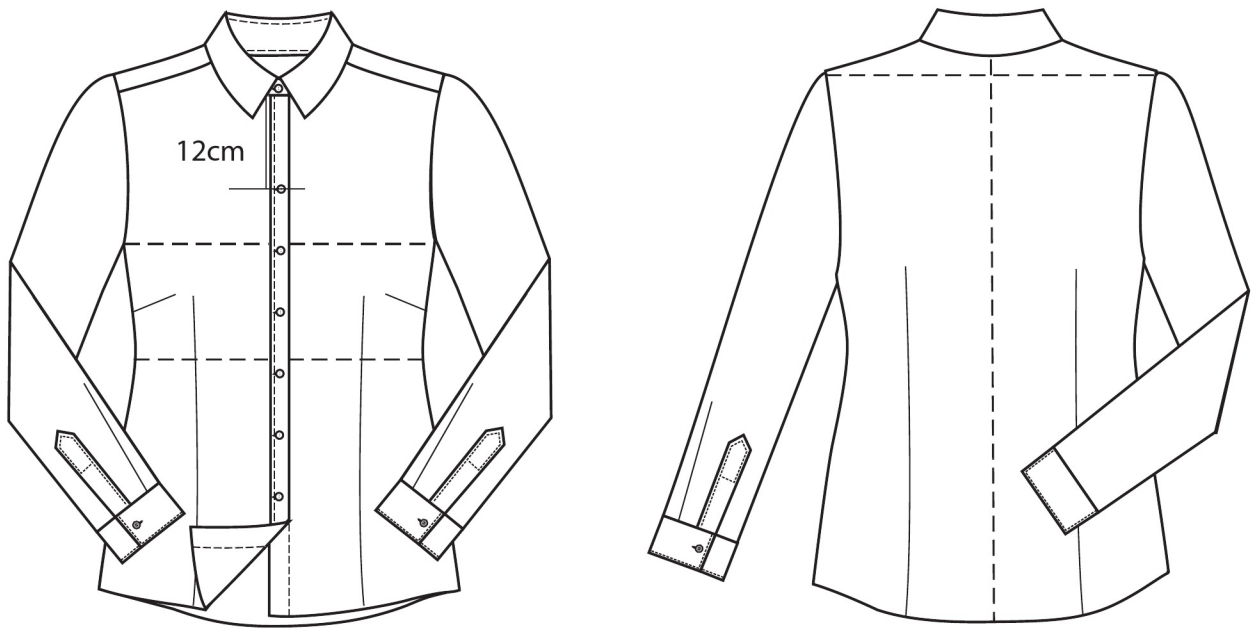
#### THÂN SAU

#### THÂN TRƯỚC



## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

### Áo sơ mi nữ dài tay



#### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Mật độ chỉ điều 5 mũi/1 cm, chỉ điều tiếp màu vải chính
- Không nối các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thừa khuy thường, dài khuy tương ứng với nút.
- Đính nút chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nẹp khuy: to bản 2.5 cm,
  - + Nẹp khuy thân trước phải (x6), chân cổ (x1).
- Nẹp nút rời: to bản 2.5cm, điều 2 cạnh 0.1cm, co keo.
  - + Nút: nẹp thân trước trái (x6), chân cổ (x1), MS (x2), dự trữ (x1)
- Vòng nách, vai con: vắt sổ chập 5 chỉ.
- Rã cúp thân trước, thân sau, ngực may theo dấu mẫu rập
- Ủi rã cúp thân trước & thân sau lật về phía sườn, ly ngực lật về phía vai
- Dùng máy may 1 kim may vai con, đường sườn, lai áo.
- Đường sườn áo + sườn tay: may 1 kim, vắt sổ chập 3 chỉ.

#### **\*\* Lưu ý: Đường may sườn áo, sườn tay 2 cm**

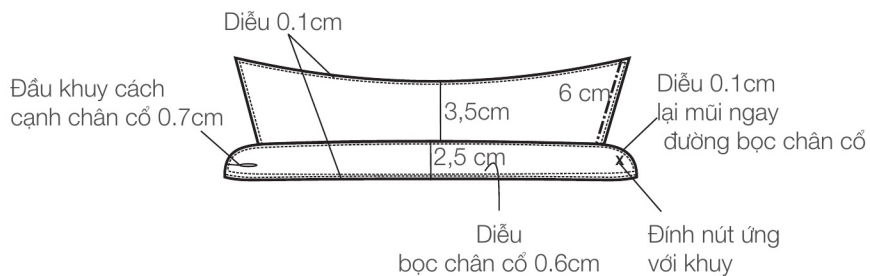
- Đường sườn áo, sườn tay, vai con ủi lật về thân sau, vòng nách ủi lật về thân.
- Lai áo gấp 2 lần điều to bản 0.4 cm.

#### **\*\* Nhóm văn phòng không thêu logo**

## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

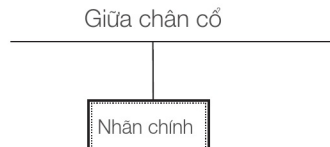
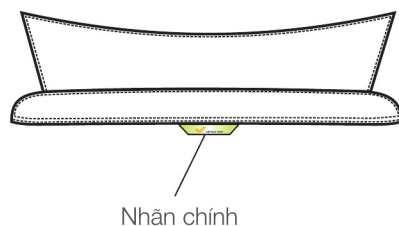
### Áo sơ mi nữ dài tay

#### \*CỔ ÁO

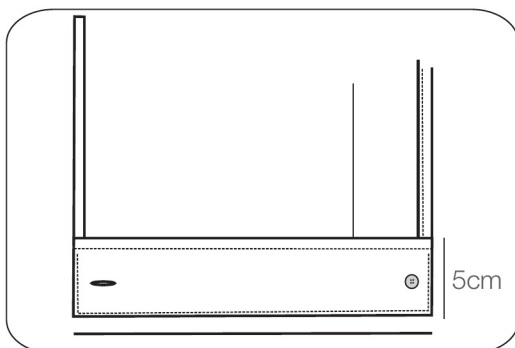


#### \*\*VỊ TRÍ GẮN NHÃN :

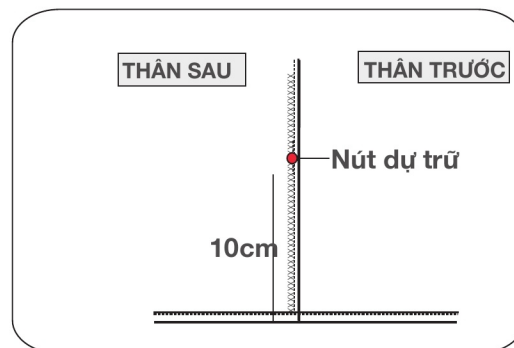
- Nhãn chính : Nằm giữa to bản chân cổ, may 4 cạnh không xuyên lớp chính (chỉ tiếp màu nhãn).
- Nhãn tên: Gấp đôi gắn dưới chân cổ.
- Nhãn sử dụng: gắn ở sườn trái khi mặc, cách lai TP 10cm



#### MĂNG SÉT TAY ÁO:



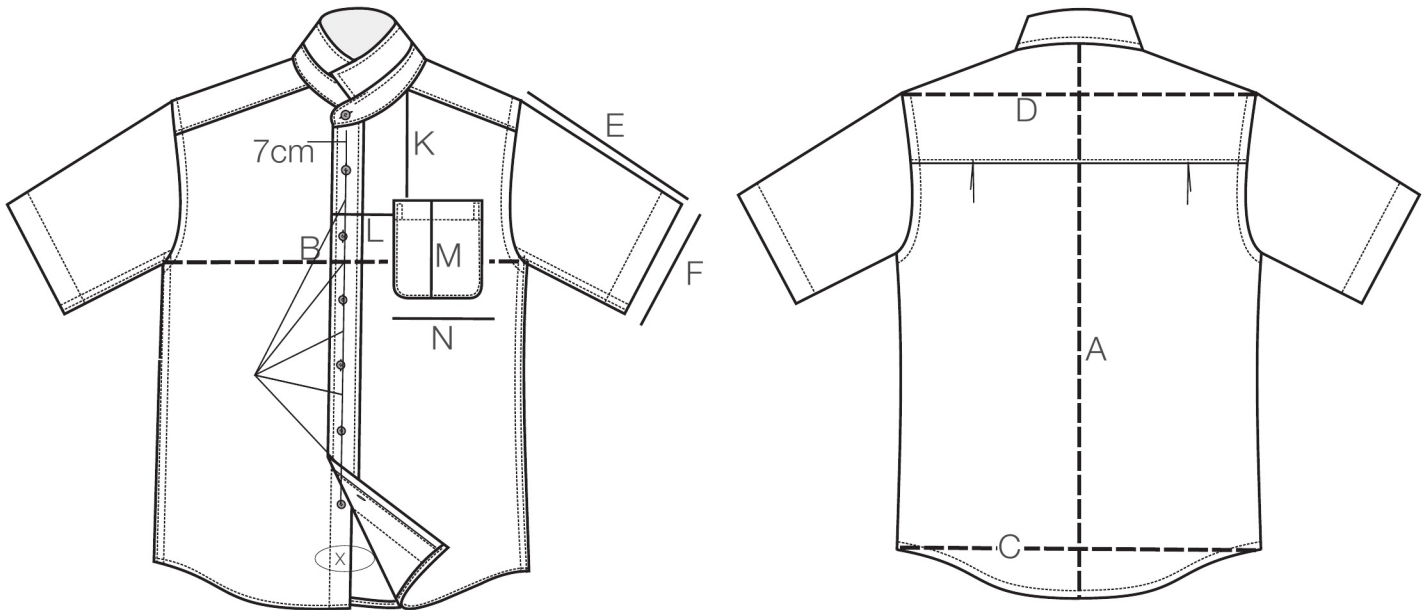
E





## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

### Áo sơ mi nam ngắn tay



\* Vị trí đóng nút dự trữ (X):

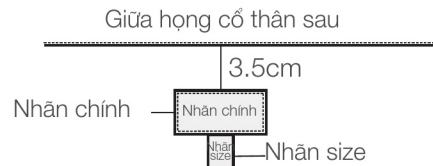
Mặt trong nếp nút

5cm

Nút dự trữ đính thẳng theo nút nếp

**\*VỊ TRÍ GẮN NHÃN:**

- Nhãn chính: gắn ở giữa lót đò, may 4 cạnh(1 lớp), chỉ theo màu nhãn.
- Nhãn size: gấp đôi gắn dưới và giữa nhãn chính.



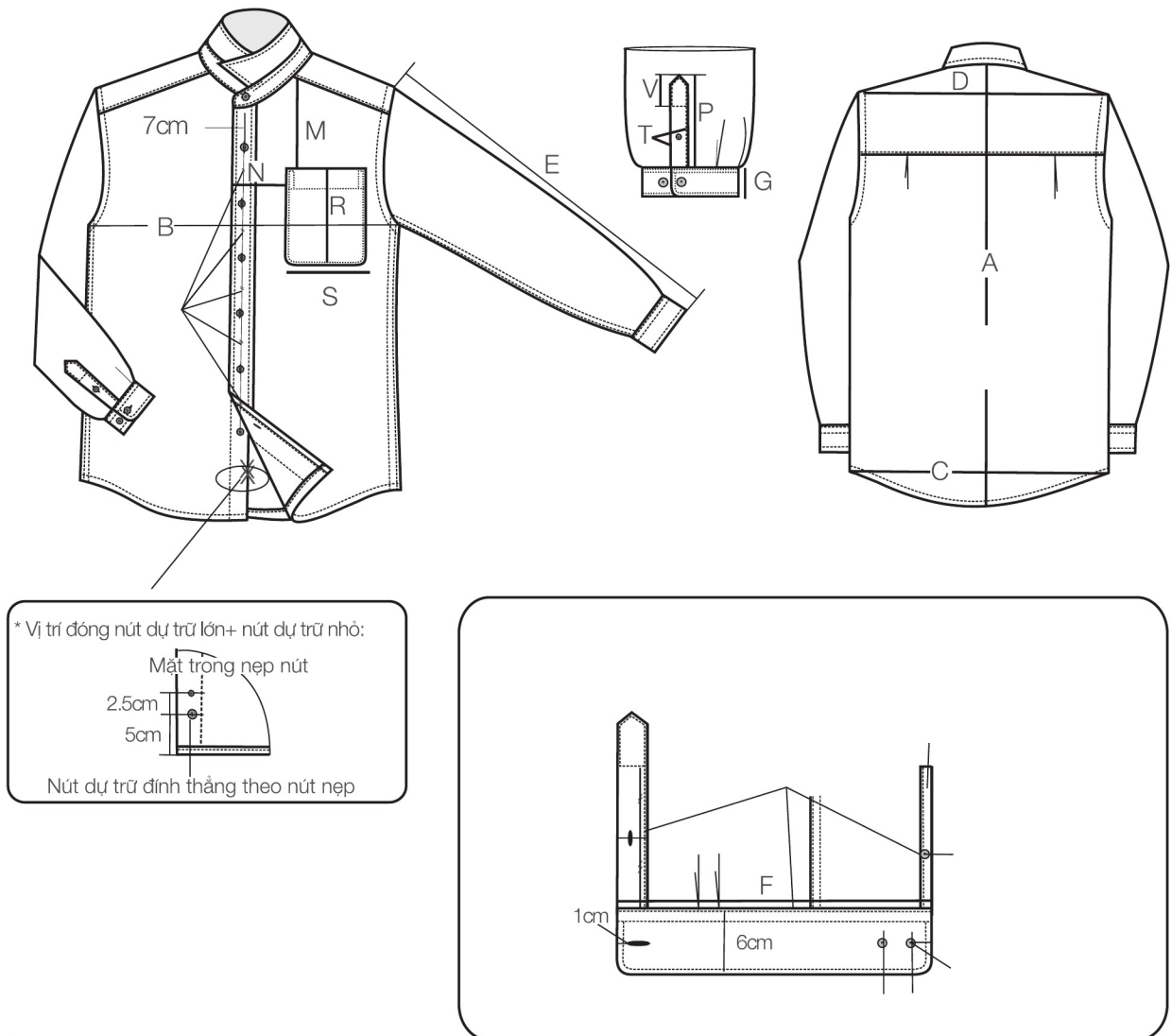
### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Mật độ chỉ diều : 6 mũi/1cm
- Không nối các đường chỉ diều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thùa khuy thường dài khuy tương ứng với nút, chỉ tiếp màu vải chính.
- Đính nút dạng chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nếp khuy loẻ rời, to bản 3 cm, may máy kansai, diều hai cạnh 0.5cm.
- + Nếp khuy thân trước trái (x6), chân cổ (x1).
- Nếp nút gấp 1cm+2.6cm. Diều to bản 2.5cm.
- + Nút 18L: Nếp thân trước phải (x6), chân cổ (x1), dtrữ (x1).
- Diều 0.1cm: vai con.
- Đò sau 2 lớp, diều 0.1cm (1 lớp).
- Lai tay gấp 1cm + 3.1cm, diều to bản lại 3cm, khóa cửa tay trùng với đường cuốn sườn.
- Vòng nách may cuốn chỉ dưới móc xích, diều 0.9cm.
- Sườn áo, sườn tay may cuốn 2 kim 0.5cm.
- Xếp ply thân sau: sâu ply 1.2cm, sóng ply cách nách thành phẩm 7cm.
- Diều 0.4cm: lai áo.

\*\* Lưu ý: Ép keo: Nhiệt độ 170-175; thời gian 20s; áp lực 5.5-6kg

## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

### Áo sơ mi nam dài tay



#### HÌNH DẠNG & CÁCH ĐO:

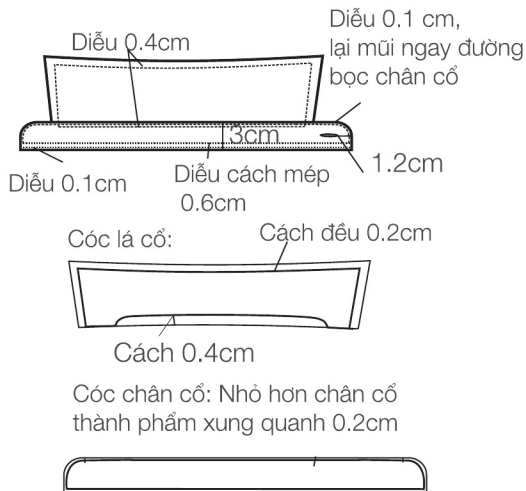
- Mật độ chỉ đều : 6 mũi/1cm
- Không nối các đường chỉ đều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thùa khuy thường dài khuy tương ứng với nút, chỉ tiếp màu vải chính.
- Đính nút dạng chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nẹp khuy lờn rời, to bản 3cm, may máy kansai, đều 2 cạnh 0.5cm.
- + Nẹp khuy thân trái (x6), chân cổ (x1), manchet (x2), thếp tay (x2).
- Nẹp nút gấp 1cm + 2.6cm, đều 2.5cm
- + Nút 18L: Nẹp nút thân trước phải (x6), chân cổ (x1), manchet (x4), dt (x1).
- + Nút 14L: Thếp tay (x2), dtrữ (x1).
- Điều 0.1cm: vai con.
- Đô sau 2 lớp, đều 0.1cm (1 lớp).
- Vòng nách may cuốn chỉ dưới móc xích, đều 0.9cm.
- Sườn áo, sườn tay may cuốn 2 kim 0.5cm
- Xếp ply thân sau: sâu ply 1.2cm, sóng ply cách nách thành phẩm 7cm.
- Điều 0.4cm: lai áo.

**\*\*Lưu ý: Ép keo: Nhiệt độ 170 -175; thời gian 20s; áp lực 5.5-6kg.**

## 2.1. ÁO SƠ MI LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

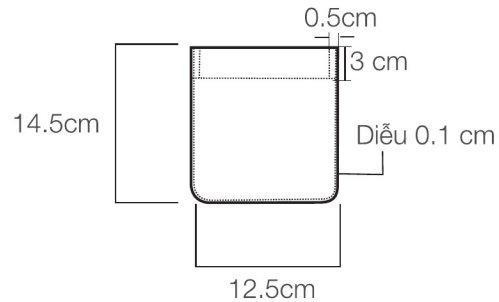
### \* CỔ ÁO: có gắn xương cổ áo

- Sử dụng mex (xem tiêu chuẩn cắt)
- + Lá cổ, chân cổ/canh xéo
- + Cốc chân cổ, cốc lá cổ/canh dọc



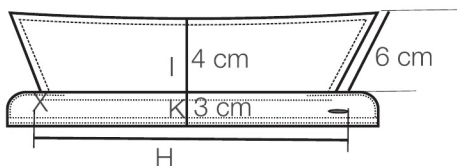
### \* TÚI ÁO:

- Chặn miệng túi (có bẻ góc túi vào trong)
- Điều dạng thẳng, từ mép nếp vào đường điều thứ 2 là 0.5 cm



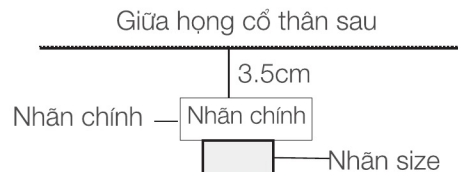
### QUY CÁCH CANH SỌC:

- Tâm khuy, tâm nút trùng sọc
- Hai thân trước bố ngực, đối xứng.
- Tay đối xứng, thẳng sọc đỏ
- Túi theo thân
- Cổ đối xứng
- Manchette cặp
- Các chi tiết khác thẳng sọc



### \*VỊ TRÍ GẮN NHÃN:

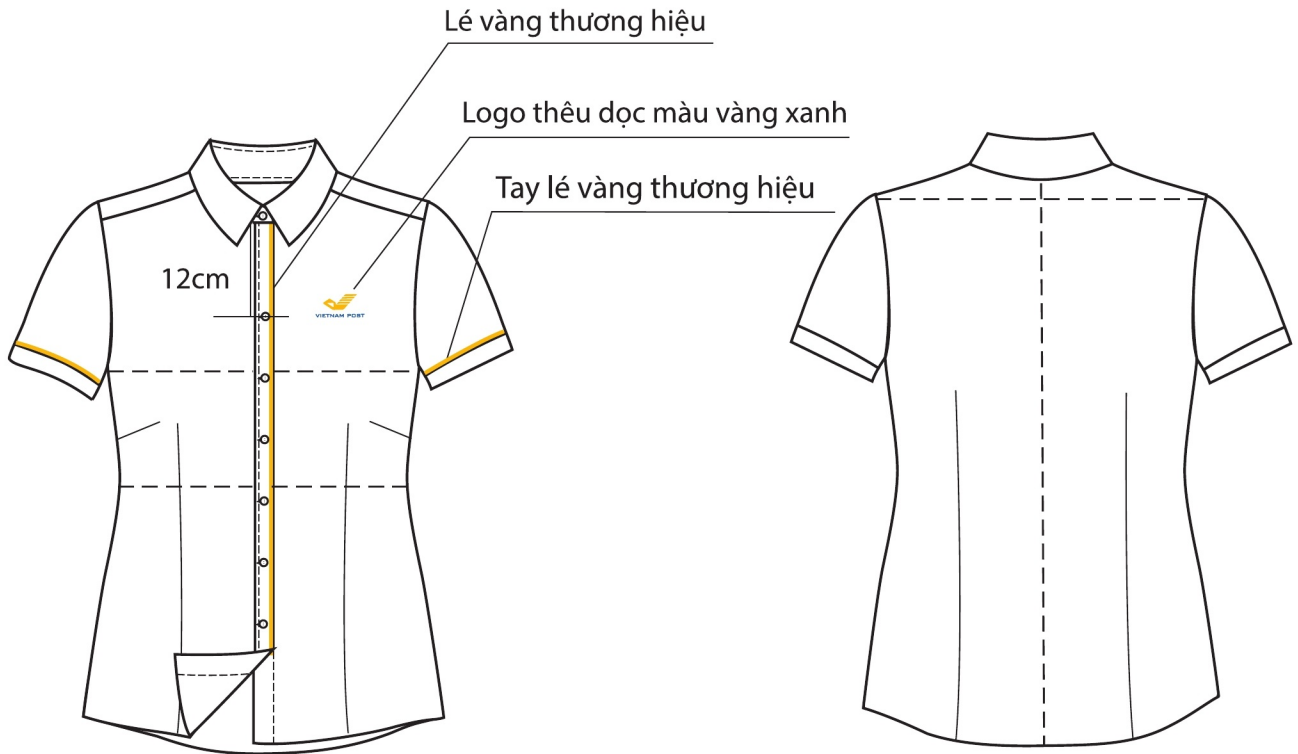
- Nhãn chính: Gắn ở giữa lót đò, may 4 cạnh (1 lớp) chỉ theo màu nhãn.
- Nhãn size: Gấp đôi gắn dưới và giữa nhãn chính





## 2.2. ÁO SƠ MI GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

### Áo sơ mi nữ ngắn tay



#### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Mật độ chỉ điều 5 mũi/1 cm, chỉ điều tiếp màu vải chính
- Không nối các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thừa khuy thường, dài khuy tương ứng với nút.
- Đính nút chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nẹp khuy: to bản 2.5 cm,
  - + Nẹp khuy thân trước phải (x6), chân cổ (x1).
- Nẹp nút rời: to bản 2.5cm, điều 2 cạnh 0.1cm, co keo.
  - + Nút: nẹp thân trước trái (x6), chân cổ (x1), MS (x2), dự trữ (x1)
- Vòng nách, vai con: vắt sổ chập 5 chỉ.
- Rã cúp thân trước, thân sau, ngực may theo dấu mẫu rập
- Ủi rã cúp thân trước & thân sau lật về phía sườn, ly ngực lật về phía vai
- Dùng máy may 1 kim may vai con, đường sườn, lai áo.
- Đường sườn áo + sườn tay: may 1 kim, vắt sổ chập 3 chỉ.

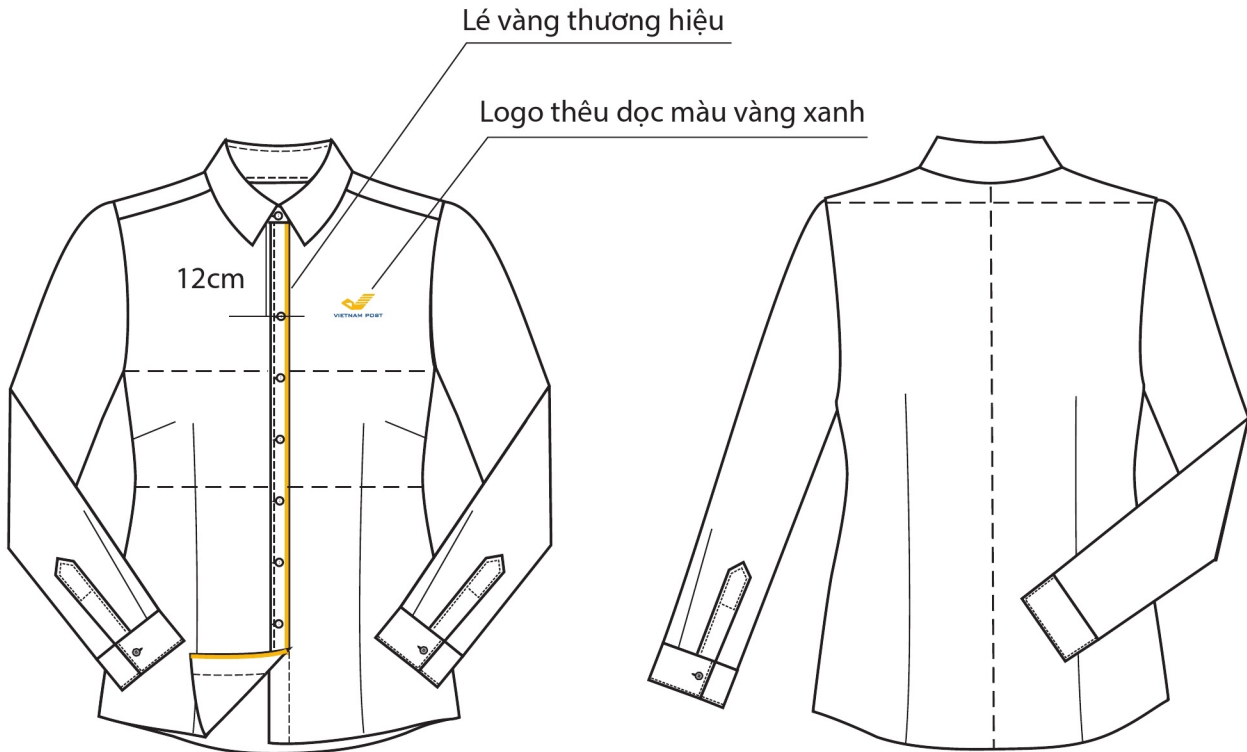
#### **\*\* Lưu ý: Đường may sườn áo, sườn tay 2 cm**

- Đường sườn áo, sườn tay, vai con ủi lật về thân sau, vòng nách ủi lật về thân.
- Lai áo gấp 2 lần điều to bản 0.4 cm.

#### **\*\* Mẫu thêu logo: Vị trí thêu theo định vị rập.**

## 2.2. ÁO SƠ MI GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN ĐBVHX

### Áo sơ mi nữ dài tay



#### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Mật độ chỉ điều 5 mũi/1 cm, chỉ điều tiếp màu vải chính
- Không nối các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thừa khuy thường, dài khuy tương ứng với nút.
- Đính nút chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nẹp khuy: to bản 2.5 cm,
  - + Nẹp khuy thân trước phải (x6), chân cổ (x1).
- Nẹp nút rời: to bản 2.5cm, điều 2 canh 0.1cm, co kéo.
  - + Nút: nẹp thân trước trái (x6), chân cổ (x1), MS (x2), dự trữ (x1)
- Vòng nách, vai con: vắt sổ chập 5 chỉ.
- Rã cúp thân trước, thân sau, ngực may theo dấu mẫu rập
- Ủi rã cúp thân trước & thân sau lật về phía sườn, ly ngực lật về phía vai
- Dùng máy may 1 kim may vai con, đường sườn, lai áo.
- Đường sườn áo + sườn tay: may 1 kim, vắt sổ chập 3 chỉ.

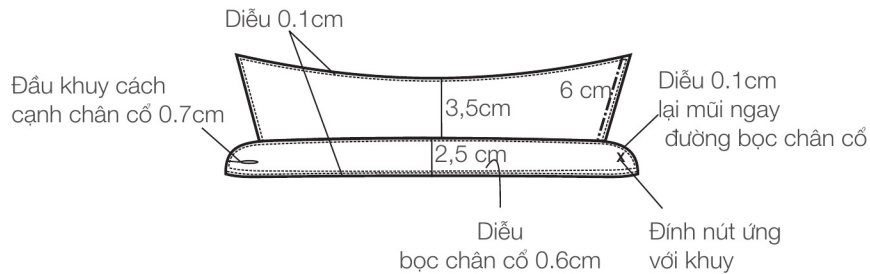
#### **\*\* Lưu ý: Đường may sườn áo, sườn tay 2 cm**

- Đường sườn áo, sườn tay, vai con ủi lật về thân sau, vòng nách ủi lật về thân.
- Lai áo gấp 2 lần điều to bản 0.4 cm.

#### **\*\* Mẫu thêu logo: Vị trí thêu theo định vị rập.**

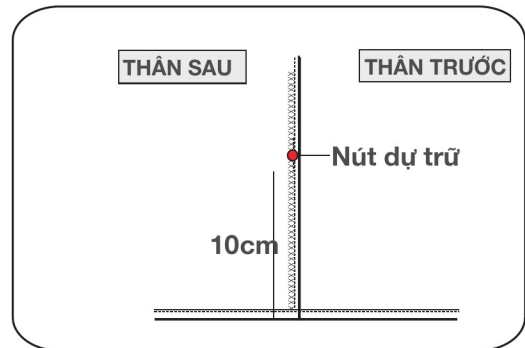
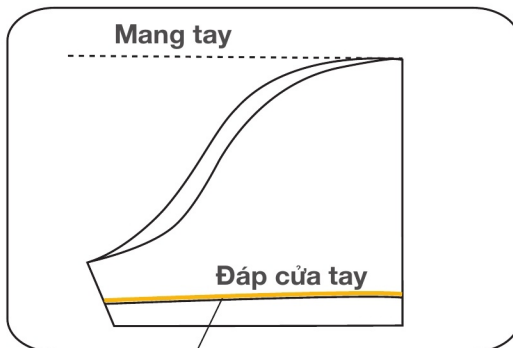
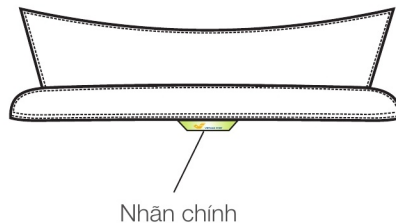
## 2.2. ÁO SƠ MI GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

### \*CỔ ÁO



### \*\*VỊ TRÍ GẮN NHÃN :

- Nhãn chính : Nằm giữa to bản chân cổ, may 4 cạnh không xuyên lớp chính (chỉ tiếp màu nhãn).
- Nhãn tên: Gấp đôi gắn dưới chân cổ.
- Nhãn sử dụng: gắn ở sườn trái khi mặc, cách lai TP 10cm



Tay lê vàng thương hiệu



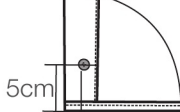
## 2.2. ÁO SƠ MI GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN ĐBVHX

### Áo sơ mi nam ngắn tay



\* Vị trí đóng nút dự trữ (X):

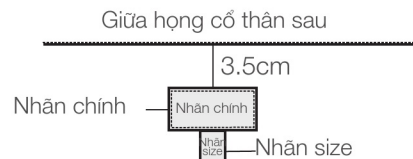
Mặt trong nếp nút



Nút dự trữ đính thẳng theo nút nếp

#### \*VỊ TRÍ GẮN NHÃN:

- Nhãn chính: gắn ở giữa lót đò, may 4 cạnh (1 lớp), chỉ theo màu nhãn.
- Nhãn size: gấp đôi gắn dưới và giữa nhãn chính.



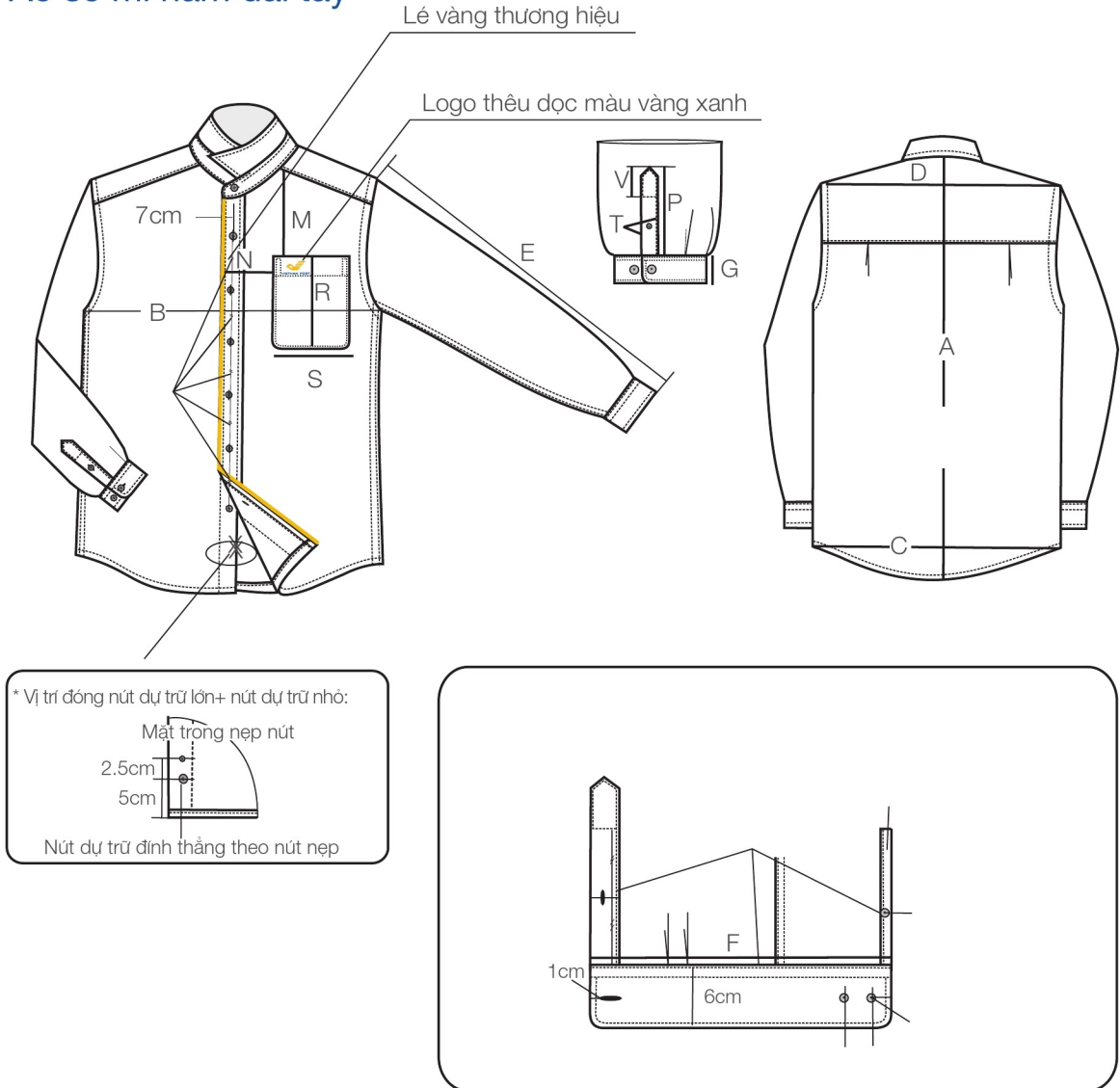
### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Mật độ chỉ điều : 6 mũi/1cm
- Không nối các đường chỉ điều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thùa khuy thường dài khuy tương ứng với nút, chỉ tiếp màu vải chính.
- Đính nút dạng chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nếp khuy loẻ rời, to bản 3 cm, may máy kansai, điều hai cạnh 0.5cm.
- + Nếp khuy thân trước trái (x6), chân cổ (x1).
- Nếp nút gấp 1cm+2.6cm. Điều to bản 2.5cm.
- + Nút 18L: Nếp thân trước phải (x6), chân cổ (x1), dtrữ (x1).
- Điều 0.1cm: vai con.
- Đò sau 2 lớp, điều 0.1cm (1 lớp).
- Lại tay gấp 1cm + 3.1cm, điều to bản lại 3cm, khóa cửa tay trùng với đường cuốn sườn.
- Vòng nách may cuốn chỉ dưới móc xích, điều 0.9cm.
- Sườn áo, sườn tay may cuốn 2 kim 0.5cm.
- Xếp ply thân sau: sâu ply 1.2cm, sóng ply cách nách thành phẩm 7cm.
- Điều 0.4cm: lại áo.

\*\* Lưu ý: Ép keo: Nhiệt độ 170-175; thời gian 20s; áp lực 5.5-6kg

## 2.2. ÁO SƠ MI GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

### Áo sơ mi nam dài tay



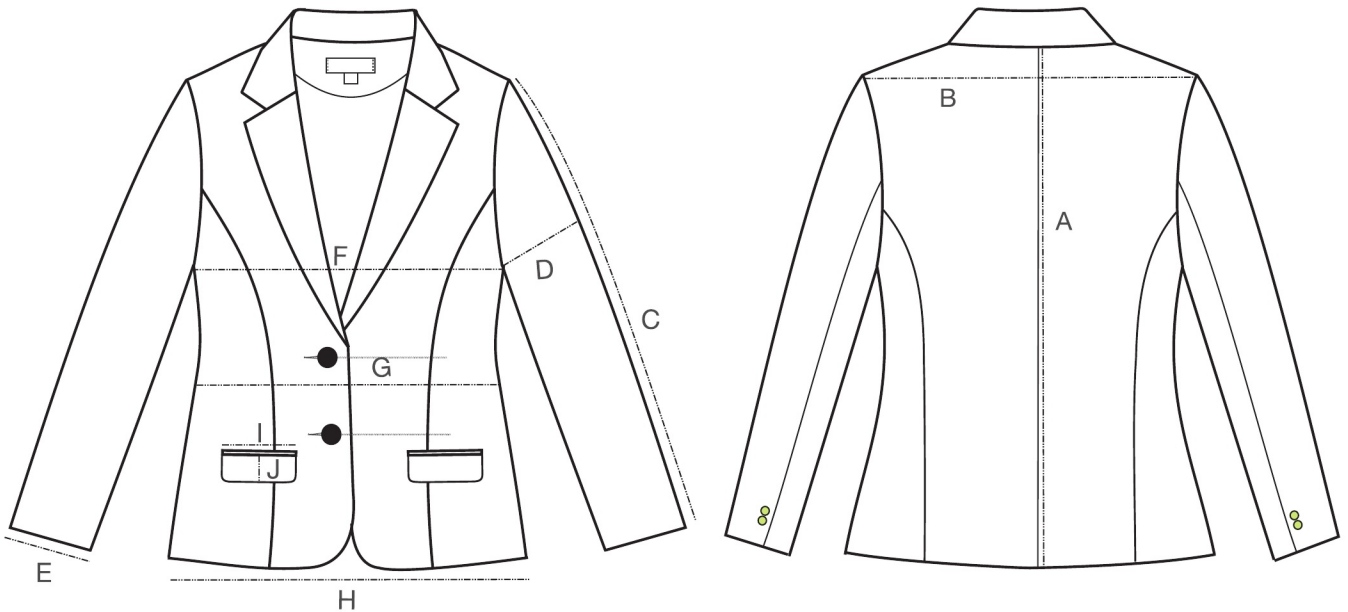
#### HÌNH DẠNG & CÁCH ĐO:

- Mật độ chỉ diều : 6 mũi/1cm
- Không nối các đường chỉ diều, lại mũi kỹ các đường may.
- Thừa khuy thường dài khuy tương ứng với nút, chỉ tiếp màu vải chính.
- Đinh nút dạng chéo, ứng tâm khuy, chỉ đính nút xem bảng màu.
- Nẹp khuy lo-vê rời, to bản 3cm, may máy kansai, diều 2 cạnh 0.5cm.
- + Nẹp khuy thân trái (x6), chân cổ (x1), manchette (x2), thếp tay (x2).
- Nẹp nút gấp 1cm + 2.6cm, diều 2.5cm
- + Nút 18L: Nẹp nút thân trước phải (x6), chân cổ (x1), manchette (x4), dt (x1).
- + Nút 14L: Thếp tay (x2), dtrữ (x1).
- Diều 0.1cm: vai con.
- Đô sau 2 lớp, diều 0.1cm (1 lớp).
- Vòng nách may cuốn chỉ dưới móc xích, diều 0.9cm.
- Sườn áo, sườn tay may cuốn 2 kim 0.5cm
- Xếp ply thân sau: sâu ply 1.2cm, sóng ply cách nách thành phẩm 7cm.
- Diều 0.4cm: lai áo.

**\*\*Lưu ý: Ép keo: Nhiệt độ 170 -175; thời gian 20s; áp lực 5.5-6kg.**

## 2.3. ÁO VESTON

### Áo veston nữ



#### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

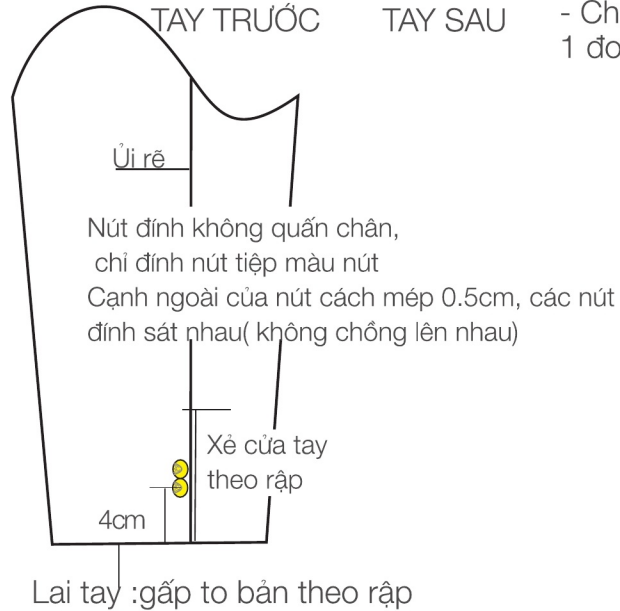
- Cổ: Cổ chữ K, cổ và thân rời nhau. Bản cổ êm phẳng, ôm khít không vênh.
  - Tay: Đường may cách đều mép, tròn làn, tay đủ độ rộng, khi kéo căng không bị đứt chỉ.
  - Cửa tay đính 2 khuy, có xẻ.
  - Túi: 2 túi ngang có nắp dưới eo, góc nắp túi lượn tròn, miệng túi êm phẳng, sợi viền tròn đều.
  - Thân trước: Cài 2 khuy, vạt bầu lượn tròn.
  - Gấu: Không nhăn vắn, bai thân, không thừa, thiếu lót, tà áo êm phẳng.
  - Thùa khuyết, đính cúc: Cúc đính bằng máy đúng vị trí, thẳng hàng, chân gọn, chắc chắn. Thùa khuyết đảm bảo nẹp không bị co dúm.
- \* Những điểm cần lưu ý:
- Hạn chế ủi, phà hơi lên vải để tránh co rút vải.
  - Xả vải 24 giờ trước khi cắt.



## 2.3. ÁO VESTON

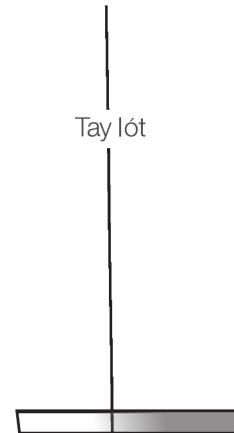
### Áo veston nữ

#### \* TAY CHÍNH :

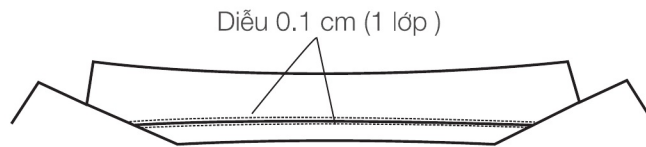


#### \* TAY LÓT :

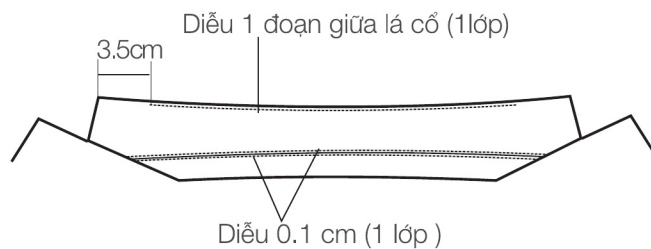
- Chốt bông tay lót bên trái (khi mặc)  
1 đoạn 12cm



\*Cổ trên :To bản theo rập



\*Cổ dưới: To bản theo rập



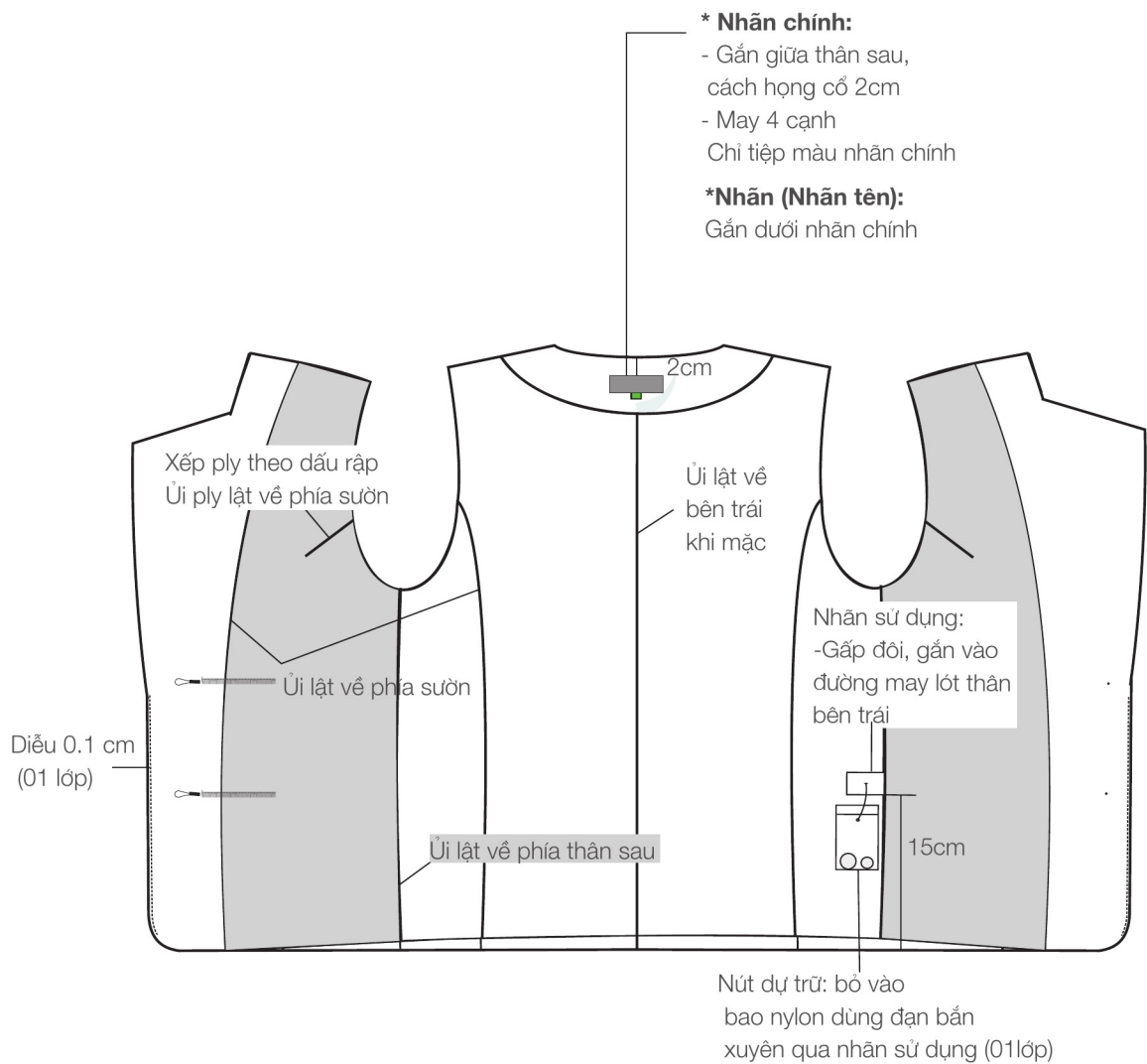
## 2.3. ÁO VESTON

### Áo veston nữ

**\*\*MẶT TRONG:**

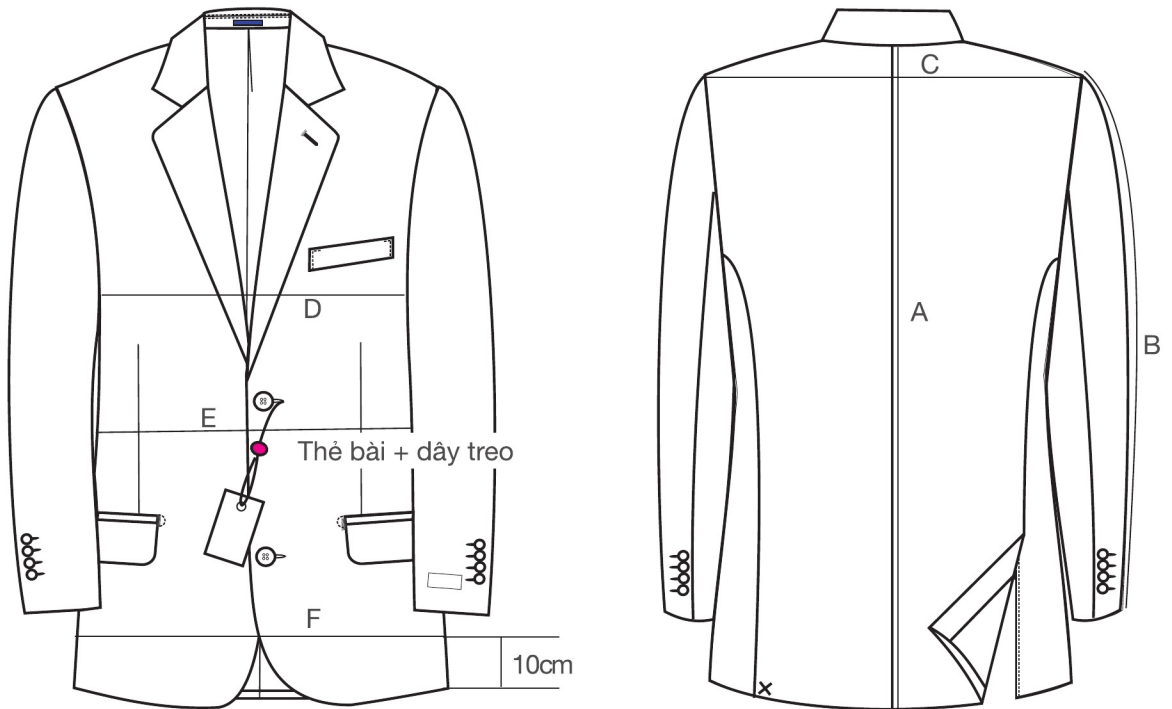
**\*\*Lưu ý:**

Đ/với sản lượng theo size: gắn nhãn size  
Đ/với sản lượng ngoại cỡ : gắn nhãn theo tên



## 2.3. ÁO VESTON

### Áo veston nam



### THÔNG SỐ VÀ CÁCH MAY :

- Cổ: Cổ chữ K, cổ và thân rời nhau. Bàn cổ êm phẳng, ôm khít không vênh.
- Tay: Đường may cách đều mép, tròn lẳn, tay đủ độ rộng, khi kéo căng không bị đứt chỉ. Cửa tay đính 4 khuy, có xẻ.
- Túi: 1 túi cơi ngực trước bên trái, 2 túi ngang có nắp dưới eo, góc nắp túi lượn tròn, êm phẳng, góc vuông, cơi túi đều và che kín miệng túi. Lót túi nằm êm, không cộm.
- Thân trước: Cài 2 khuy, vạt tròn, có chiết 2 ly, ly chiết vuốt nhọn, thoát, êm.
- Thân sau: Xẻ 2 bên.
- Gấu: Không nhăn vụn hoặc bai thân, không thừa hoặc thiếu lót. Tà áo êm phẳng.
- Thừa khuyết, đính cúc: Cúc đính bằng máy đúng vị trí, thẳng hàng, chân gọn, chắc chắn, đảm bảo nẹp áo không co dúm.



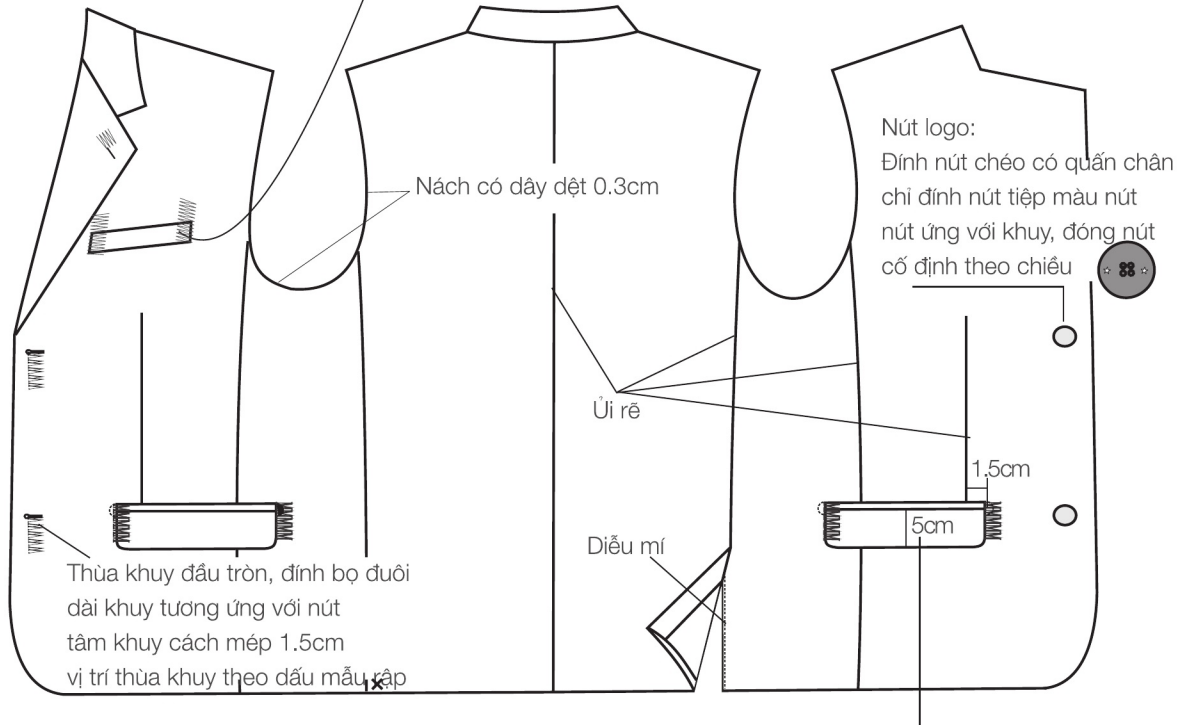
## 2.3. ÁO VESTON

### Áo veston nam

#### \*\* MẶT CHÍNH :

- Mật độ chỉ may: 5 mũi /1cm.

- Túi coi: Thành phẩm: YA&A: 2.5cm x10.5cm;  
ABE, AB& BE: 2.5cm x 11cm
- Ziczac: 2 đầu miệng túi, cột chỉ bên trong.
- Khóa giữa miệng túi, vị trí túi theo rập

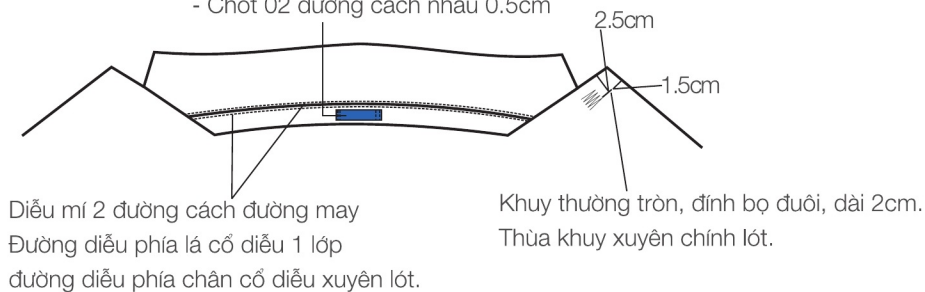


#### \* CỔ CHÍNH: - Lá cổ, chân cổ bằng vải chính.

Túi viền + nắp túi :túi viền to bản 1cm.  
Dài miệng túi YA, A=15cm; ABE, AB,BE=16cm.  
đính bộ chữ D 2 đầu miệng túi,  
vị trí túi theo dấu mẫu rập

#### \*Dây satin :

- To bản 0.7cm x dài thành phẩm 6cm
- Gắn giữa hòng cổ
- Chốt 02 đường cách nhau 0.5cm

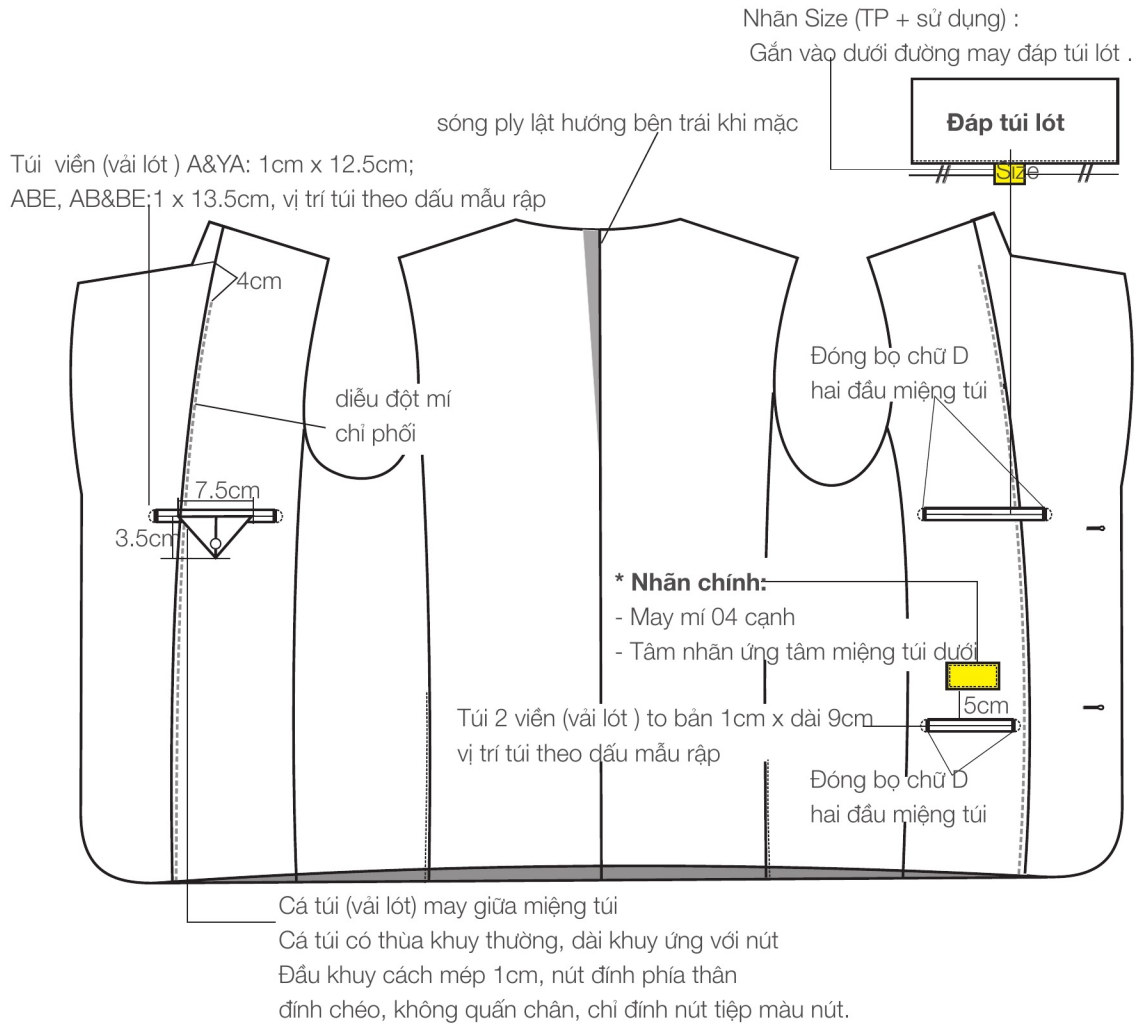


## 2.3. ÁO VESTON

### Áo veston nam

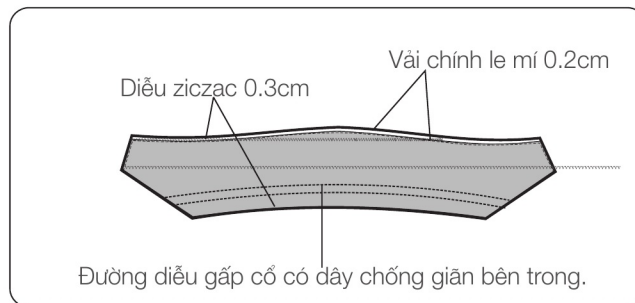
#### \*\* MẶT LÓT :

- Chốt cố định lai áo chính & lót ở các đường may ráp
- Chốt cố định lai tay chính & lót ở các đường may ráp



#### \* CỔ LÓT:

- Cổ lót bằng vải nỉ.

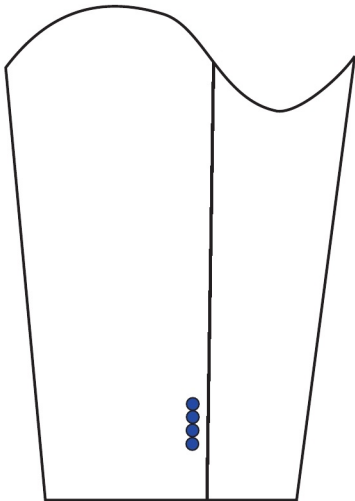


### 2.3. ÁO VESTON

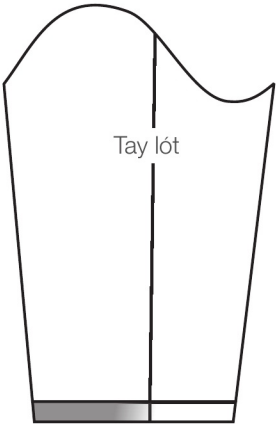
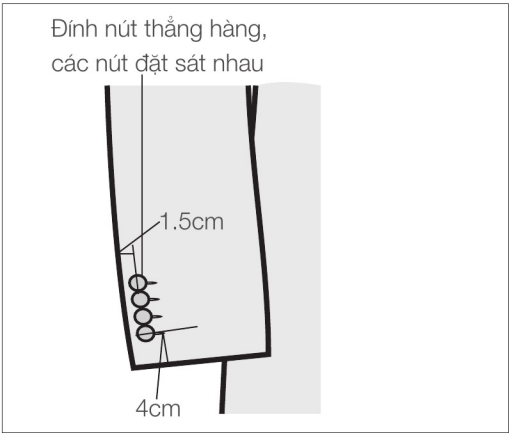
Áo veston nam

**\* TAY ÁO:**

Đường may cách đều mép, tròn lùn, tay đủ độ mỏng, khi kéo căng không bị đứt chỉ. Cửa tay đính 4 khuy, có xẻ



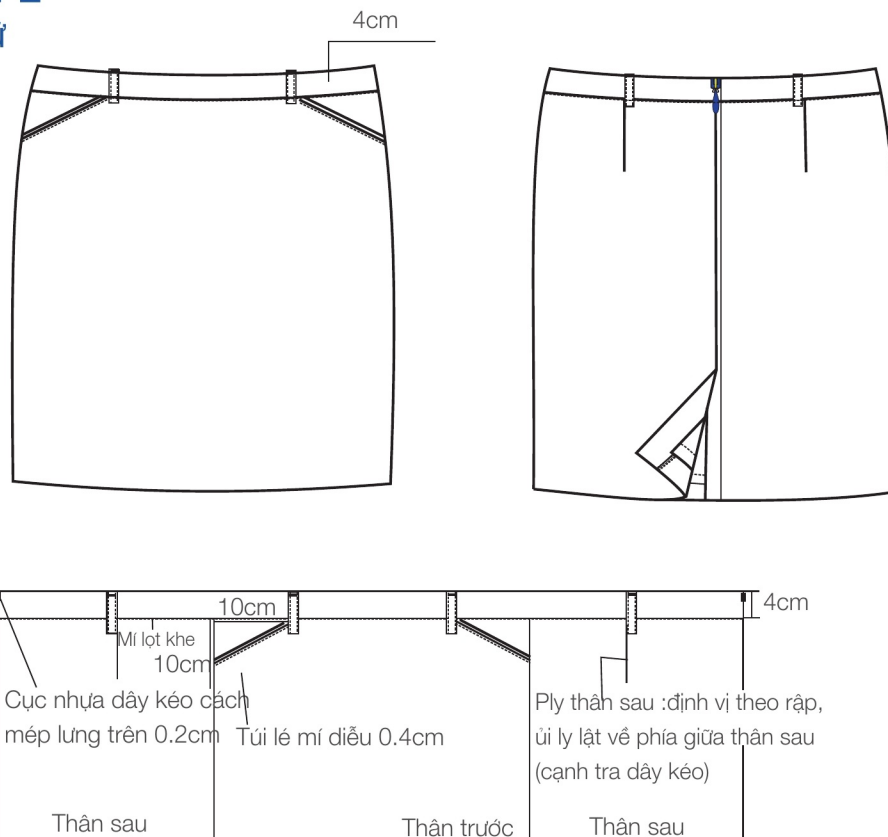
**\* TAY LÓT:** - Chốt bụng tay áo một đoạn dài 15cm (chốt cả 2 bên )





## 2.4. JUPE

### Jupe nữ



**\*\*XẺ TÀ THÂN SAU:** Xẻ tà định vị theo rập



#### \*VÁY CHÍNH:

- Dáng váy thẳng từ hông xuống gấu
  - Mật độ chỉ 5 mũi/1cm.
  - Vắt sổ 3 chỉ: Thân sau váy, sườn váy, đáy túi, lai
  - Đường may ủi rẽ
  - Lai: to bản 4cm, vắt sâu lai
- Lưu ý: Đường may sườn váy 1.5cm

- Mật độ chỉ đều trên toàn bộ sản phẩm phải đều nhau.
- Không nối chỉ các đường điều, lại mũi kỹ các đường may.

**\*\*Dây passant:** x 4 chiếc

Dài 5 cm x to bản 1cm - Đánh bông cự ly 0.7cm

Cạnh trên: gấp 1 lần, đính bộ bằng to bản dây, gọt đường may còn 0.5cm

Cạnh dưới: Chui vào đường tra lưng, dùng máy 1 kim chốt bên trong, cách đường tra lưng 0.7cm

- Bên trong lót gấn 2 dây treo móc váy

## 2.4. JUPE

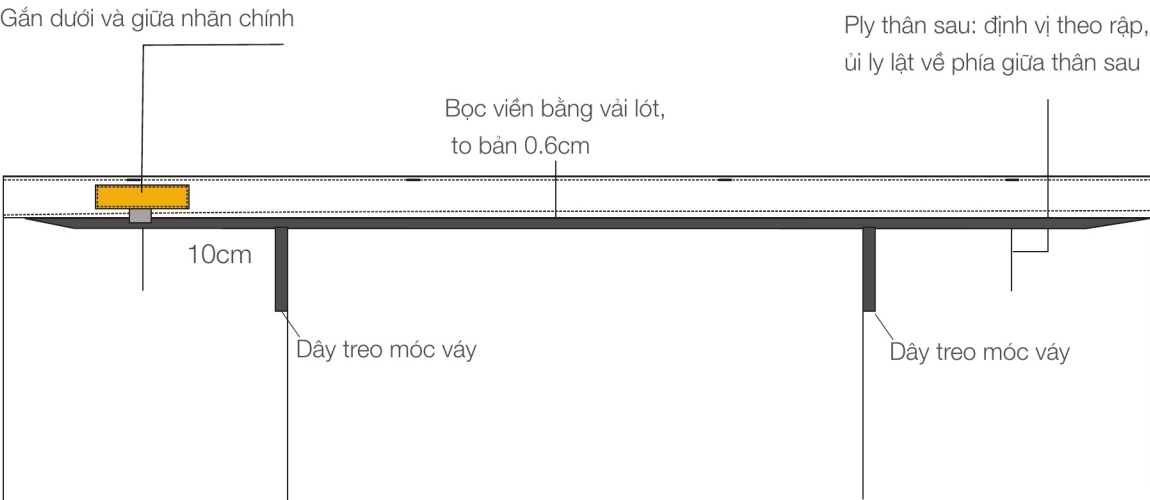
### Jupe nữ

**Nhân chính:**

Nằm giữa to bản lưng bên trái người mặc  
Điều 4 cạnh, chỉ tiếp màu nhân

**Nhân size:**

Gắn dưới và giữa nhân chính



**\*\*VÁY LÓT:**

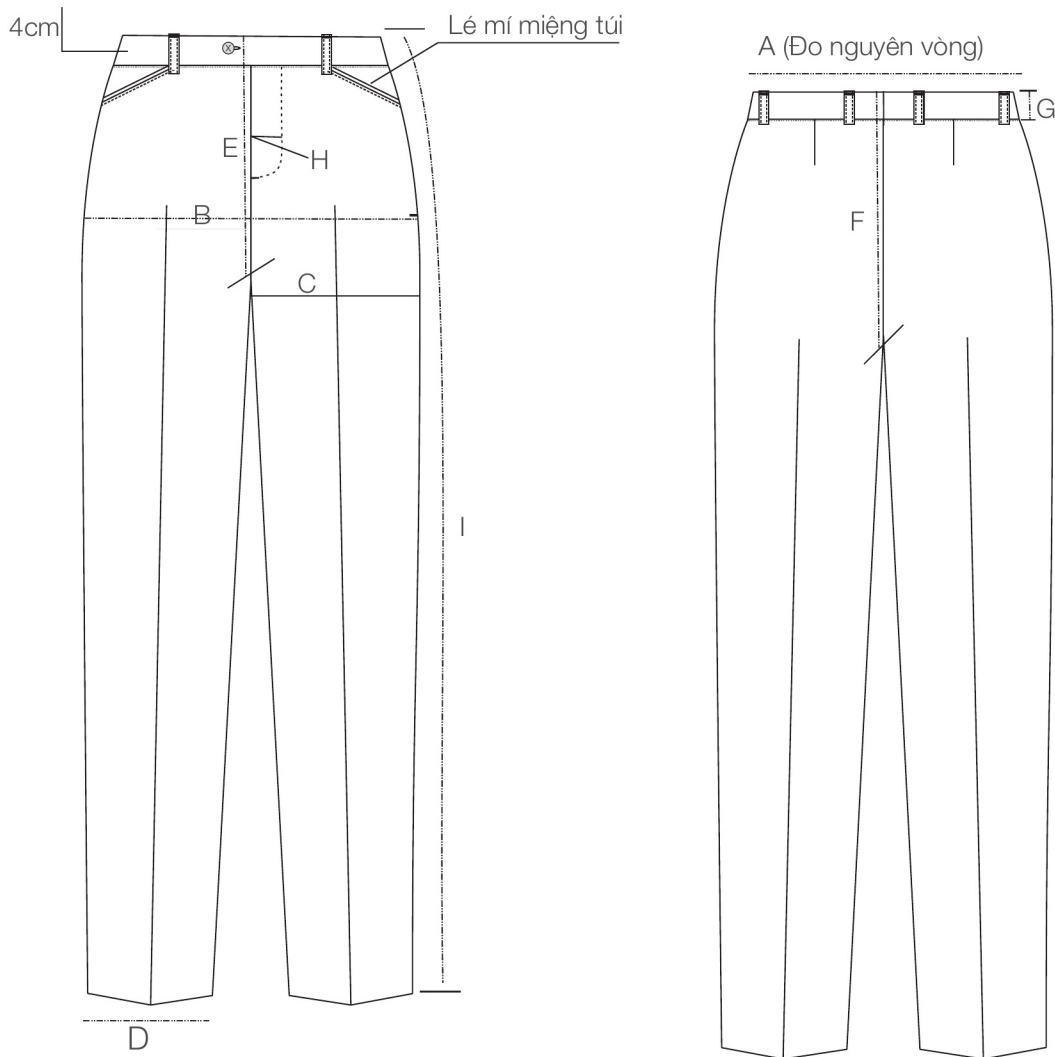
- Vắt sổ 3 chỉ: Giữa thân sau, đường may ủi rẽ.
- Vắt sổ 3 chỉ, may máy 1 kim: Sườn váy lót, sườn váy ủi lật về thân sau.
- Đường may ủi rẽ

**Lưu ý: Đường may sườn váy lót 2cm**

- Lót túi may lộn, điều 0.5cm
- Lai gấp theo dấu rập, điều to bản 1cm
- Lưng lót: bọc viền bằng vải lót, to bản 0.6cm

## 2.5. QUẦN ÂU

### Quần âu nữ



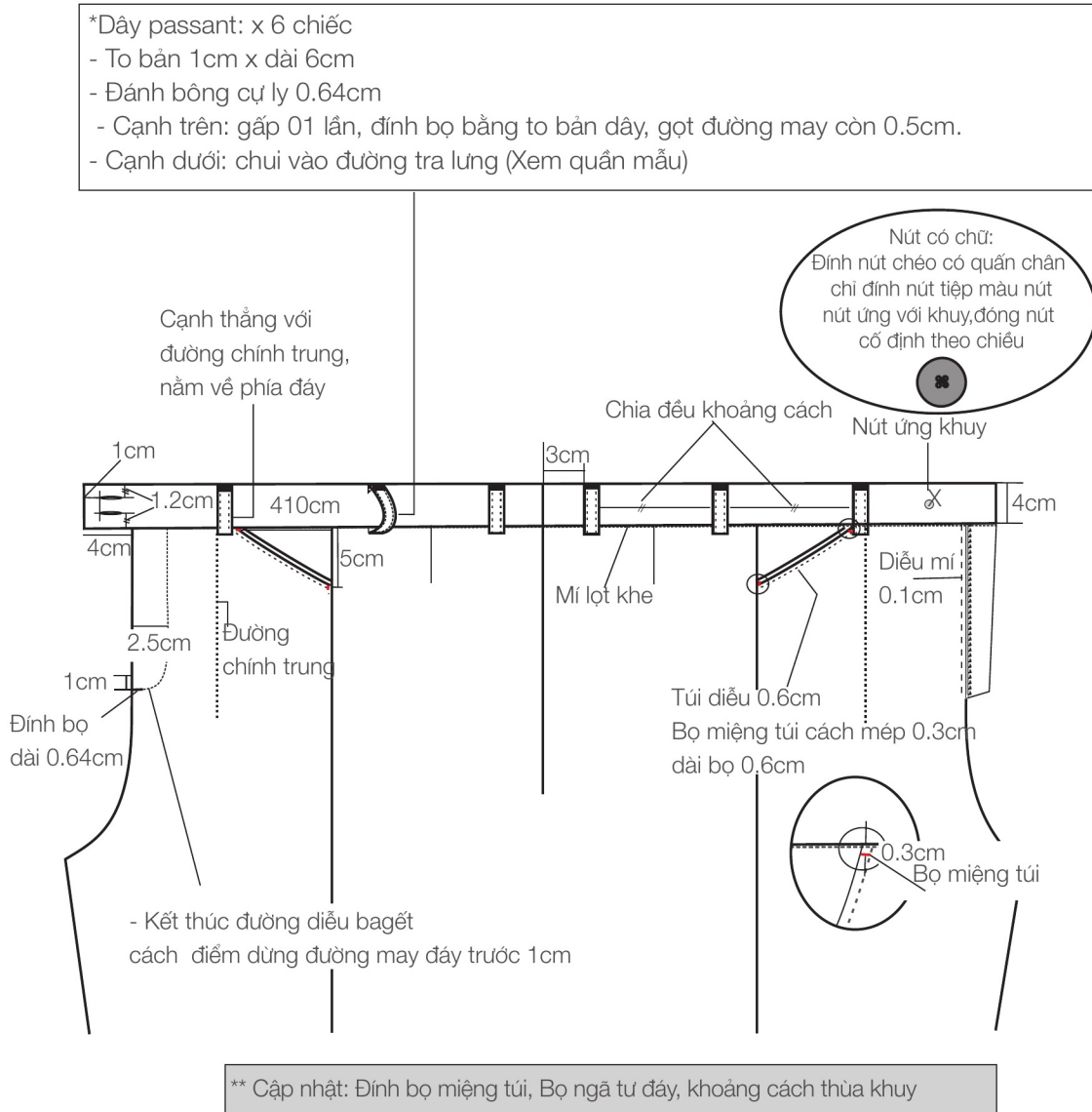
**\*\* Lưu ý:**

- Xử lí độ co rút của vải trước khi đưa vào sản xuất
- Khóa: Dùng khóa kéo cùng màu vải, đường diều của quần đều, thẳng, không nhăn, vụn, không nổi chỉ và đúng yêu cầu kỹ thuật. Dây kéo êm, thẳng, của quần che kín dây kéo.



## 2.5. QUẦN ÂU

### Quần âu nữ



#### \*\* MẶT CHÍNH :

- Mật độ chỉ : 5 mũi /1cm
- Vắt sổ : sườn trong, sườn ngoài, đáy trước, đáy sau, bagét trái, bagét phải, đập túi, nẹp túi, lai.
- Lai : gấp lai 4cm, vắt sâm lai
- Vòng đáy, sườn trong, sườn ngoài: Ủi rẽ. Riêng vòng đáy ( may móc xích 2 đường chỉ)
- Lưu ý: Đường may sườn trong và sườn ngoài: 1.2cm
- Vị trí túi trước, ply thân sau may theo dấu mẫu ráp, sóng ply lật về đáy sau.
- Thừa khuy thường, dài khuy ứng với nút.
- Đính nút chéo có quần chân
- Bộ ngã tư đáy (dài bộ 1cm)

## 2.5. QUẦN ÂU

### Quần âu nữ

#### \*\* MẶT LÓT :

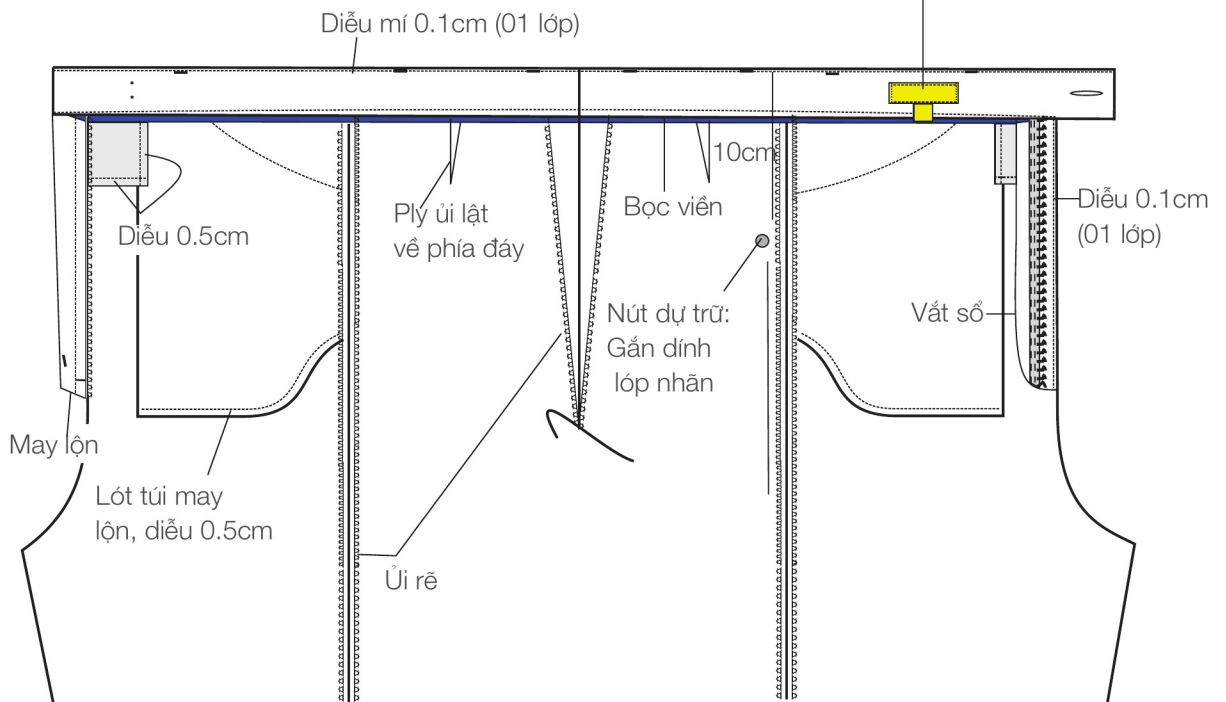
- Dính bọ dài 1 cm để chốt cố định bagê trái dính bagê phải
- Lưng lót bọc viền 0.6cm (bằng vải lót)

#### Nhãn chính :

- Nằm giữa to bản lưng (bên trái người mặc),  
Điều 4 cạnh , chỉ tiếp màu nhãn chính

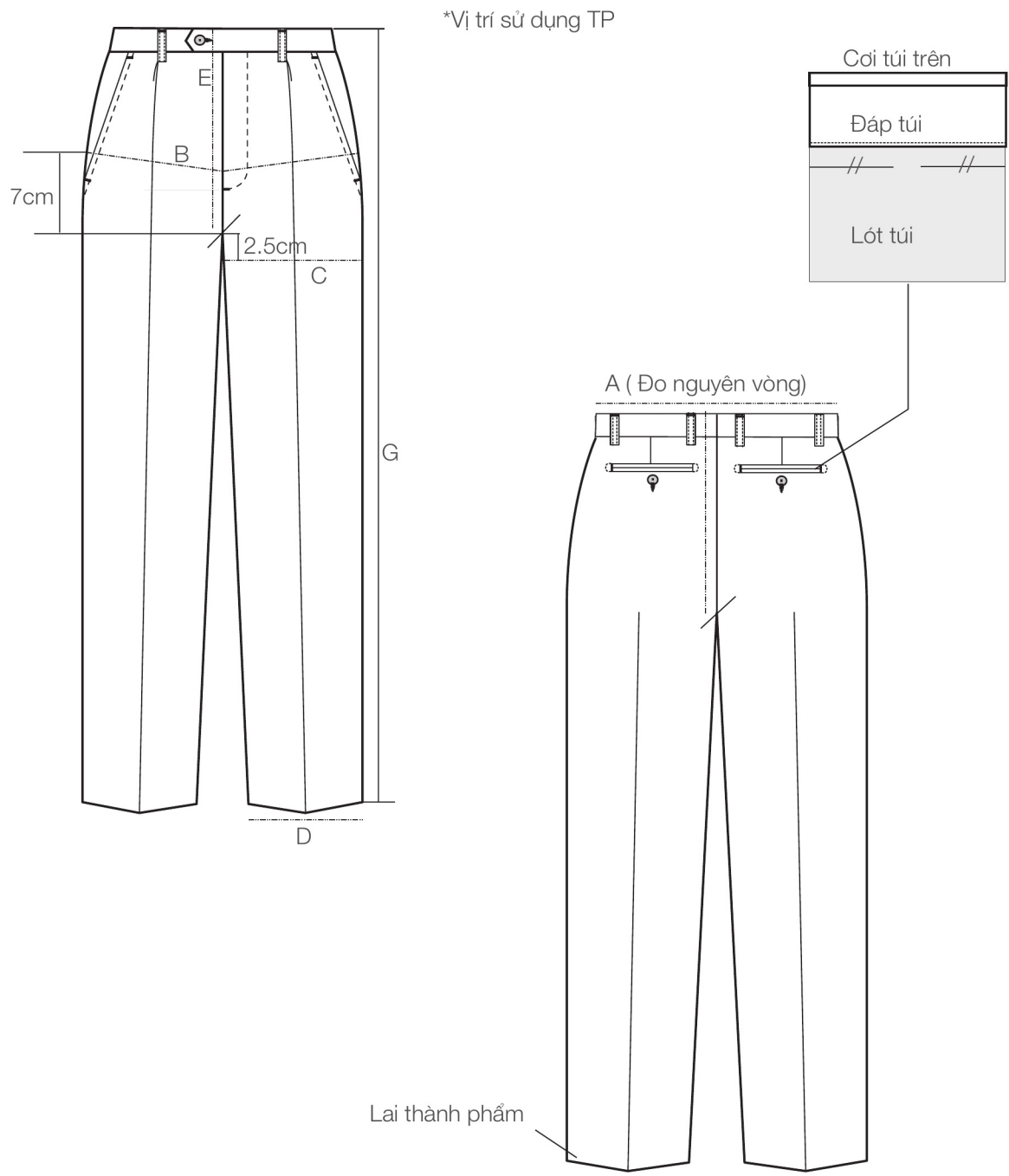
#### Nhãn Size :

- Gắn dưới nhãn chính



2.5. QUẦN ÂU

Quần âu nam

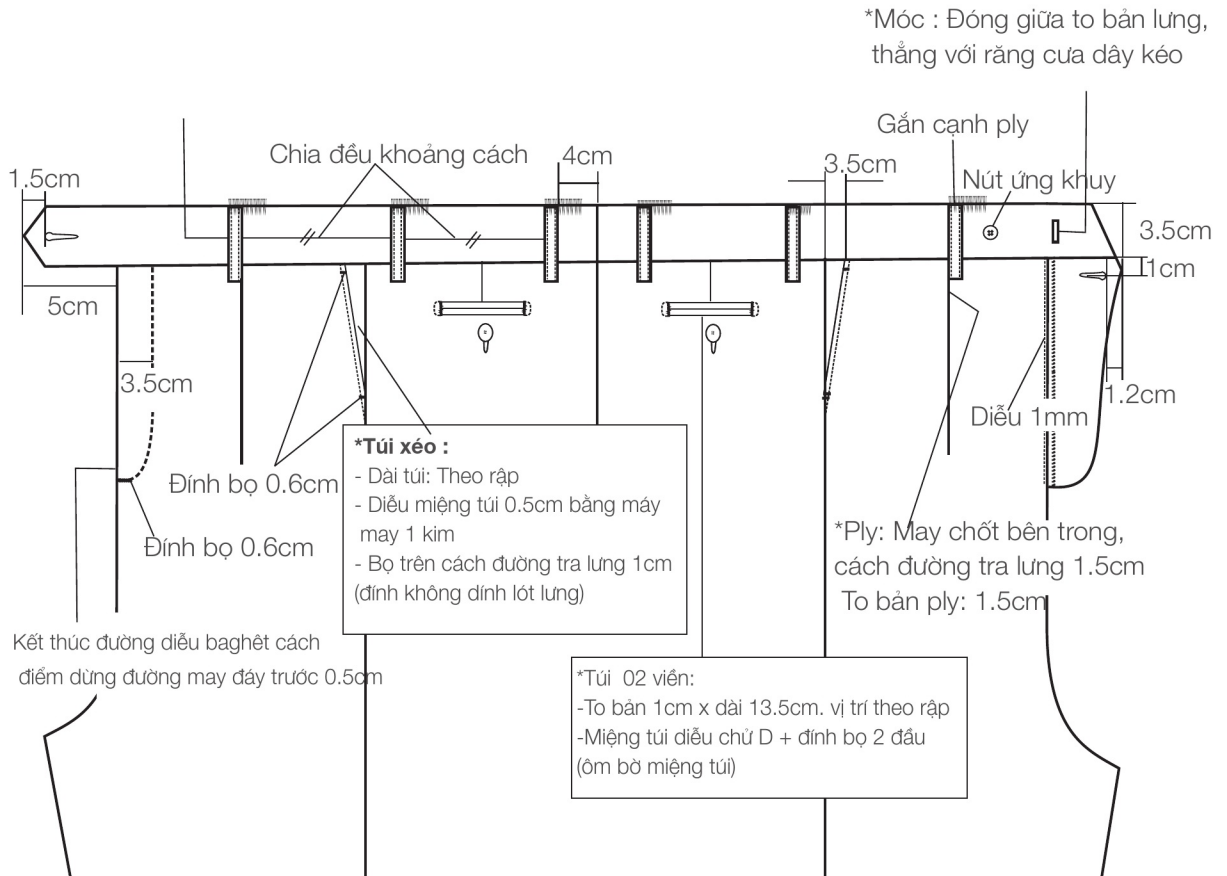


- \*\* Lưu ý:**
- Xử lý độ co rút của vải trước khi đưa vào sản xuất
  - Khóa: Dùng khóa kéo cùng màu vải, đường diều của quần đều, thẳng, không nhăn, vắn, không nổi chỉ và đúng yêu cầu kỹ thuật. Dây kéo êm, thẳng, của quần che kín dây kéo.
  - Móc: Đóng bằng máy.



## 2.5. QUẦN ÂU

### Quần âu nam

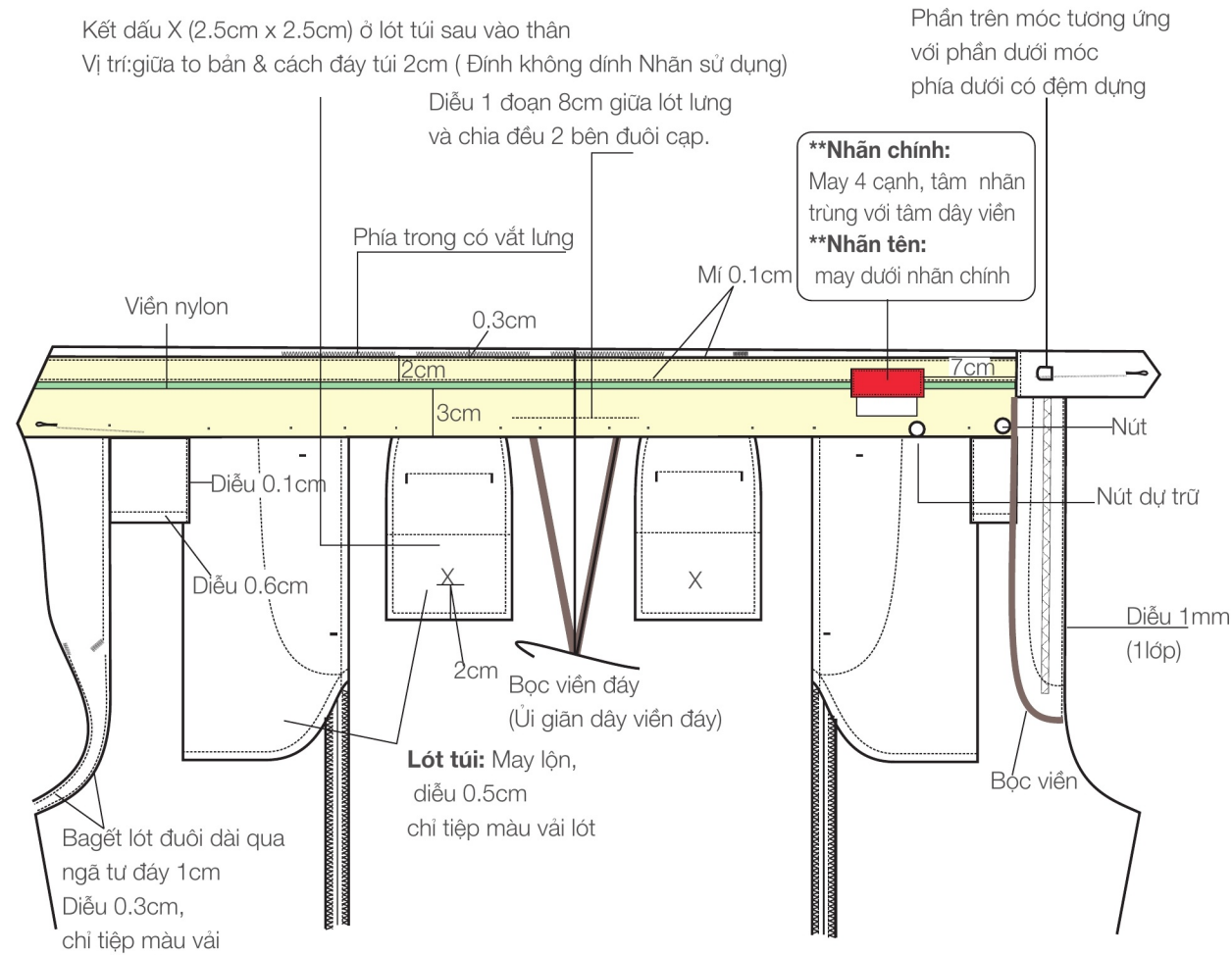


#### \*Dây passant:

- To bản 1cm x dài 5cm
- Đánh bông cự ly: 0.64cm
- Cạnh trên : gấp 01 lần + đỉnh bộ bằng to bản dây, gọt đường may còn 3mm (Lưu ý : đỉnh bộ không được đỉnh lót lưng),
- Cạnh dưới : chui vào đường tra lưng, dùng máy 01 kim may chặn cách đường tra lưng 1.2cm (không đỉnh lót lưng)

2.5. QUẦN ÂU

Quần âu nam



- \*\* MẶT LÓT :**
- Lưng lót có viền phối to bản 0.4cm
  - Đỉnh điểm lưng 12 điểm
  - Đỉnh bộ bagét trái đỉnh bagét phải ngang bằng đầu dây kéo khi kéo xuống, dài 1cm

## 2.8. ÁO PHÒNG BƯU TÁ

### Áo phong dài tay



Gấu chân đê, xông 0.5cm. Bản gấu 2.5cm

1/ Mật độ mũi chỉ: 5 mũi/cm

Chỉ may vắt sổ 60/3: Cùng màu vải chính

Chỉ phối 60/3: Cùng màu vải phối.

Chỉ đính cúc 60/3: cùng màu cúc

Chỉ thừa khuyết 60/3: Cùng màu vải chính

Chỉ may nhãn 60/3: màu trắng ngà (NTRL)

2/ Các chi tiết ép dụng không được bong dộp, bóng vải

Các chi tiết may phải đối xứng,

Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn đúng thông số kỹ thuật

3/ Khuyết thừa đầu bằng - khuyết dài theo cúc

Nẹp thừa 3 khuyết - Thừa giữa bản nẹp - vị trí thừa theo mẫu

4/ Cúc 1.5cm: đính chéo.

Cúc: 3 nẹp. Nẹp: tâm khuyết - tâm cúc

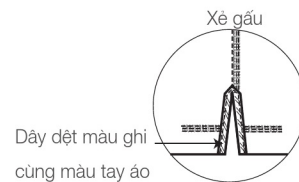
5/ Nhãn cổ: May giữa hòng cổ sau

6/ In logo: Vị trí in trên mẫu giấy

7/ Yêu cầu hoàn thiện.

Sản phẩm may xong phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng không nhăn dúm.

Sản phẩm hoàn thiện không bị là bóng hay hỏng mặt vải.



## 2.8. ÁO PHÔNG BƯU TÁ

### Áo phông ngắn tay



Gấu chân đê, 2 đường chỉ cách nhau 0.5cm. Bàn gấu 2.5cm

Dây dệt cổ và xẻ gấu:

VIETNAM POST VIETNAM POST VIETNAM POST

1/ Mật độ mũi chỉ: 5 mũi/cm

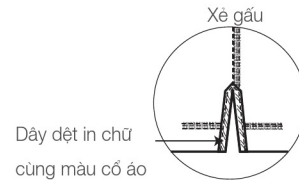
Chỉ may vắt sổ 60/3: Cùng màu vải chính

Chỉ phối 60/3: Cùng màu vải phối.

Chỉ đính cúc 60/3: cùng màu cúc

Chỉ thừa khuyết 60/3: Cùng màu vải chính

Chỉ may nhãn 60/3: màu trắng ngà (NTRL)



2/ Các chi tiết ép dụng không được bong dộp, bóng vải

Các chi tiết may phải đối xứng,

Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn đúng thông số kỹ thuật

3/ Khuyết thừa đầu bằng - khuyết dài theo cúc

Nẹp thừa 3 khuyết - Thừa giữa bản nẹp - vị trí thừa theo mẫu

4/ Cúc 1.5cm: đính chéo.

Cúc: 3 nẹp. Nẹp: tâm khuyết - tâm cúc

5/ Nhãn cổ: May giữa hòng cổ sau

6/ In logo: Vị trí in trên mẫu định vị

7/ Yêu cầu hoàn thiện.

Sản phẩm may xong phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng không nhăn dúm.

Sản phẩm hoàn thiện không bị là bóng hay hỏng mặt vải.



## 2.8. ÁO PHÔNG BƯU TÁ

### THÔNG SỐ

#### KÍCH THƯỚC THÀNH PHẨM

Áo đồng phục nam dài tay

Đơn vị đo : cm

| STT | Điểm đo/ cỡ               | S    | M   | L    | XL  | XXL  | +/- |
|-----|---------------------------|------|-----|------|-----|------|-----|
| 1   | Dài áo đo gi ữa thân sau  | 59   | 61  | 63   | 65  | 67   | 1   |
| 2   | Rộng vai                  | 36,5 | 38  | 39,5 | 41  | 42,5 | 0,5 |
| 3   | 1/2 vòng ngực đo sát nách | 43   | 45  | 47   | 49  | 51   | 0,5 |
| 4   | 1/2 vòng gấu              | 44   | 46  | 48   | 50  | 52   | 0,5 |
| 5   | Dài tay cả bo             | 54   | 55  | 56   | 57  | 58   | 0,3 |
| 6   | 1/2 rộng cửa tay          | 9    | 9   | 10   | 10  | 10   | 0,3 |
| 7   | Dài nẹp áo                | 14   | 14  | 14   | 14  | 14   | 0,3 |
| 8   | Rộng nẹp                  | 2,7  | 2,7 | 2,7  | 2,7 | 2,7  | 0   |
| 9   | Cao bản cổ                | 7    | 7   | 7    | 7   | 7    | 0   |

#### KÍCH THƯỚC THÀNH PHẨM

Áo đồng phục nữ dài tay

Đơn vị đo : cm

| STT | TÊN MÃ                    | ÁO NỮ   |         |         |         |         |          |
|-----|---------------------------|---------|---------|---------|---------|---------|----------|
|     | Size                      | S       | M       | L       | XL      | XXL     | dung sai |
|     | VỊ TRÍ ĐO                 |         |         |         |         |         |          |
| 1   | Dài áo đo gi ữa thân sau  | 59      | 61      | 63      | 65      | 67      |          |
| 2   | Rộng vai                  | 36,5    | 38      | 39,5    | 41      | 42,5    |          |
| 3   | 1/2 vòng ngực sát nách    | 43      | 45      | 47      | 49      | 51      |          |
| 4   | 1/2 vòng eo               | 38      | 40      | 42      | 44      | 46      |          |
| 5   | 1/2 vòng gấu              | 44      | 46      | 48      | 50      | 52      |          |
| 6   | Dài tay cả bo cộc/ dài    | 14 / 54 | 15 / 55 | 16 / 56 | 17/ 57  | 18/ 58  |          |
| 7   | 1/2 rộng cửa tay cộc/ dài | 12 / 9  | 13 / 9  | 14 / 10 | 15 / 10 | 15 / 10 |          |
| 8   | Cao bo tay cộc/ dài       | 2 / 5   | 2 / 5   | 2 / 5   | 2 / 5   | 2 / 5   |          |
| 9   | Dài nẹp                   | 14      | 14      | 14      | 14      | 14      |          |
| 10  | Rộng nẹp                  | 2,7     | 2,7     | 2,7     | 2,7     | 2,7     |          |
| 11  | Cao bản cổ                | 7       | 7       | 7       | 7       | 7       |          |

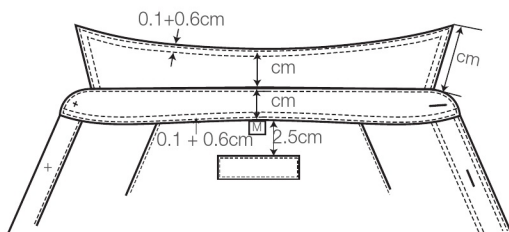
## 2.9. ÁO BẢO HỘ LAO ĐỘNG

### Áo bảo hộ lao động ngắn tay



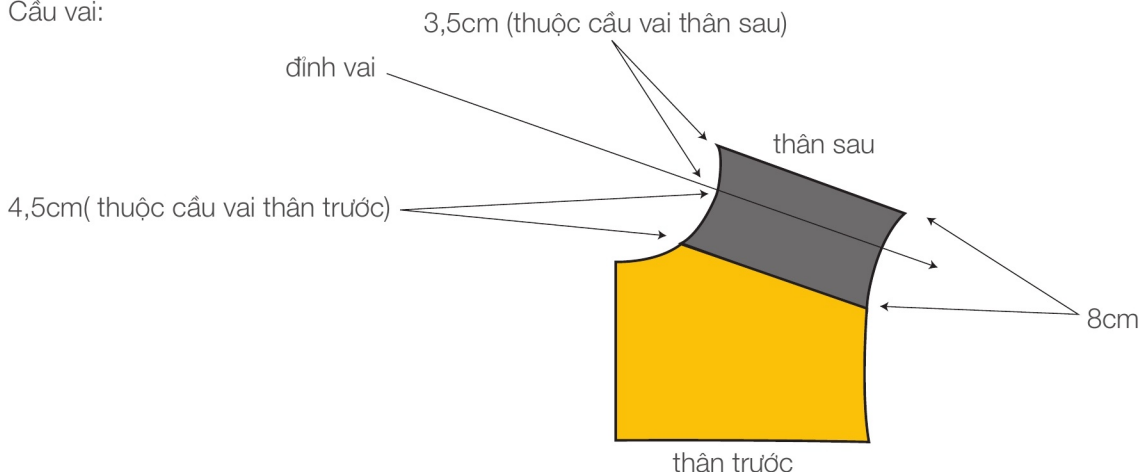
\*/ Ghi chú: Tất cả các đường may chỉ không lộ chỉ tết ra ngoài.

Cổ áo:



Tra cổ mí tròn, nổi chỉ ở chắp vai con.

Cấu vai:



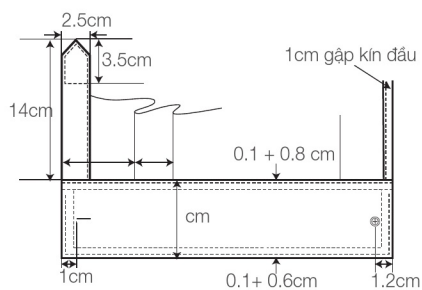
## 2.9. ÁO BẢO HỘ LAO ĐỘNG

### Áo bảo hộ lao động dài tay

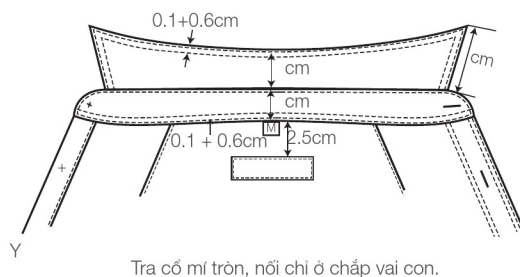


\* / Ghi chú: Tất cả các đường 2 kim 5 chỉ không lộ chỉ tết ra ngoài.

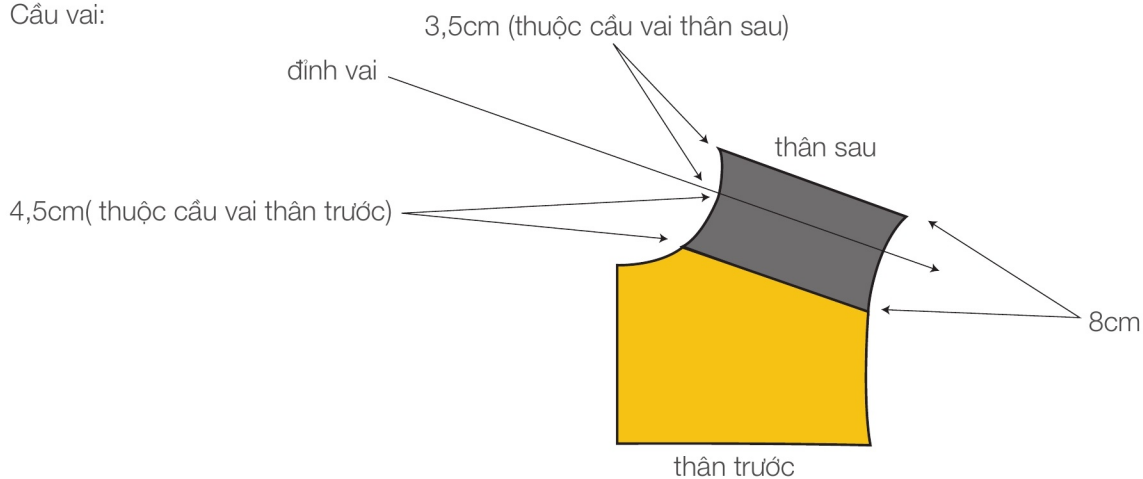
Măng séc - thép tay:



Cổ áo:



Cấu vai:



## 2.9. ÁO BẢO HỘ LAO ĐỘNG

### Áo bảo hộ lao động dài tay

#### TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

1/ Mật độ mũi chỉ: 5 mũi/cm

Chỉ may chắp + vắt sổ 60/3: Cùng màu vải chính.

Chỉ phối 60/3: Mí điều trên bề mặt sản phẩm, chỉ dưới cùng màu vải chính.

Chỉ may phản quang 60/3: Cùng màu phản quang.

Chỉ đính cúc 60/3: cùng màu cúc.

Chỉ thừa khuyết 60/3: dùng chỉ cùng màu.

Chỉ may nhãn 60/3: màu trắng ngà (NTRL).

Chỉ may logo tay 60/3: Chỉ trên cùng màu logo - chỉ dưới cùng màu vải chính.

2/ Các chi tiết ép dụng không được bong dộp, bóng vải

Các chi tiết may phải đối xứng.

Các đường may phải êm phẳng, lại mũi đảm bảo chắc chắn đúng thông số kỹ thuật.

3/ Khuyết thừa đầu bằng - khuyết dài theo cúc

Nẹp thừa 5 khuyết - Thừa giữa bản nẹp- vị trí thừa theo mẫu.

Khuyết chân cổ : thừa giữa chân cổ cách mép 1.2cm.

Khuyết đai thừa ngang: Khuyết thứ 1 cách tra đai 1.5cm, khuyết thứ 2 cách khuyết thứ 1: 2.5cm

4/ Cúc 1.5cm : đính chéo.

Cúc: 1 chân cổ + 2 đai + 5 nẹp.

Nẹp: tâm khuyết - tâm cúc.

Đai, cá đai măng séc, chân cổ, đầu khuyết tâm cúc.

5/ Nhãn chính may giữa cầu vai trong, cách tra cổ 3cm, may 2 cạnh.

Nhãn cổ: May giữa hõng cổ sau.

Đặt nhãn hướng dẫn sử dụng lên thân trước.

Nhãn ghi tên: giữa hõng cổ thân sau dùng cho hàng ngoại cỡ.

6/ In: Vị trí in trên mẫu rập.

7/ Yêu cầu hoàn thiện.

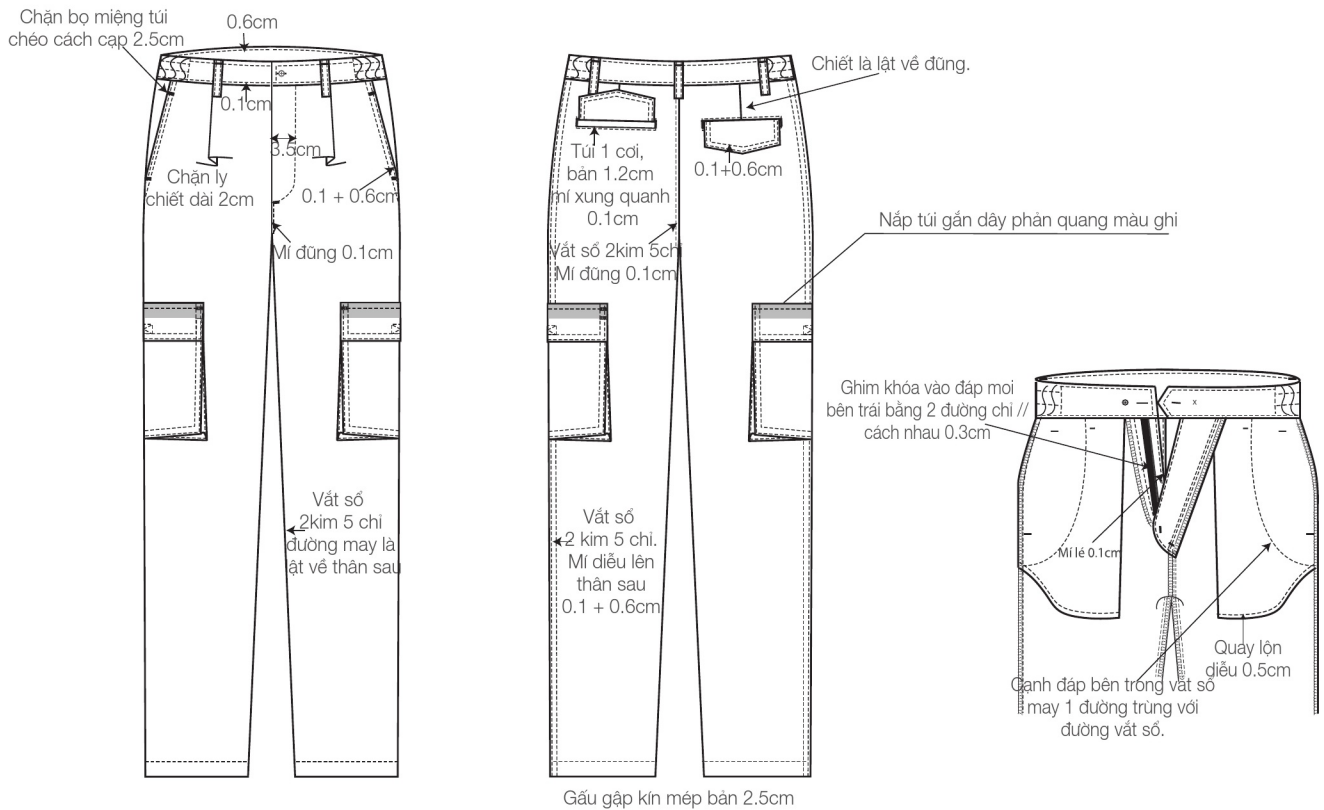
Sản phẩm may xong phải vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng không nhăn dúm.

Sản phẩm hoàn thiện không bị là bóng hay hỏng mặt vải.

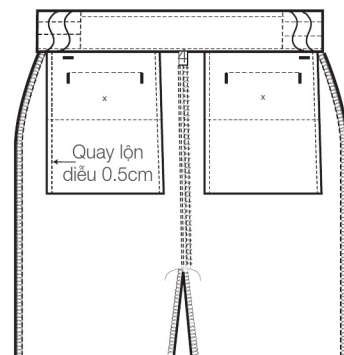
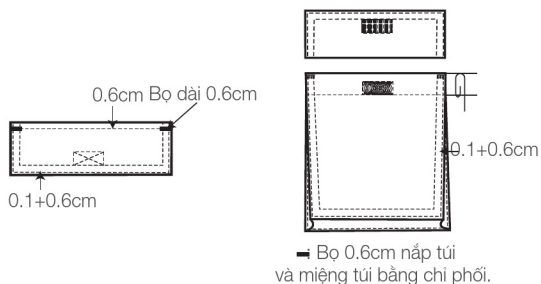


## 2.10. QUẦN BẢO HỘ LAO ĐỘNG

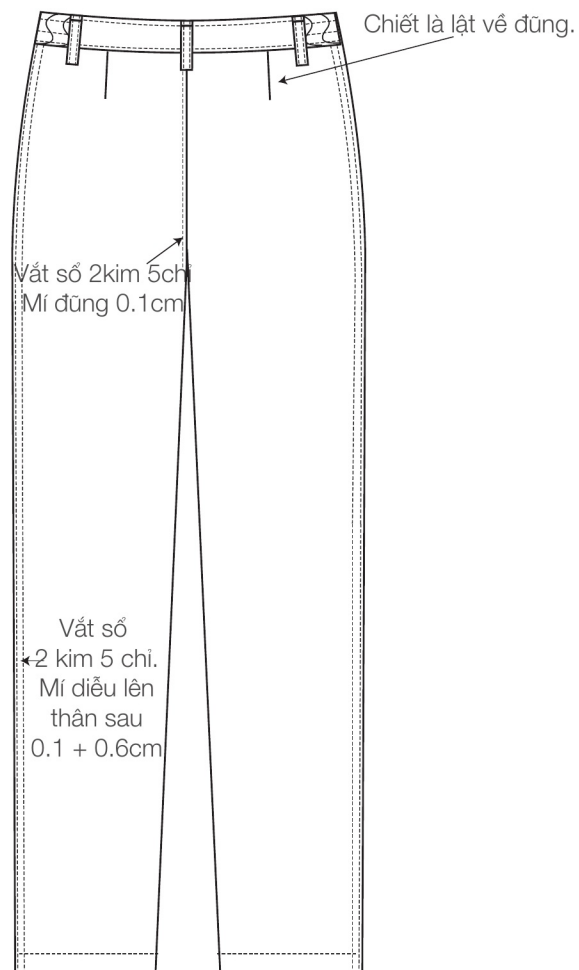
### Quần bảo hộ lao động nam



Ghi chú:  
 ■ : bộ chỉ phối  
 Tất cả các đường 2kim 5 chỉ  
 không lộ chỉ tết ra ngoài



## Quần bảo hộ lao động nữ



Gấu gập kín mép bản 2.5cm

## 2.10. QUẦN BẢO HỘ LAO ĐỘNG

### YÊU CẦU KỸ THUẬT

1/ Mật độ mũi chỉ 5 mũi/cm.

Chỉ may chắp + chỉ vắt sổ 60/3 chỉ cùng màu vải chính.

Chỉ mí đều trên bề mặt 60/3: dùng chỉ cùng màu vải chính.

Chỉ đính cúc 60/3: cùng màu cúc.

Chỉ thừa 60/3 : dùng chỉ cùng màu vải chính.

Chỉ may lót túi: cùng màu lót túi.

2/ Các chi tiết may phải đảm bảo đối xứng, đúng quy cách, thông số kỹ thuật.

Các đường may phải êm phẳng, lại mũi phải trùng khít đảm bảo chắc chắn.

Dây Passant may chân đê, may một đường trùng đường tra cạp, chặn một cạnh cách đường tra cạp 1,5m.

3/ Nhân

Nhân cổ : Gập đôi, may giữa đường tra cạp thân sau, thẳng đường chắp đùng.

4/ Qui cách thừa khuyết: khuyết thừa đầu bằng (cho các vị trí), khuyết dài theo cúc.

Khuyết cạp thừa 2 đầu cạp cách đầu mép cạp 1.2 cm ( đo từ đầu khuyết tới đầu mép cạp)

Khuyết nắp túi gối: thừa cân giữa nắp túi, đầu khuyết cách điểm nhon 1cm.

5/ Qui cách đính cúc: cúc đính chéo.

Cúc 1.5 cm: 2 cạp.

6/ Nhám dính: 2 túi gối.

7/ Bộ:

Bộ 0.6cm: moi, 2 cạnh túi chéo, nắp túi gối, miệng túi gối, ngã tư đùng, đắp moi.

Bộ 1.2cm : 2 cạnh túi hậu.

Bộ 1cm : 1 cạnh dây passant.

8/ Sản phẩm hoàn thiện : Yêu cầu vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng toàn bộ sản phẩm.

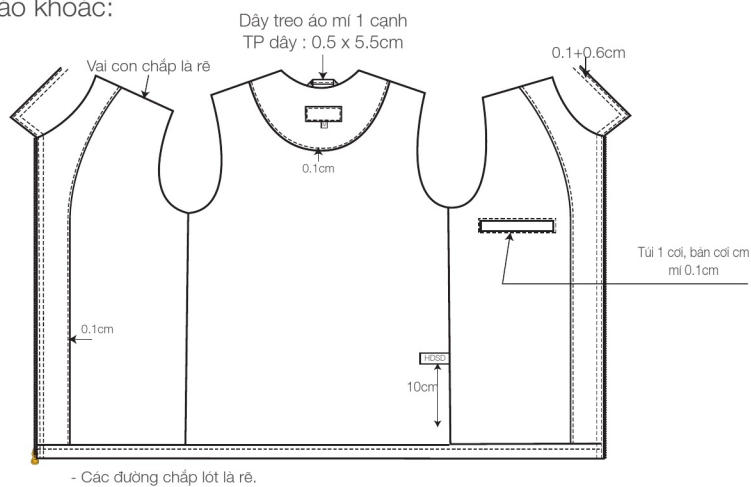
Sản phẩm không bị bóng hay hỏng mặt vải.

\*\* Lưu ý: quần bảo hộ lao động nữ không may túi gối.

2.10. ÁO KHOÁC MỎNG



Lót trong áo khoác:





## 2.10. ÁO KHOÁC MỎNG

### YÊU CẦU KỸ THUẬT

- 1/ Mật độ mũi chỉ may chập 4 mũi/cm  
Mật độ mũi chỉ mí dề 4,5 mũi/cm  
Mật độ mũi chỉ may vải lót 4 mũi/cm  
Chỉ may chính 60/3: Cùng màu vải chính  
Chỉ may phối 60/3: Cùng màu vải phối  
Chỉ may lót 60/3: cùng màu vải lót  
Chỉ may nhân 60/3:
- 2/ Các đường may êm phẳng, lại mũi trùng khít đảm bảo chắc chắn.  
Các chi tiết hai bên: Măng séc, túi dưới, thân trước, tay đối xứng nhau.  
Sản phẩm may đảm bảo đúng qui cách, đúng thông số.
- 3/ Khóa nẹp: Tra cách hõng cổ 0.3cm, cách gấu 0.5cm, gập đầu khóa . Xông khóa 1.2cm.
- 4/ Giăng: Vai, nách, khóa túi dưới giăng ra nẹp, khóa túi lót giăng ra sườn. Cử động 2cm.
- 5/ Nhân:  
Nhân chính: May giữa hõng cổ thân sau, cách 3cm TP.  
Nhân cổ may cân dưới nhân chính.  
Nhân HDSD: Đặt bên trái cách gấu 10cm, đặt về thân trước- Thành phần lên trên.
- 6/ Bọ: hai cạnh túi dưới.
- 7/ In: In trực tiếp lên thân trước trái, vị trí theo mẫu.
- 8/ Hoàn thiện sản phẩm: Vệ sinh công nghiệp sạch sẽ, là phẳng 100% diện tích áo.

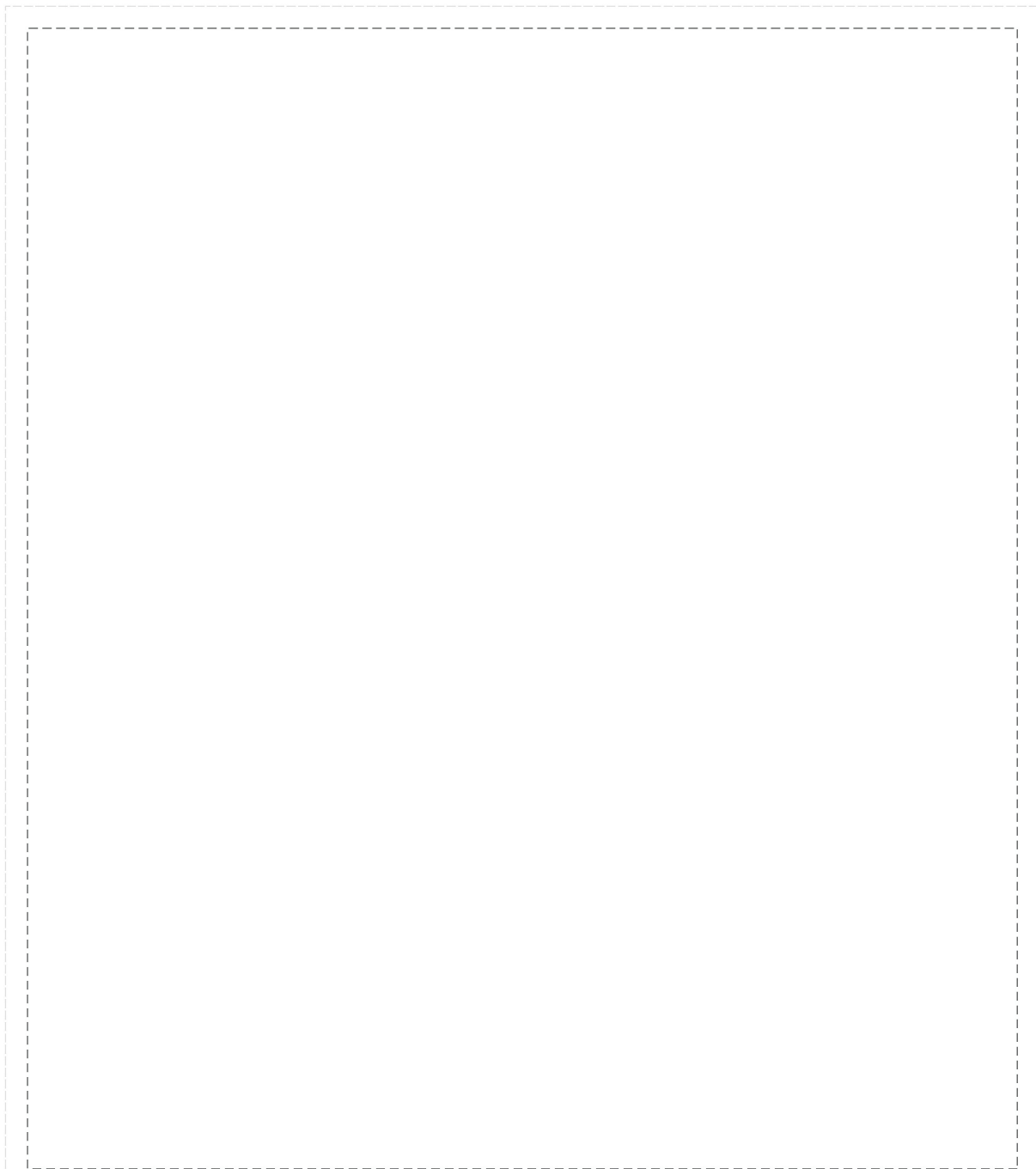
## PHẦN 3

---

# MẪU VẢI

### 3.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo sơ mi nam, nữ



#### ***Mô tả thành phần tương đương vải sơ mi nam nữ***

*Thành phần tương đương :*

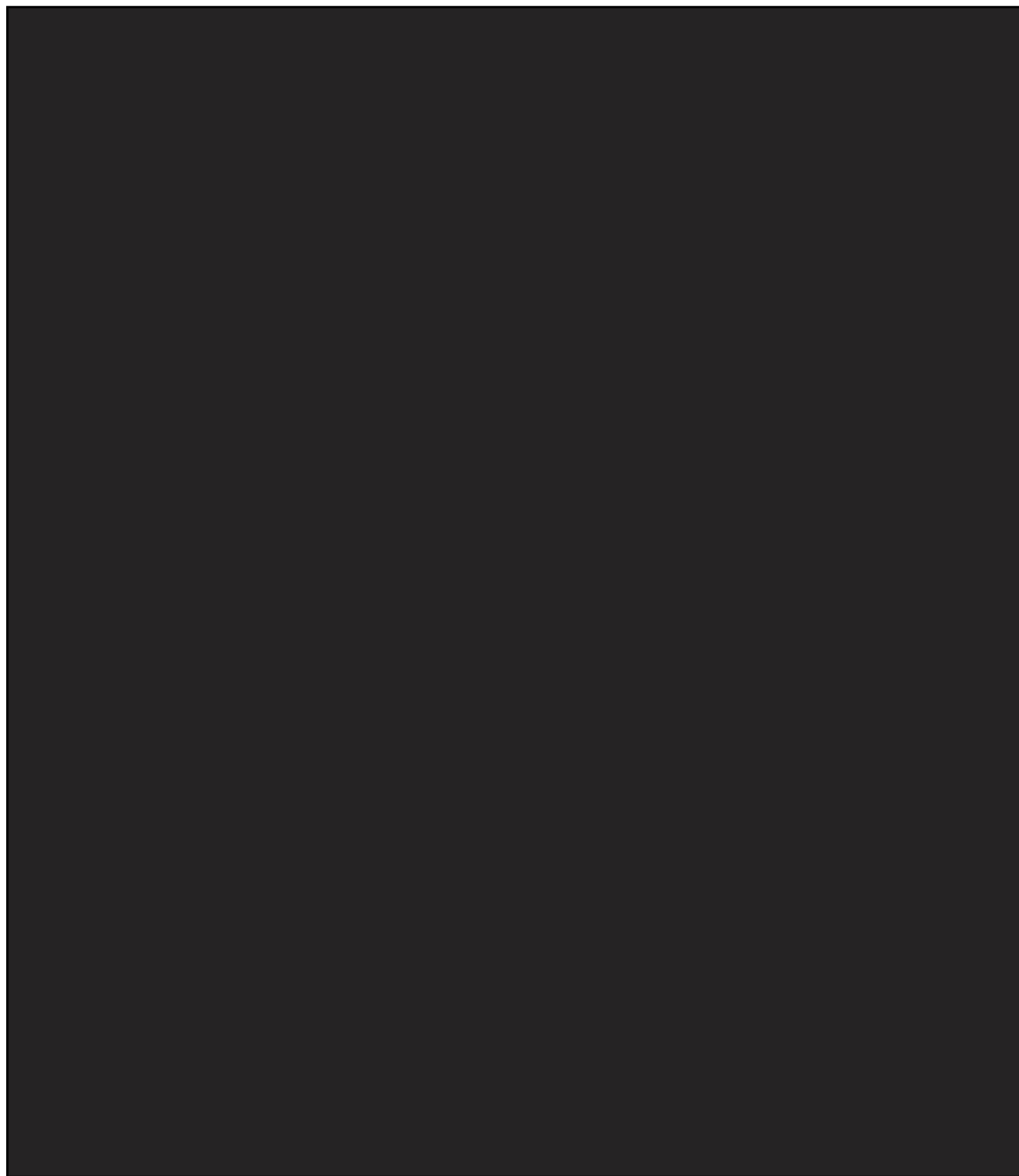
*48 -75% Tencel ( Rayon )*

*25 - 49% Polyester*

*0-3 % Spandex*

### 3.1. LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ VĂN PHÒNG

Áo vest, quần âu, jupe nam/nữ



***Mô tả thành phần tương đương vải quần, vest nam nữ***

*Thành phần tương đương :*

*48 -100% Wool*

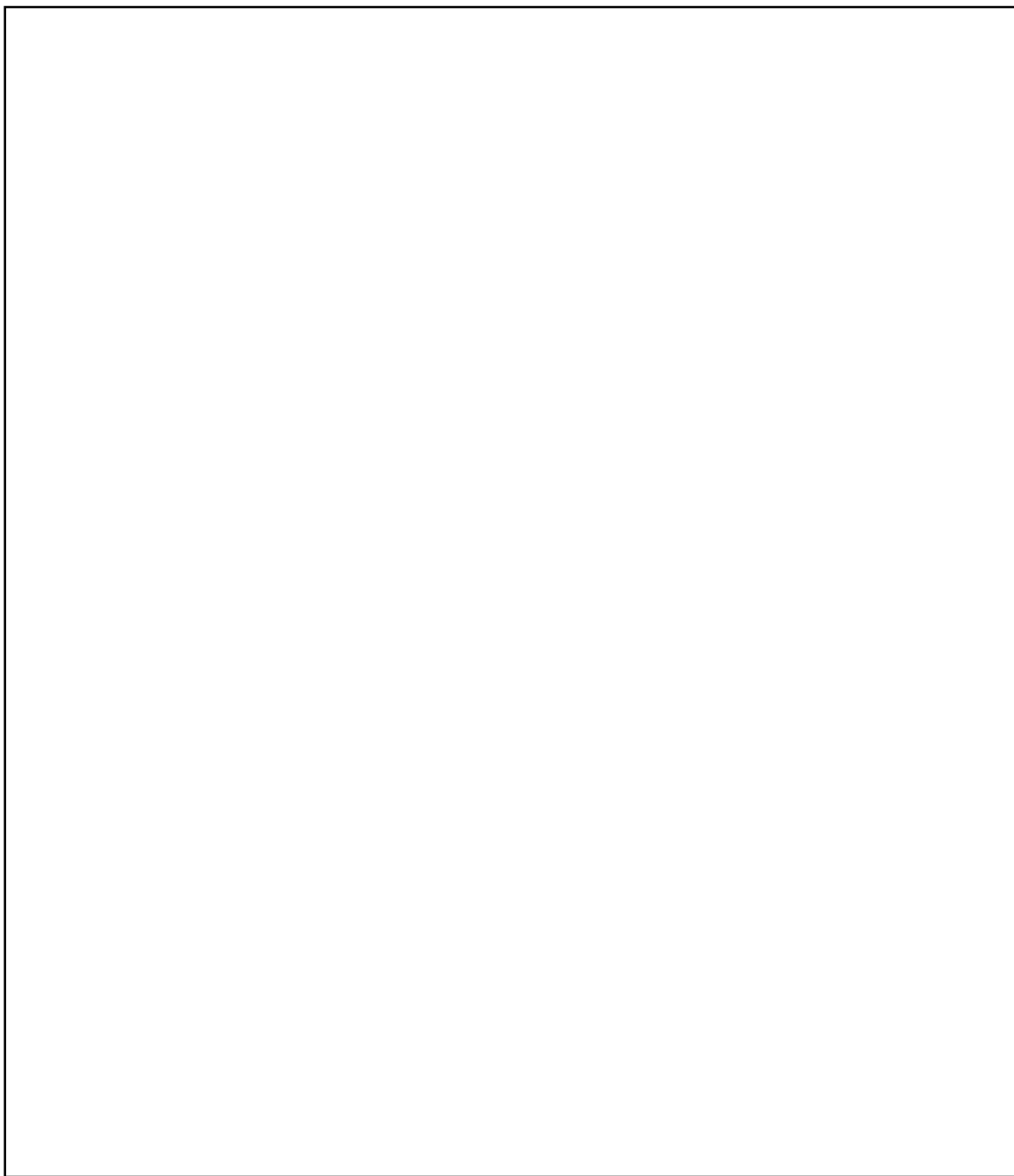
*0-49% Polyester*

*0-3% Spandex*



### 3.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo sơ mi nữ



**Mô tả cấu trúc vải Mã : ASM-NU**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 48% polyeste, 48 % Visco, 4% Spandex .*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 166 g/m<sup>2</sup>.*

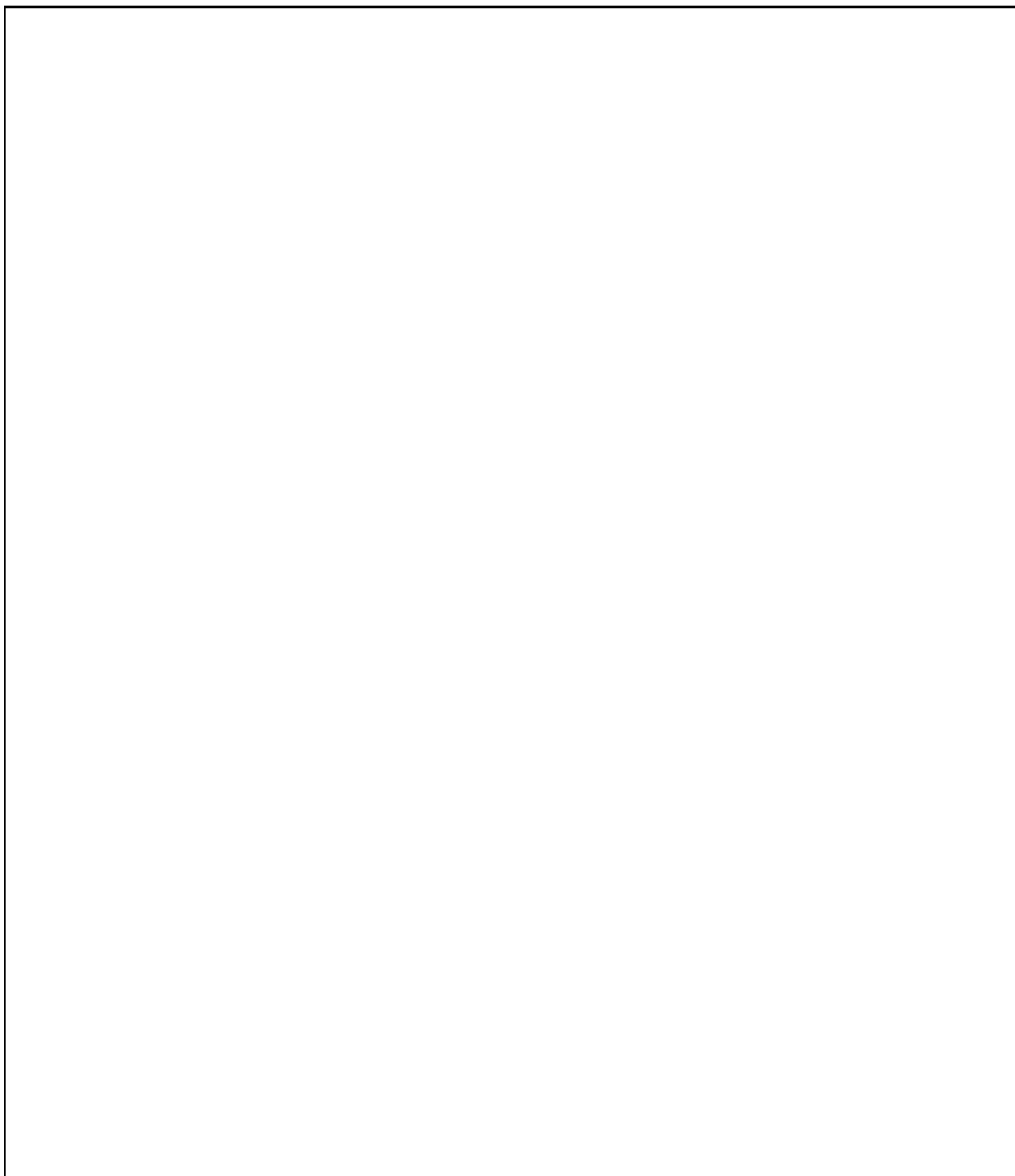
*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ) : Dọc ( Sợi/10cm ): 632, Ngang ( Sợi /10cm): 392.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 45 /1, Ngang (Ne): 38/1.*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*

### 3.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo sơ mi nam



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : ASM-NAM**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 47 % polyeste, 53 % Visco .*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 138 g/m<sup>2</sup>.*

*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc(Sợi /10cm) : 636, Ngang (Sợi /10 cm): 408.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải( $\pm 3$ ): Dọc (Ne) : 50/1 , Ngang (Ne) 50/1.*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*

### 3.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo vest, quần âu, jupe nữ

□

□

#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : QNU**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 76 % polyester, 21 % Visco , 3 % Spandex .*

*Khối lượng( $\pm 5$ ): 239g/m<sup>2</sup>.*

*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc ( Sợi/10cm ): 390, Ngang( Sợi/10 cm): 330.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc ( Ne): 20/1, Ngang(Ne): 21/1.*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*

### 3.2. GIAO DỊCH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN, NHÂN VIÊN BĐVHX

Áo vest, quần âu nam



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : QNAM**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 78 % polyeste, 22% Visco.*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 280 g/m<sup>2</sup>.*

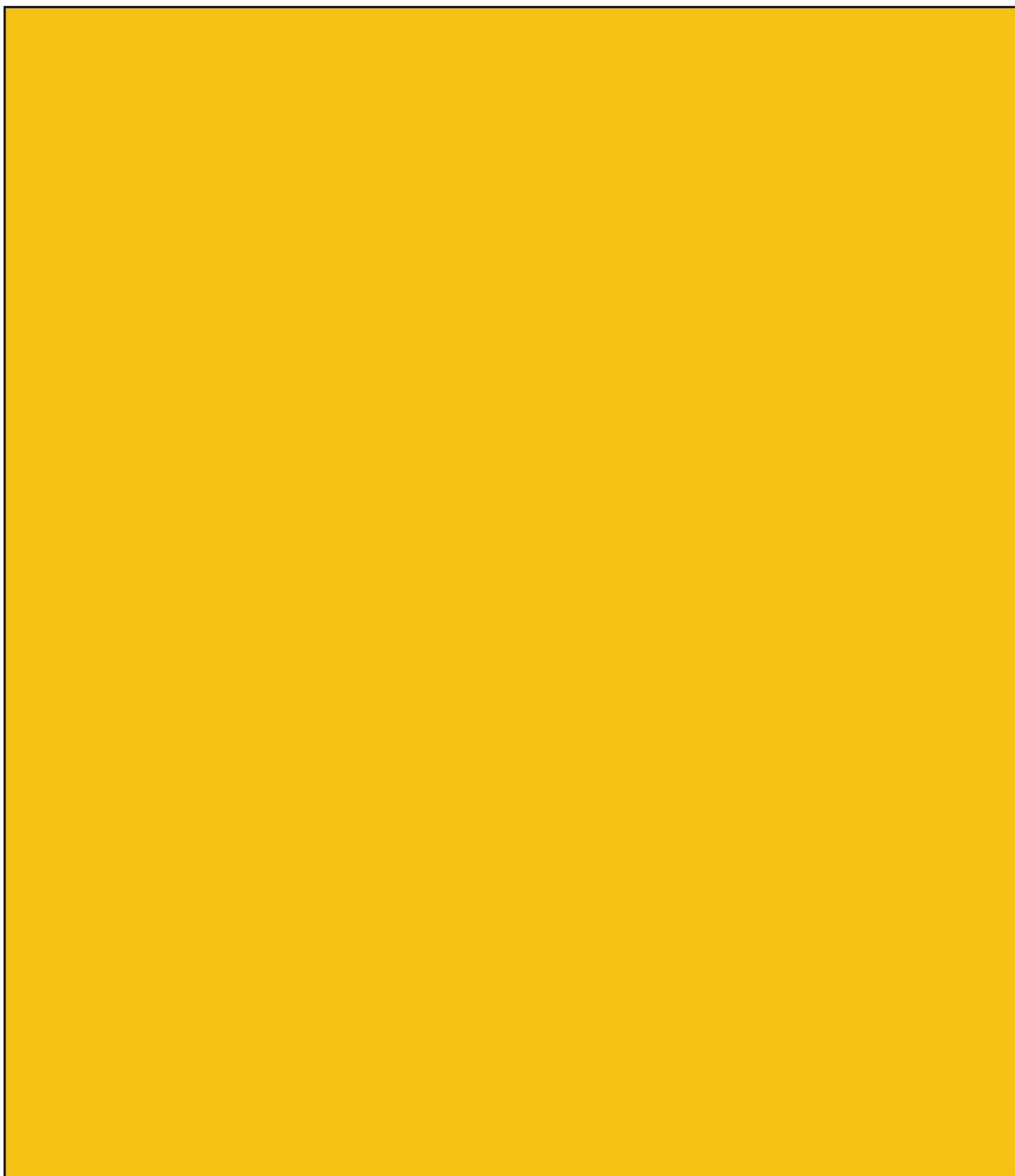
*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc (Sợi/10cm): 590, Ngang (Sợi/10 cm): 340 .*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc ( Ne ): 20/1, Ngang ( Ne ): 25/1 .*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*



### 3.6. BƯU TÁ, LÁI XE



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : AP**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 34 % polyeste, 66 % Bông.*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 203 g/m<sup>2</sup>.*

*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Hàng vòng (Sợi/10cm): 196, Cột vòng (Sợi/10 cm): 136.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 32/1, Ngang (Den): 80*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 6$ ):*

### 3.9. ÁO BẢO HỘ LAO ĐỘNG KHAI THÁC



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : A KT**

*Thành phần: ( $\pm 3$ ): 66 % polyeste, 15 % Bông, 19 % Visco.*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 149 g/m<sup>2</sup>.*

*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc (Sợi/10cm) : 246, Ngang (Sợi/10cm): 262.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne):45/2, Ngang (Ne): 45/2.*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*

### 3.10. QUẦN BẢO HỘ LAO ĐỘNG NAM



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : QBH -NAM**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 42 % polyester, 58 % Bông.*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 204 g/m<sup>2</sup>.*

*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc (Sợi/10cm): 444, Ngang (Sợi/10cm): 210*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc (Ne): 20/1, Ngang (Ne): 20/1.*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*

### 3.10. QUẦN BẢO HỘ LAO ĐỘNG NỮ



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : QBH – NU**

*Thành phần ( $\pm 3$ ): 74 % polyester, 24 % Visco, 2 % Spandex.*

*Khối lượng ( $\pm 5$ ): 238g/m<sup>2</sup>.*

*Mật độ sợi ( $\pm 5$ ): Dọc ( Sợi/10cm ): 464, Ngang ( Sợi/10 cm ) : 298.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải ( $\pm 3$ ): Dọc ( Ne ): 38/2, Ngang ( Den ) : 170*

*Thay đổi kích thước sau giặt ( $\leq 3$ ):*



### 3.10. ÁO KHOÁC MỎNG/ÁO TRẦN BÔNG



#### **Mô tả cấu trúc vải Mã : AKG**

*Thành phần : 100 % polyester.*

*Khối lượng(  $\pm 5$ ): 127g/m<sup>2</sup> .*

*Mật độ sợi (  $\pm 5$ ): Dọc (Sợi/10cm ): 641, Ngang ( Sợi/10 cm): 407.*

*Độ nhỏ sợi tách từ vải (  $\pm 3$ ): Dọc (Den): 77, Ngang ( sợi filament tạo kiểu Den): 76, Ngang (sợi filament Den): 83 .*